**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

**QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030**

**HUYỆN IA H’DRAI, TỈNH KON TUM**

Kon Tum, tháng năm 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP

**QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030**

**HUYỆN IA H’DRAI, TỈNH KON TUM**

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày tháng năm*  **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM**  *(Ký tên, đóng dấu)* | *Ngày tháng năm*  **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN IA H’DRAI**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

MỤC LỤC

[ĐẶT VẤN ĐỀ 1](#_Toc88986831)

[1. Sự cần thiết lập quy hoạch sử dụng đất 1](#_Toc88986832)

[2. Căn cứ pháp lý 2](#_Toc88986833)

[3. Tài liệu, thông tin, tư liệu, bản đồ 5](#_Toc88986834)

[PHẦN I 6](#_Toc88986835)

[ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI 6](#_Toc88986836)

[I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG 6](#_Toc88986837)

[1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên 6](#_Toc88986838)

[1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên 9](#_Toc88986839)

[1.3. Phân tích hiện trạng môi trường 11](#_Toc88986840)

[1.4. Đánh giá chung 12](#_Toc88986844)

[II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI 13](#_Toc88986845)

[2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội 13](#_Toc88986847)

[2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực 13](#_Toc88986848)

[2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất 15](#_Toc88986849)

[2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn 16](#_Toc88986850)

[2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng 17](#_Toc88986851)

[2.6. Đánh giá chung 20](#_Toc88986852)

[III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT 22](#_Toc88986853)

[3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn 22](#_Toc88986854)

[3.2. Phân tích, đánh giá về sa mạc hoá, xói mòn, sạt lở đất 22](#_Toc88986855)

[PHẦN II 23](#_Toc88986856)

[TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI 23](#_Toc88986857)

[I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI 23](#_Toc88986858)

[1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất 23](#_Toc88986859)

[1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân 25](#_Toc88986861)

[1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai 26](#_Toc88986862)

[II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT 27](#_Toc88986863)

[2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất 27](#_Toc88986864)

[2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước 29](#_Toc88986865)

[2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất 31](#_Toc88986866)

[2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất 35](#_Toc88986867)

[III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC 36](#_Toc88986868)

[3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước 36](#_Toc88986869)

[3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước 43](#_Toc88986870)

[3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới 45](#_Toc88986871)

[IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI 46](#_Toc88986872)

[4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp 46](#_Toc88986873)

[4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp 47](#_Toc88986874)

[PHẦN III 50](#_Toc88986875)

[PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 50](#_Toc88986876)

[I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT 50](#_Toc88986877)

[1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 50](#_Toc88986878)

[1.2. Quan điểm sử dụng đất 53](#_Toc88986879)

[1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng 54](#_Toc88986880)

[II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 55](#_Toc88986881)

[2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 55](#_Toc88986882)

[2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng 57](#_Toc88986883)

[2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng 100](#_Toc88986885)

[III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG 101](#_Toc88986886)

[3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư 101](#_Toc88986887)

[3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực 102](#_Toc88986888)

[3.3. Đánh tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ổ, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất 102](#_Toc88986889)

[3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng 103](#_Toc88986890)

[3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc 104](#_Toc88986891)

[3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ 104](#_Toc88986892)

[GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 105](#_Toc88986893)

[I. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường 105](#_Toc88986894)

[II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện Quy hoạch sử dụng đất 106](#_Toc88986895)

[III. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện Quy hoạch sử dụng đất 106](#_Toc88986896)

[IV. Giải pháp khác 107](#_Toc88986897)

[5.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách 107](#_Toc88986898)

[5.2. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật 108](#_Toc88986899)

[KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 109](#_Toc88986900)

[1. Kết luận 109](#_Toc88986901)

[2. Kiến nghị 109](#_Toc88986902)

**HỆ THỐNG BẢNG, BIỂU SỐ LIỆU**

[Bảng 1: Hiện trạng đất lâm nghiệp của huyện Ia H’Drai tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 10](#_Toc87691287)

[Bảng 2: Hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31 /12/2020 của huyện Ia H’Drai 27](#_Toc87691288)

[Bảng 3: Kết quả thực hiện QHSD đất đến ngày 21 tháng 12 năm 2020 của huyện Ia H’Drai 36](#_Toc87691289)

[Bảng 4: Nhu cầu sử dụng đất trồng lúa thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 58](#_Toc87691292)

[Bảng 5: Nhu cầu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác thời kỳ 2021-2030 58](#_Toc87691293)

[trên địa bàn huyện Ia H’Drai 58](#_Toc87691294)

[Bảng 6: Nhu cầu sử dụng đất trồng cây lâu năm thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 59](#_Toc87691295)

[Bảng 7: Nhu cầu sử dụng đất rừng sản xuất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 59](#_Toc87691296)

[Bảng 8: Nhu cầu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 60](#_Toc87691297)

[Bảng 9: Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp khác thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 61](#_Toc87691298)

[Bảng 10: Nhu cầu sử dụng đất vào mục đích Quốc phòng thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 62](#_Toc87691299)

[Bảng 11: Nhu cầu sử dụng đất vào mục đích an ninh thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 63](#_Toc87691300)

[Bảng 12: Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 63](#_Toc87691301)

[Bảng 13: Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 64](#_Toc87691302)

[Bảng 14: Nhu cầu sử dụng đất sản xuất vật liệu làm gốm thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 65](#_Toc87691303)

[Bảng 15: Nhu cầu sử dụng đất giao thông thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 66](#_Toc87691304)

[Bảng 16: Nhu cầu sử dụng đất thủy lợi thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 69](#_Toc87691305)

[Bảng 17: Nhu cầu sử dụng đất y tế thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 70](#_Toc87691306)

[Bảng 18: Nhu cầu sử dụng đất giáo dục thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 71](#_Toc87691307)

[Bảng 19: Nhu cầu sử dụng đất thể dục thể thao thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 73](#_Toc87691308)

[Bảng 20: Nhu cầu sử dụng đất năng lượng thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 73](#_Toc87691309)

[Bảng 21: Nhu cầu sử dụng đất bưu chính viễn thông thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 74](#_Toc87691310)

[Bảng 22: Nhu cầu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải thời kỳ 2021-2030 75](#_Toc87691311)

[trên địa bàn huyện Ia H’Drai 75](#_Toc87691312)

[Bảng 23: Nhu cầu sử dụng đất cơ sở tôn giáo thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 75](#_Toc87691313)

[Bảng 24: Nhu cầu sử dụng đất làm nghĩa trang thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 75](#_Toc87691314)

[Bảng 25: Nhu cầu sử dụng đất chợ thời kỳ 2021-2030 76](#_Toc87691315)

[trên địa bàn huyện Ia H’Drai 76](#_Toc87691316)

[Bảng 26: Nhu cầu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 76](#_Toc87691317)

[Bảng 27: Nhu cầu sử dụng đất khu vui chơi, giải trí, công cộng thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 77](#_Toc87691318)

[Bảng 28: Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 78](#_Toc87691319)

[Bảng 29: Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 81](#_Toc87691320)

[Bảng 30: Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai 81](#_Toc87691321)

[Bảng 31: Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp khác thời kỳ 2021-2030 82](#_Toc87691322)

[trên địa bàn huyện Ia H’Drai 82](#_Toc87691323)

[Bảng 32: Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai 84](#_Toc87691325)

[Bảng 33: Chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa 86](#_Toc87691326)

[Bảng 34: Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác 87](#_Toc87691327)

[Bảng 35: Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây lâu năm 88](#_Toc87691328)

[Bảng 36: Chỉ tiêu sử dụng đất rừng sản xuất 89](#_Toc87691329)

[Bảng 37: Chỉ tiêu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản 89](#_Toc87691330)

[Bảng 38: Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp khác 89](#_Toc87691331)

[Bảng 39: Chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng 90](#_Toc87691332)

[Bảng 40: Chỉ tiêu sử dụng đất an ninh 90](#_Toc87691333)

[Bảng 41: Chỉ tiêu sử dụng đất thương mại dịch vụ 91](#_Toc87691334)

[Bảng 42: Chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 91](#_Toc87691335)

[Bảng 43: Chỉ tiêu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng 91](#_Toc87691336)

[Bảng 44: Chỉ tiêu sử dụng đất phát triển hạ tầng 92](#_Toc87691337)

[Bảng 45: Chỉ tiêu sử dụng đất giao thông 92](#_Toc87691338)

[Bảng 46: Chỉ tiêu sử dụng đất thủy lợi 93](#_Toc87691339)

[Bảng 47: Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa 93](#_Toc87691340)

[Bảng 48: Chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở y tế 93](#_Toc87691341)

[Bảng 49: Chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở giáo dục và đào tạo 94](#_Toc87691342)

[Bảng 50: Chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở thể dục thể thao 94](#_Toc87691343)

[Bảng 51: Chỉ tiêu sử dụng đất công trình năng lượng 94](#_Toc87691344)

[Bảng 52: Chỉ tiêu sử dụng đất công trình bưu chính viễn thông 95](#_Toc87691345)

[Bảng 53: Chỉ tiêu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải 95](#_Toc87691346)

[Bảng 54: Chỉ tiêu sử dụng đất làm nghĩa trang 96](#_Toc87691347)

[Bảng 55: Chỉ tiêu sử dụng đất chợ 96](#_Toc87691348)

[Bảng 56: Chỉ tiêu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng 96](#_Toc87691349)

[Bảng 57: Chỉ tiêu sử dụng đất khu vui chơi giải trí công cộng 97](#_Toc87691350)

[Bảng 58: Chỉ tiêu sử dụng đất ở tại nông thôn 97](#_Toc87691351)

[Bảng 59: Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan 98](#_Toc87691352)

[Bảng 60: Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp 98](#_Toc87691353)

[Bảng 61: Chỉ tiêu sử dụng đất sông suối 98](#_Toc87691354)

[Bảng 62: Chỉ tiêu sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng 99](#_Toc87691355)

[Bảng 63: Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp khác 99](#_Toc87691356)

# DANH SÁCH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| Từ viết tắt | Giải thích |
| DTTN | Diện tích tự nhiên |
| KT-XH | Kinh tế - xã hội |
| QHSD | Quy hoạch sử dụng |
| HĐND | Hội đồng nhân dân |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| TNHH MTV | Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên |
| TTHC | Trung tâm hành chính |
| GCNQSD đất | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| QLBVR | Quản lý bảo vệ rừng |

# ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết lập quy hoạch sử dụng đất

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá của quốc gia, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của sự sống và cũng là nơi xây dựng các công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, dân sinh và an ninh quốc phòng. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “Nhà nước thống nhất quản lý đất đai theo quy hoạch và pháp luật nhằm đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích và có hiệu quả”.

Luật Đất đai năm 2013 khẳng định việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn được cụ thể hóa trong Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất.

Quy hoạch sử dụng đất là việc phân bổ và khoanh vùng đất đai theo không gian sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính trong một khoảng thời gian xác định.

Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ trước mắt mà còn lâu dài, là cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, đưa công tác quản lý đất đai ở địa phương đi vào nề nếp. Góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, giữ vững ổn định tình hình an ninh, chính trị - xã hội; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái.

Huyện Ia H’Drai được thành lập ngày 11 tháng 03 năm 2015 theo Nghị quyết số 890/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Sa Thầy để thành lập huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum. Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gia tăng dân số, nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện thì việc Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai là rất cần thiết, quan trọng và có ý nghĩa vô cùng to lớn, cụ thể như sau:

- Đề xuất việc khoanh định, phân bố đất đai phục vụ yêu cầu phát triển của các hoạt động kinh tế - xã hội trong thời gian tới, đảm bảo hài hoà giữa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Cung cấp tầm nhìn tổng quan, tạo ra sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành của tỉnh và địa phương trong quá trình quản lý, điều hành sao cho phù hợp với kế hoạch đề ra. Kết quả nhằm đóng góp những căn cứ quan trọng vào việc hình thành các chương trình phát triển và hệ thống các dự án đầu tư trọng điểm.

- Cung cấp những thông tin về hiện trạng, tiềm năng và định hướng sử dụng đất cho các nhà đầu tư trong tỉnh, ngoài tỉnh nhằm tạo điều kiện ban đầu trong việc tìm kiếm cơ hội, thu hút đầu tư.

- Làm căn cứ cho việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất,... phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Thông qua kế hoạch sử dụng đất hàng năm để nắm chắc quỹ đất; xây dựng các chính sách quản lý, sử dụng đất đồng bộ và có hiệu quả cao. Qua đó góp phần việc sử dụng đất và phân bổ phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện.

Với yêu cầu quan trọng của công tác này, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các Văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai, thực hiện lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 *(Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công văn số 3460/UBND-NNTN ngày 14 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh, Công văn số 2436/STNMT-CCQLĐĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường).* Theo đó Ủy ban nhân dân huyện Ia H’Drai giao phòng Kinh tế - Hạ tầng phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các phòng, ban, Ủy ban nhân dân các xã và đơn vị tư vấn tổ chức triển khai Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai.

2. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;

- Luật Đất đai năm 2013;

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Nghị định 43/2014/NÐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định 47/2014/NÐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định 35/2015/NÐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quản lý và sử dụng đất lúa;

- Nghị định số 01/2017/NÐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai;

- Nghị định số 37/2019/NÐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 của Chính phủ về lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về các nhiệm vụ , giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;

- Thông báo số 219/TB-VPCP ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác quy hoạch;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Công văn số 4744/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03 tháng 09 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất 2021 cấp huyện;

- Nghị quyết số 06/NQ-ĐH ngày 30 tháng 9 năm 2020 về Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 56/2020-NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của HĐND huyện Ia H’Drai về việc sửa đổi, bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 huyện Ia H’Drai (lần 2).

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Kon Tum về phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 17/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Ia H’Drai;

- Công văn số 3460/UBND-NNTN ngày 14 tháng 09 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thười kỳ 2021-2030;

- Công văn số 1914/UBND-NNTN ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và Luật Lâm nghiệp khi tham mưu giải quyết hồ sơ về thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư.

- Công văn số 2440/UBND-HTKT ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai các thủ tục thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Công văn số 2889/UBND-NNTN ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Công văn số 2362/STNMT-CCQLĐĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc tổ chức thẩm định và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện;

- Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021 của UBND huyện Ia H’Drai về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Ia H’Drai;

- Thông báo số 174/TB-HĐTĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng thẩm định quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện về kết quả thẩm định Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện ia H’Drai.

3. Tài liệu, thông tin, tư liệu, bản đồ

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của huyện Ia H’Drai đến năm 2020, định hướng thời kỳ 2021-2030;

- Báo cáo thuyết minh điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Ia H’Drai;

- Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Ia H’Drai;

- Kết quả Thống kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 của huyện Ia H’Drai;

- Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 VN - 2000;

- Bản đồ Hiện trạng sử dụng đất của 3 xã Ia Đal, Ia Dom, Ia Tơi;

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Ia H’Drai;

- Các loại bản đồ bản đồ lâm nghiệp, bản đồ giải thửa, bản đồ địa chính, Quy hoạch chi tiết xây dựng...trên địa bàn huyện Ia H’Drai.

**4. Những nội dung chính của báo cáo**

1. Đặt vấn đề

2. Phần I: Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội

3. Phần II: Tình hình quản lý sử dụng đất đai

4. Phần III: Phương án quy hoạch sử dụng đất

5. Phần IV: Giải pháp thực hiện

6. Kết luận và kiến nghị

# PHẦN I

# ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

## I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

### 1.1. Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên

Huyện Ia H’Drai là huyện biên giới nằm về phía Tây Nam của tỉnh Kon Tum tiếp giáp với Campuchia. Trung tâm huyện Ia H’Drai đóng trên địa bàn xã Ia Tơi, cách trung tâm thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum khoảng 130 km; cách UBND xã Mô Rai, huyện Sa Thầy về phía Tây Bắc khoảng 55 km, cách huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai khoảng 20 km.

Huyện Ia H’Drai được thành lập năm 2015 trên cơ sở chia tách một phần địa giới hành chính của huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum theo nghị quyết số 890/NQ-UBTVQH13 ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Nằm trong vùng đệm của Vườn Quốc gia Chư Mom Ray nên nguồn tài nguyên rất đa dạng và phong phú, phù hợp phát triển chăn nuôi, trồng trọt, ứng dụng công nghệ cao, tham quan, du lịch – sinh thái – nghĩ dưỡng.

* + 1. **Vị trí địa lý**

*Tọa độ địa lý:*

- Từ 13055’50’’ đến 14028’30’’ Vĩ độ Bắc.

- Từ 107022’25’’ đến 107044’22’’Kinh độ Đông.

*Ranh giới hành chính:*

- Phía Bắc giáp huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

- Phía Nam giáp tỉnh Gia Lai và Campuchia.

- Phía Tây giáp Campuchia.

##### - Phía Đông giáp tỉnh Gia Lai.



**1.1.2. Địa hình, địa mạo**

Huyện Ia H’Drai nằm ở phía Tây dãy Trường Sơn, địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam và Đông sang Tây, dốc ở phía Bắc và độ dốc thấp 2% -5% ở phía Nam, phần lớn có độ dốc từ 15 - 250.

Huyện Ia H’Drai có 2 dạng địa hình chính:

- Địa hình núi cao ở phía Đông - Bắc có độ cao trung bình từ 800 - 1.700 mét so với mực nước biển.

- Địa hình đồi lượn sóng: Có độ cao trung bình từ 180 - 300 mét so với mực nước biển, với độ dốc phổ biến từ 8-250.

**1.1.3. Khí hậu**

Do tính chất đặc thù khí hậu khu vực có nét chung của khí hậu vùng nhiệt đới gió mùa, lại mang tính chất của khí hậu Cao Nguyên.

- Nhiệt độ trung bình năm 220C - 230C.

- Lượng mưa trung bình trong năm 1.737mm.

- Độ ẩm bình quân 79,5%.

- Số giờ nắng bình quân trong năm là 1.981 giờ.

- Hướng gió chính: Hướng gió thịnh hành là hướng Đông Bắc và Tây Nam, tốc độ gió bình quân 2,6m/s.

Khí hậu được chia làm hai mùa *(mùa mưa và mùa khô),* mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô kéo dài 6 tháng từ tháng 11- 4 năm sau, có gió Đông Bắc thổi mạnh, lượng nước bốc hơi lớn, gây khô hạn nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển cây trồng, vật nuôi.

*a. Nhiệt độ không khí:*

- Nhiệt độ trung bình năm: 23,2o C.

- Nhiệt độ cao tuyệt đối: 37o C.

- Nhiệt độ thấp tuyệt đối: 15o C.

- Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất: 25,5o C.

- Nhiệt độ trung bình thấp nhất: 18o C.

Chênh lệch nhiệt độ ngày đêm cao nhất vào các tháng 12,1,3 (17o C)

*b. Độ ẩm không khí:*

- Độ ẩm trung bình: 85%

- Độ ẩm trung bình cao nhất (8,9,10): 95%

- Độ ẩm trung bình thấp nhất(12,1,2,3): 89%

*c. Nắng:*

- Tổng số giờ nắng bình quân/năm: 2.200h.

- Số giờ nắng bình quân/ngày: 6,9h.

- Tháng có giờ nắng nhiều nhất: tháng 2,3,4 (12,7h/ngày).

- Tháng có giờ nắng thấp nhất: tháng 7,8,9 (6,7h/ngày).

*d. Lượng mưa:*

- Lượng mưa bình quân/năm: 1.787 mm.

- Lượng mưa năm cao nhất: 2.693 mm.

- Lượng mưa năm thất nhất: 1.219 mm.

Mùa mưa bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 10, lượng mưa cả năm chủ yếu tập trung vào các tháng này. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau.

*e. Lượng bốc hơi:*

- Lượng bốc hơi bình quân/năm: 840 mm.

- Các tháng có lượng bốc hơi cao nhất: tháng 12,1,2,3.

- Các tháng có lượng bốc hơi thấp nhất: tháng 6,7,8,9,10.

*f. Gió:*

Có hai hướng gió chính thịnh hành:

Gió tây nam: Hoạt động từ tháng 6 đến tháng 10, tần suất cao nhất 30% vào tháng 7 và thấp nhất vào tháng 10.

Gió đông bắc: Hoạt động từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau, tần suất cao nhất 26% vào tháng 4,5 và thấp nhất vào tháng 11.

*g. Khí hậu:* Lượng mưa từ 1.750-2.400 mm, số tháng khô 5-6 tháng/năm, độ ẩm: 80-85%, tốc độ gió trung bình 2-3m/s, số giờ nắng 1.800-2.400h.

**1.1.4. Thuỷ văn**

Khu vực huyện Ia H’Drai có 2 con sông lớn và nhiều suối nhỏ được phân bố đều trên địa bàn.

Do tài nguyên nước dồi dào kết hợp với địa hình phong phú nên có lợi thế phát triển thủy điện. Các công trình thủy điện lớn trên sông Sê San trên địa bàn huyện Ia H’Drai: Thủy điện Sê San 4-360 MW, Thủy điện Sê San 4a-63 MW,... tất cả công trình thủy điện đã hoàn thành và phát điện hoà lưới điện quốc gia.

### 1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

**1.2.1. Tài nguyên đất**

Huyện Ia H’Drai có DTTN là 98.021,81 ha, với quỹ đất rộng, quỹ đất sản xuất nông nghiệp bình quân đầu người lớn và điều kiện địa hình, thổ nhưỡng phù hợp cho việc phát triển các loại cây công nghiệp *(cây cao su, điều...)* đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển ngành công nghiệp chế biến. Diện tích đất ở các khe suối, khu vực đầm lầy, hợp thủy phù hợp phát triển các loại cây ngắn ngày như lúa, ngô, sắn, đậu...; làm ao chăn nuôi gia cầm, thủy sản.

Đất đai phù hợp với cây cao su sinh trưởng và phát triển được trên nhiều loại đất nhưng đất đỏ Bazan là loại đất phù hợp nhất, yêu cầu tầng đất dày >75cm, thành phần cơ giới là đất sét, sét cát, kết von hoặc đá lớn <50%, mức độ thoát nước bình thường, độ PH 4,5 -5,5. Chất dinh dưỡng trong đất cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng: N,P,K,Ca,Mg và các nguyên tố vi lượng cho sự sinh trưởng, phát triển của cây cao su cũng như các cây trồng khác.

**1.2.2. Tài nguyên nước**

Nguồn nước mặt: Khu vực Ia H’Drai nằm trên lưu vực sông Sa Thầy, sông Sê San và các nhánh suối chảy qua các khu vực trong huyện. Lượng mưa trung bình hàng năm lớn, hệ thống sông, suối tương đối dày. Nguồn nước mặt tương đối phong phú về mùa mưa, về mùa khô một số nơi trên địa bàn huyện bị thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt.

Nguồn nước ngầm: Theo khảo sát sơ bộ, nguồn nước ngầm khá khan hiếm do độ sâu lớn và thường gặp nền đá móng phía dưới nên khó khai thác để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt.

**1.2.3. Tài nguyên rừng**

Địa bàn huyện giáp Campuchia về phía Tây thuộc khu vực vành đai biên giới, tiếp giáp Vườn Quốc gia Chư Mom Ray về phía Bắc là khu bảo tồn thiên nhiên với sự phong phú của thảm thực vật nhiệt đới nguyên sinh và các loại ĐTV quý hiếm thuộc sách đỏ, có tiềm năng khai thác du lịch. Độ che phủ của lớp thảm rừng trên địa bàn huyện còn khá cao, diện tích rừng còn lại phần lớn là rừng có giá trị có hệ động thực vật phong phú, đa dạng và có tác dụng phòng hộ cao, ngoài ra còn một số diện tích rừng trồng rải rác đan xem trong vùng canh tác nông nghiệp.

Theo số liệu thống kê đất đai đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, diện tích đất lâm nghiệp toàn huyện là 80.012,39 ha chiếm 81,6% tổng diện tích tự nhiên.

#### Bảng 1: Hiện trạng đất lâm nghiệp của huyện Ia H’Drai tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đơn vị hành chính** | **Rừng sản xuất** | |
| **Diện tích (ha)** | **Tỷ lệ (%)** |
| **Toàn huyện** | | **80.012,39** |  |
| 1 | Xã Ia Dom | 30.633,30 | 38,29 |
| 2 | Xã Ia Tơi | 30.648,82 | 23,41 |
| 3 | Xã Ia Đal | 18.730,27 | 38,30 |

Với diện tích rừng lớn, phong phú và đa dạng về số lượng chủng loại động, thực vật là nơi chứa nhiều ghen động, thực vật quý hiếm có giá trị và ý nghĩa phục vụ cho công tác ngiên cứu khoa học và bảo tồn thiên nhiên. Ngoài ra với hệ môi trường sinh thái phong phú và đa dạng, khả năng khai thác sử dụng vốn rừng giàu hoặc rừng trung bình đối với rừng thường xanh, nửa dụng lá và rừng hỗ giao tre nứa và rừng trồng trên đất sản xuất là có tiềm năng kinh tế lớn.

**1.2.4. Tài nguyên khoáng sản**

Theo số liệu điều tra sơ bộ cho thấy trên địa bàn khu vực có các mỏ sắt, đá và các loại khoáng sản, cấu trúc khác nhau và vị trí nằm rải rác. Khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường: gồm vài điểm mỏ có thể khai thác đá xây dựng, cát xây dựng, cuội sỏi, ...đã thăm dò và đánh giá trữ lượng có thể đảm bảo cho đầu tư khai thác chế biến vật liệu xây dựng, đáp ứng nhu cầu cho nhân dân trong khu vực.

**1.2.5. Tài nguyên nhân văn**

Thành phần các dân tộc trên địa bàn huyện bao gồm: Dân tộc Kinh, dân tộc Thái, dân tộc Mường, dân tộc Tày, dân tộc Gia Rai, dân tộc Xơ Đăng,.... Các dân tộc thiểu số ở Ia H’Drai có một nền văn hóa cổ truyền riêng của đồng bào dân tộc phía Bắc, vừa mang đậm bản sắc văn hóa chung của Trường Sơn - Tây Nguyên vừa có những nét đẹp riêng của từng nhóm, từng làng. Phong tục tập quán, múa hát, kiến trúc, trang phục, lễ hội…của các dân tộc rất phong phú.

### 1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

Là một huyện có tỷ lệ độ che phủ rừng lớn nên hiện trạng môi trường trên địa bàn huyện Ia H’Drai tương đối trong lành. Để bảo vệ môi trường, trước hết phải bảo vệ tài nguyên rừng, hạn chế suy thoái môi trường do biến động tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, hạn chế ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí tại các khu môi trường nông thôn. Đặc biệt hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu trong sản xuất.

***1.3.1. Môi trường không khí***

Có tỷ lệ độ che phủ rừng lớn lại nằm xa các thành phố lớn, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trên địa bàn huyện chưa có những nhà máy lớn nên môi trường không khí tương đối trong lành.

***1.3.2. Môi trường nước***

*Nước ngầm*: Thực tế các giếng nước nhân dân đang sử dụng cho thấy mực nước ngầm thường ở độ sâu từ 10 - 25 m, tuy nhiên nhiều khu vực dân cư còn khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn nước ngầm để phục vụ cho sinh hoạt *(phụ thuộc vào địa hình).*

*Nước mặt:* Huyện Ia H’Drai nằm trên lưu vực sông Sa Thầy, sông Sê San và các nhánh suối chảy qua các khu vực trong huyện, nguồn nước mặt trên địa bàn huyện tương đối sạch, tuy nhiên trong những năm gần đây, mức độ ô nhiễm đang có xu hướng tăng lên do sự canh tác chưa hợp lý các vùng đất thuộc lưu vực sông, các hiện tượng sạt lở, tăng lưu tốc và lưu lượng dòng chảy, nước đục,... Chất lượng nguồn nước mặt thay đổi theo mùa do sự khác nhau rõ rệt giữa 2 mùa mưa và nắng. Vào mùa mưa, một số chỉ tiêu chất lượng nguồn nước mặt tăng cao như độ đục, tổng chất rắn lơ lửng trong nước,... do sự rửa trôi xói mòn đất đá.

***1.3.3. Môi trường đất***

Việc lạm dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp cộng với quy trình sử dụng chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, việc bảo quản, quản lý cũng như xử lý thuốc, bao bì còn tùy tiện đã có ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường đất.

***1.3.4. Tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất***

Biến đổi khí hậu làm lượng mưa hàng năm biến động thất thường, khác biệt giữa các mùa trong năm trên địa bàn huyện ngày càng rõ rệt. Mùa mưa bão, mưa lớn tập trung, sông suối ngắn và dốc gây ra lũ lụt, ngập úng bão lũ không những gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của người dân, mà còn gây nên các hiện tượng xói mòn, sạt lở đất làm ảnh hưởng đến chất lượng và diện tích đất sử dụng trên địa bàn huyện.

Mùa khô, mực nước biến động và thường có xu thế giảm dần từ đầu mùa đến gần cuối mùa; dòng sông cạn kiệt, hàm lượng phù sa trong nước đạt thấp ảnh hưởng xấu tới cây trồng, cản trở lớn trong phát triển kinh tế một số ngành.

### 1.4. Đánh giá chung

**1**.**4.1. Thuận lợi**

Trên địa bàn huyện có Quốc lộ 14C nối thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai với huyện Ngọc Hồi, cửa khẩu Quốc tế Bờ Y (Việt Nam) - Phu Cưa (Lào) là điều kiện để phát triển kinh tế, xã hội. Thời gian tới sẽ mở các cửa khẩu Hồ Đá (VN) - O Za Xát (CPC), Đăk Côi (VN) - Kontuinẹo (CPC) sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc trao đổi, giao thương hàng hóa, phát triển KT-XH trên địa bàn huyện.

Với diện tích rừng tương đối lớn và đa dạng về số lượng chủng loại động, thực vật là nơi chứa nhiều ghen động, thực vật quý hiếm có giá trị và ý nghĩa phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và bảo tồn thiên nhiên. Với những công trình thủy lợi, thủy điện có quy mô lớn được xây dựng thì việc tận dụng các lòng hồ của các công trình thủy điện, thủy lợi và kết hợp với cảnh quan thiên nhiên xung quang để phục vụ khai thác phát triển du lịch rất có tiềm năng phát triển.

Là một huyện thuộc vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa có độ che phủ rừng lớn nên môi trường tương đối sạch, thuận lợi cho phát triển du lịch, tham quan, nghĩ dưỡng, phát triển các ngành nghề, trồng cây dược liệu, chăn nuôi dưới tán rừng nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về rừng trên địa bàn huyện.

**1.4.2. Khó khăn**

Là một huyện biên giới mới thành lập tuy có điều kiện về tiềm năng phát triển kinh tế xã hội nhưng đây là vùng sâu, vùng xa, quỹ đất sản xuất nông nghiệp bị hạn chế, không có điều kiện mở rộng *(vì đã được các Công ty thuê)* do vậy hầu hết đời sống nhân dân, đồng bào các dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, thu nhập còn thấp so với bình quân của tỉnh. Dân cư thưa thớt, cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo. Hệ thống giao thông chưa đáp ứng được nhu cầu giao thương kinh tế, trao đổi hàng hóa giữa các vùng.

## II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

### Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021 của UBND huyện Ia H’Drai về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Ia H’Drai, thực trạng phát triển kinh tế xã hội của huyện Ia H’Drai giai đoạn 2016-2020 như sau:

### 2.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Kinh tế tăng trưởng khá qua từng năm, trong giai đoạn 2016-2020, tổng giá trị sản xuất thực hiện đến năm 2020 là 1.934 tỷ đồng (*đạt 104,58% kế hoạch năm và bằng 295,5% so với năm 2016*); giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản 955,94 tỷ đồng (*đạt 108,31% kế hoạch năm và bằng 280,3% so với năm 2016*); giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng 763,75 tỷ đồng (*đạt 100,26% kế hoạch năm và bằng 366,31% so với năm 2016*); giá trị thương mại - dịch vụ 214,00 tỷ đồng (*đạt 104,55% kế hoạch năm và bằng 208,78% so với năm 2016*).

Cơ cấu kinh tế của huyện chuyển đổi hợp lý. Tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản giảm từ 52,31% năm 2016 xuống 49,44% năm 2020; ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 31,97% năm 2016 lên 39,50% năm 2020; ngành thương mại - dịch vụ giảm từ 15,72% năm 2016 xuống 11,07% năm 2020.

### 2.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

**2.2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp**

*a. Trồng trọt:* Tổng diện tích gieo trồng 27.601 ha (bằng 102,2% so với năm 2016). Một số cây trồng chính trên địa bàn huyện: Cây lúa 194 ha; cao su 24.774 ha, sản lượng bằng 2.640% so với năm 2016); cà phê 89 ha bằng 304,79 % so với năm 2016; cây ăn quả 103,40 ha bằng 305 % so với năm 2016.

Trong giai đoạn 2016-2020, diện tích cao su đưa vào khai thác hằng năm tăng lên kể cả về diện tích và năng suất vườn cây; đến cuối năm 2020, trên địa bàn huyện đã tích cực đưa vào triển khai các mô hình khuyến nông ứng dụng công nghệ cao và đạt được một số thành công ban đầu.

*b. Phát triển chăn nuôi:* tổng đàn gia súc3.834 con, bằng 132% so với năm 2016; Tổng đàn gia cầm 37.071 con, bằng 182% so với năm 2016. Hiện nay, một số mô hình chăn nuôi như: Nuôi gà thảo dược tại 03 xã, quy mô 15.000 con đã thành công; một số mô hình nuôi hươu sao lấy nhung tại xã Ia Dom, Ia Đal đang có triển vọng rất lớn, có tính khả thi cao.

*c. Thủy sản:* tổng diện tích ao, hồ nuôi thủy sản thực hiện 30 ha, số lồng nuôi có 85 lồng; tổng sản lượng thủy sản 287,8 tấn, bằng 309 % so với năm 2016. Một số mô nuôi cá chạch lấu trên lòng hồ thủy điện Sê San 4 đã thành công, hiệu quả kinh tế cao; một số sản phẩm từ nguyên liệu đánh bắt cá tại lòng hồ như cá cơm khô, cá cơm tẩm gia vị, bánh tráng cá cơm, nước mắm, đã hình thành sản phẩm OCOP của huyện Ia H’Drai đạt tiêu chuẩn 03 sao.

*d. Lâm nghiệp:* Về công tác quản lý, bảo vệ rừng, những năm qua các cấp chính quyền, các ngành chức năng của huyện đã có nhiều biện pháp quyết liệt trong việc phòng ngừa và ngăn chặn các hành vi luật lâm nghiệp, công tác phòng, chống cháy rừng vào mùa khô được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả cao, đã kịp thời phát hiện và xử lý các đối tượng vi phạm luật lâm nghiệp và kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan; các ngành có quy chế phối hợp trong quản lý, bảo vệ rừng, cuối nhiệm kỳ cơ bản đã đã giảm được số vụ vi phạm, giảm mức độ vi phạm, qua đó đã cơ bản khắc phục được tình trạng khai thác, vận chuyển trái pháp lâm sản trên địa bàn.

Về công tác giao khoán bảo vệ rừng: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ia H’Drai tổ chức giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho 79 hộ dân, với 1.707 ha; UBND huyện đang triển khai giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất (giao cho người dân là hội viên và thông qua các đoàn thể chính trị - xã hội để quản lý, giám sát) với diện tích 2.799 ha theo kế hoạch. Hạt kiểm lâm thực hiện chi trả chế độ theo quy định đối với 118 trường hợp nhận giao khoán quản lý bảo vệ rừng theo Quyết định 304/2005/QĐ-TTg ngày của Thủ tướng Chính phủ, cho các hộ dân xã Mô Rai, huyện Sa Thầy (thuộc địa phận xã Ia Dom quản lý).

**2.2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp**

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng thực hiện đến cuối năm 2020 đạt 763,75 tỷ đồng, bằng 366,31% so với năm 2016.

Công nghiệp - xây dựng đã dần được hình thành và phát triển mạnh qua các năm, đến cuối 2020, trên địa bàn huyện đã có 02 nhà máy: nhà máy tinh bột sắn, công suất 30.000 tấn/năm; nhà máy mủ cao su của Công ty cổ phần Cao su Sa Thầy, công suất 4.000 tấn/năm. Ngoài ra, có hơn 48cơ sở tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ hoạt động trên địa bàn huyện.

Về xây dựng các khu, cụm công nghiệp, làng nghề:Trên địa bàn huyện đã quy hoạch cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp với diện tích 44,89 ha tại xã Ia Tơi, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt với nguồn vốn đầu tư 22,445 tỷ đồng (Trong đó: ngân sách 7,407 tỷ đồng, xã hội hóa 15,038 tỷ đồng). Trên cơ sở đó, khi đi vào hoạt động dự kiến sẽ di dời hơn 70 cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp hiện đang nằm đan xen trong khu dân cư đưa vào cụm công nghiệp tập trung nhằm phát huy lợi thế tiềm năng, thế mạnh của các cơ sở sản xuất, chế biến, tăng cường sự liên kết trong sản xuất kinh doanh và đảm bảo an toàn lao động, giữ gìn vệ sinh môi trường, khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp.

Trên địa bàn có 142,85 km đường dây trung thế (*trong đó: 109,62km đường dây 35kV; 22,31km đường dây 22kV; 10,92km đường dây 12,7kV*). Có có 01 dự án điện mặt trời, điện áp mái của tập đoàn Điện lực Việt Nam công suất 49 MW; các dự án điện áp mái, với tổng công suất 1240 MW.

*Về xây dựng:* Tổng mức vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh, bổ sung đạt 399.083 triệu đồng *(trong đó: phân bổ thực hiện 394.854 triệu đồng; dự phòng nguồn thu sử dụng đất chưa phân bổ 4.228 triệu đồng)*. Một số dự án, công trình quan trọng ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế xã hội huyện như: Dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng Khu trung tâm hành chính huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum; dự án trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện; dự án cấp nước trung tâm hành chính huyện; dự án Cầu Drai thuộc Đường giao thông nối Trung tâm hành chính huyện với đường tuần tra biên giới tại Khu vực Hồ Le...

**2.2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ**

Giá trị dịch vụ trên địa bàn thực hiện 214,0 tỷ đồng bằng 208,78 % so với năm 2016.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2020 đạt 214 tỷ đồng, tăng 209% so với đầu nhiệm kỳ. Đã chú trọng phát triển các ngành thương mại - dịch vụ thiết yếu để phục vụ nhu cầu nhân dân trên địa bàn; trong đó dịch vụ viễn thông, thông tin, thiết bị điện tử, tin học, đại lý xăng dầu, vật liệu xây dựng, đồ gia dụng… bước đầu hình thành và phát triển khá. Tại Trung tâm huyện đã phát triển các cửa hàng bán đồ gia dụng, hàng tạp hóa, các dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ đồ uống, cà phê, giải khát... đã tạo sự thu hút người dân của huyện đến mua bán và lưu thông hàng hóa; tại các điểm dân cư của các xã đã phát triển nhiều cửa hàng bán lẻ, hình thành các điểm chợ nhỏ tại tại các thôn phù hợp với từng cụm dân cư, cơ bản đáp đã ứng nhu cầu về hàng hóa tiêu dùng thiết yếu của Nhân dân trên địa bàn; số lượng phương tiện vận tải ngày càng tăng; chợ huyện và bến xe trung tâm huyện đang được xây dựng.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 13 Hợp tác xã đang hoạt động với tổng vốn đăng ký hoạt động 57,665 tỷ đồng, với 129 thành viên. Các hợp tác xã chủ yếu sản xuất kinh doanh trên lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, xây dựng, bước đầu cơ bản hoạt động theo đúng quy định Luật hợp tác xã. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh doanh nhỏ, hoạt động chưa chuyên nghiệp, doanh thu thấp, nên sự đóng góp cho phát triển kinh tế địa phương chưa nhiều.

### 2.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

**2.3.1. Dân số**

Sau 5 năm triển khai thực hiện Đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện đã đạt một số kết quả nhất định, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Trong đó, đã bố trí sắp xếp được 939 hộ/3.942 khẩu và 48/61 điểm dân cư công nhân và 43 hộ/230 khẩu vào 03/07 điểm dân cư dịch vụ. Công tác quy hoạch các điểm dân cư đã được triển khai tích cực. Đã chủ động bố trí, lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án và xã hội hóa để đầu tư mạng lưới điện, hệ thống giao thông, cơ sở trường học, y tế... phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân. Đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, các công ty trên địa bàn theo dõi, hướng dẫn, giúp các hộ dân mới đến định cư ổn định cuộc sống và việc làm; thực hiện chính sách hỗ trợ lương thực cho các hộ dân đã di dân đến định cư trên địa bàn các điểm dân cư của các xã theo quy định nhằm thu hút người dân đến định cư, phát triển kinh tế xã hội.

**2.3.2. Lao động việc làm**

Lực lượng lao động qua đào tạo và có việc làm trên địa bàn huyện đạt tỷ lệ tương đối cao, chủ yếu là lực lượng công nhân tại các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn và một phần tham gia hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Đây là đối tượng có tay nghề tương đối cao, được thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo, là lực lượng lao động nòng cốt có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Công tác chăm lo đời sống, giải quyết chế độ chính sách cho các đối tượng được thụ hưởng chế độ hỗ trợ nhà nước được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Ngoài các chế độ chính sách nhà nước theo quy định, hàng năm huyện trích một phần kinh phí ngân sách và vận động các nguồn xã hội hóa để hỗ trợ, chăm lo đời sống, động viên các đối tượng, nhất là các dịp lễ, tết, các ngày kỷ niệm lớn trong năm.

Đề án giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện được triển khai có hiệu quả, chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm chưa đạt yêu cầu *(lý do tỷ lệ nghèo hàng năm phát sinh cao do biến động dân cư đến địa phương lập nghiệp hàng năm lớn)*, tuy nhiên kế hoạch giảm nghèo hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, tỷ lệ hộ nghèo tái nghèo bình quân năm là 0,35%/năm và nghèo phát sinh là 17,48%/năm, dẫn đến tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện hằng năm tăng 0,71%/năm. Đến cuối năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện còn 41,34%.

**2.3.3. Thu nhập**

Thu nhập người dân trên địa bàn còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện vẫn còn cao, tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh còn thấp, tỷ lệ nhà tạm vẫn còn cao.

### 2.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

Huyện Ia H’Drai có nhiều người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống như: Kinh, Gia Rai, Xơ Đăng, Thái, Tày… với mật độ dân số thấp, dân cư phân bố không đều, một số nơi dân số còn phân bố nhỏ lẻ. Từ ngày đầu thành lập, huyện Ia H’Drai đã có những bước đi phù hợp để cùng các doanh nghiệp thu hút lao động. Trong điều kiện nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương và địa phương còn khó khăn, huyện Ia H’Drai đã vận dụng sáng tạo các cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn để tạo nguồn lực đầu tư đồng bộ. Các công trình giao thông, thủy lợi, các tuyến đường liên thôn, xã, đường vào khu sản xuất… đã được ưu tiên đầu tư, xây dựng góp phần thay đổi diện mạo địa phương.

Khu Trung tâm hành chính huyện đã được đầu tư chỉnh trang, cơ bản hoàn thiện về cơ sở hạ tầng, giao thông, điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, sinh thái, môi trường được bảo vệ, rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý tạo cảnh quan đô thị sạch đẹp, văn minh, hiện đại.

Xây dựng kế hoạch và tuyên truyền vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh môi trường, thu gom chất thải rắn, làm chuồng trại chăn nuôi, nhà tiêu hợp vệ sinh.

Đã tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; điều tra, rà soát các đối tượng người có công với cách mạng. Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội huyện tổ chức làm hồ sơ cho các hộ dân vay vốn kinh doanh, vay vốn hộ nghèo, vay vốn nước sạch nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình, thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn huyện.

Bên cạnh đó, các chính sách thu hút công dân của huyện làm công nhân cho các công ty cao su cũng được tỉnh triển khai đồng bộ. Khi đến định cư, người dân được tạo việc làm ổn định, mỗi lao động còn được cấp đất, hỗ trợ xây dựng nhà để tăng thu nhập.

Nhà ở được xây dựng đa dạng theo lối cổ truyền, theo tập quán của từng dân tộc, tỷ lệ nhà kiên cố được xây dựng trên địa bàn huyện ngày càng cao.

### 2.5. Phân tích thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

**2.5.1. Giao thông**

Quốc lộ 14C: Đoạn qua khu vực huyện Ia H’Drai có chiều dài 47,6km, điểm đầu tại Km59+411, điểm cuối Km107. Cầu, cống bê tông cốt thép trên tuyến đã được đầu tư hoàn chỉnh.

Đường Tuần tra biên giới: Chiều dài đường tuần tra biên giới qua khu vực huyện khoảng 117 km, kết cấu mặt đường và công trình thoát nước đầu tư hoàn chỉnh bằng bê tông xi măng.

Đường vào các Đồn Biên phòng: Đường vào Đồn 711 (*Đồn Suối Cát*), đường vào Đồn 713 (*Đồn Sa Thầy*) và đường vào Đồn 715 (*Đồn Sê San)...* tổng chiều dài 22,7 km.

Đường tỉnh lộ 675A: có chiều dài 58 km, mặt đường rộng 3,5 m. Hiện trạng đường có độ dốc lớn, bị đứt một số đoạn nên không lưu thông được, một số đoạn hiện nay do mưa lớn đã bị trôi, phải chờ khắc phục.

Các tuyến đường giao thông trên liên thôn địa bàn huyện được nâng cấp, cải tạo và bê tông hóa nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

**2.5.2. Thuỷ lợi**

Hiện nay, trên địa bàn huyện Ia H’Drai có các công trình thủy lợi đang vận hành khai thác do nhà nước quản lý, gồm: Thủy lợi Hồ chứa nước xã IV diện tích 32 ha tại thôn 1 thôn 2, xã Ia Đal; Cụm công trình thủy lợi Ia H’Drai diện tích khoảng 66 ha nằm tại thôn 9 xã Ia Tơi; Hồ chứa nước số 1 diện tích 4,2 ha tại thôn 1 xã Ia Tơi; Hồ chứa nước số 2 (trung tâm hành chính huyện) diện tích 15,3 ha tại thôn 1 xã Ia Tơi; Hồ chứa nước và các hạng mục phụ trợ khu dân cư phía Đông: 5,3 ha nằm tại trung tâm xã Ia Tơi.

Các công trình cấp ước sinh hoạt đã hoàn thành và đưa vào sử dụng như cấp nước sinh hoạt xã Ia Dom, hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ và hệ thống cấp nước: 5,3 ha; Cấp nước sinh hoạt Trung tâm huyện Ia H'Drai diện tích 2,34 ha.

Các công trình thủy lợi có hệ thống kênh dẫn nước, hồ chứa nước có dung tích và diện tích mặt hồ lớn đảm bảo cung cấp nước tưới sản xuất nông nghiệp và nước sinh hoạt cho các hộ dân, góp phần ứng dụng thành công các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ trên địa bàn huyện.

**2.5.3. Giáo dục - Đào tạo**

Công tác giáo dục đạt nhiều kết quả nổi bật, tỷ lệ trẻ em đúng độ tuổi ở các bậc học đạt 100%, cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập hàng năm được quan tâm đầu tư ngày càng khang trang, cơ bản đáp ứng yêu cầu sự nghiệp giáo dục và đào tạo; quy mô giáo dục ở các cấp học, bậc học được giữ vững và mở rộng; chất lượng giáo dục và đào tạo ngày càng được nâng lên; tỷ lệ học sinh chuyển lớp và tốt nhiệp hàng năm đạt từ 98-100%; tỷ lệ học sinh khá, giỏi ở các bậc học năm sau cao hơn năm trước. Đội ngũ giáo viên các cấp đạt chuẩn và trên chuẩn với tỷ lệ cao, đã tích cực đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm, đạt nhiều kết quả thiết thực. Đến nay, trên địa bàn huyện có 06 trường học (gồm: 03 trường mầm non, 03 trường tiểu học – trung học cơ sở) và 01 Phân hiệu Trường phổ thông trung học Dân tộc nội trú.

**2.5.4. Y tế**

Cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế đã được quan tâm đầu tư; đến năm 2020 đạt 65 giường bệnh/vạn dân, đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội; đội ngũ cán bộ y tế từ huyện đến xã, thôn được nâng cao trình độ chuyên môn và y đức; công tác y tế dự phòng trong 5 năm đã triển khai đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận trong việc khống chế và loại trừ các ổ dịch cũ như tay chân miệng, quai bị, thủy đậu, đặc biệt bệnh sốt rét đã từng lưu hành trong thời gian dài trên địa bàn…; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường; chất lượng khám và điều trị nội, ngoại trú từ Trung tâm Y tế huyện đến Trạm y tế xã được nâng lên; đến nay 100% Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2011-2020.

**2.5.5. Văn hoá, thể dục thể thao**

Thường xuyên tổ chức thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông huyện duy trì ổn định lịch tiếp và phát sóng truyền thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Kon Tum, chất lượng phát sóng ổn định đã đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin thời sự của Nhân dân. Trang thông tin điện tử huyện thường xuyên cập nhật các tin hoạt động, các bài viết về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của huyện, đăng tải các văn bản chỉ đạo, điều hành của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, tuyên truyền, quảng bá về hình ảnh và quá trình xây dựng, phát triển của huyện.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được đẩy mạnh. Trong 5 năm, toàn huyện có 2.018 hộ đăng ký xây dựng "Gia đình văn hóa"; có 14/21 thôn đăng ký xây dựng "Khu dân cư văn hóa"; 13/48 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đăng ký xây dựng cơ quan văn hóa. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển mạnh với bản sắc đa dạng của các dân tộc; hoạt động thể dục, thể thao được duy trì và phát triển ở nhiều khu dân cư, tỷ lệ người tham gia luyện tập thường xuyên đạt 20% dân số.

Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch bảo tồn và phát huy văn hóa dân gian các dân tộc trên địa bàn huyện giai đoạn 2018-2020. Trong đó, đã thành lập 03 đội Văn hóa - Văn nghệ dân gian các dân tộc thiểu số tại 03 xã của huyện; trang bị các bộ trống, cồng chiêng của dân tộc Thái, đàn Tính của dân tộc Tày và bộ trang phục truyền thống cho 03 đội Văn hóa - Văn nghệ để phục vụ luyện tập, biểu diễn.

**2.5.6. Bưu chính viễn thông**

Cơ sở hạ tầng về thông tin liên lạc trên địa bàn huyện được quan tâm. Đã thực hiện đầu tư xây dựng, các trạm thu phát sóng cơ bản đáp ứng thông tin liên lạc trên địa bàn huyện. Hiện trạng tại các xã chưa có bưu điện để đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ gửi, tiếp nhận, truyền tải, cung cấp các [thư từ](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%C6%B0_t%E1%BB%AB&action=edit&redlink=1) và [bưu phẩm](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%C6%B0u_ph%E1%BA%A9m&action=edit&redlink=1) của người dân.

**2.5.8. Quốc phòng, an ninh**

Trong khu vực huyện Ia H’Drai có 05 Đồn Biên phòng: Đồn Biên phòng Mô Rai (709), Đồn Biên phòng Suối Cát (711), Đồn Biên phòng Hồ Le (703), Đồn Biên phòng Sa Thầy (713), Đồn Biên phòng Sê San (715) và 03 trạm kiểm soát biên phòng *(Tà Dẹt, Hồ Le, Hồ Đá)* quản lý 76,4 km đường biên .

Ban chỉ huy quân sự huyện và Công an huyện đã được thành lập. Tại 03 xã đã có bộ máy Công an xã, Ban chỉ huy quân sự xã, đã thành lập dân quân thường trực của xã nhằm đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững trước những khó khăn, thách thức. Lực lượng vũ trang huyện đã duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, công tác giữ gìn an ninh, trật tự xã hội được đảm bảo.

Công tác quản lý, tuyển chọn nguồn công dân nhập ngũ đạt chất lượng, đảm bảo chỉ tiêu được giao, nhận quân 100% theo kế hoạch. Đã triển khai cho lực lượng dân quân thường trực, dân quân cơ động huyện tham gia phối hợp các Đồn Biên phòng tiến hành tuần tra kiểm soát ngăn chặn xuất, nhập cảnh trái phép và phòng chống Covid-19 hiệu quả.

### 2.6. Đánh giá chung

**2.6.1.Thuận lợi**

Giai đoạn 2016-2020, Đảng bộ, quân và Nhân dân huyện Ia H’Drai triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh có nhiều thuận lợi; nhất là nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ thường xuyên, kịp thời của tỉnh, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân trên địa bàn huyện nên kinh tế - xã hội đã có bước phát triển, mọi mặt đời sống Nhân dân không ngừng được nâng lên.

Quy mô kinh tế huyện tăng lên hằng năm, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện hằng năm vượt dự toán tỉnh giao, năm 2020 thu 92,3 tỷ đồng, đạt 304% dự toán tỉnh giao và 152% dự toán huyện giao. Nông - lâm - thủy sản tăng nhanh về quy mô so với đầu nhiệm kỳ và bước đầu khai thác được tiềm năng, lợi thế của địa phương. Bước đầu hình thành ngành công nghiệp sản xuất điện năng và công nghiệp chế biến; kinh tế hợp tác xã bước đầu phát triển; ngành xây dựng đã có đóng góp quan trọng trong việc hình thành cơ sở hạ tầng thiết yếu của huyện mới. Thương mại - dịch vụ đã từng bước đáp ứng nhu cầu thiết yếu đời sống Nhân dân trên địa bàn. Tiến bộ khoa học và công nghệ bước đầu đã được ứng dụng vào sản xuất. Đã đưa vào ứng dụng một số tiến bộ kỹ thuật về giống cây, con, xây dựng mô hình sản xuất mới để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực, đã đạt 05/09 tiêu chí huyện nông thôn mới; mỗi xã đạt bình quân 13,3/19 tiêu chí xã nông thôn mới. Công tác quản lý sử dụng đất, tài nguyên và môi trường được quan tâm chỉ đạo thực hiện, từng bước đi vào nề nếp.

Giáo dục đạt được những thành tựu quan trọng, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng giáo dục ở các bậc học. Hằng năm, tỷ lệ học sinh ra lớp và tỷ lệ chuyên cần đạt trên 98%, chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn và các hoạt động phong trào được đánh giá đạt khá so với các địa phương trong tỉnh. Công tác y tế, chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân có nhiều tiến bộ; đội ngũ cán bộ y tế từ huyện đến xã, thôn được nâng cao trình độ chuyên môn và y đức; đã khống chế và loại trừ các ổ dịch cũ như tay chân miệng, quai bị, thủy đậu, đặc biệt sốt rét là bệnh lưu hành trên địa bàn…100% Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2011-2020. Sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục thể thao đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được đẩy mạnh. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển mạnh với bản sắc đa dạng của các dân tộc; hoạt động thể dục, thể thao được duy trì và phát triển ở nhiều khu dân cư, tỷ lệ người tham gia luyện tập thường xuyên đạt 20% dân số. Phong trào giúp nhau làm kinh tế được triển khai thiết thực bằng cách hỗ trợ vốn, kỹ thuật, giống cây con…nhiều hộ đã thoát nghèo, trong đó có hộ trở nên khá; tỷ lệ giảm nghèo bình quân 5-6%/năm. Chính sách đối với người có công và an sinh xã hội được chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng đối tượng; công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội được triển khai thực hiện có hiệu quả.

Quốc phòng, an ninh được tăng cường; trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; Công tác đối ngoại với các địa phương giáp biên của Campuchia đạt kết quả tốt.

**2.6.2. Khó khăn, hạn chế**

Huyện Ia H’Drai triển khai thực hiện Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 trong điều kiện huyện mới thành lập, cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều thấp kém; kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, với cây trồng chủ yếu là cây cao su; diện tích khai thác kinh doanh tăng dần hàng năm theo chu kỳ phát triển của cây cao su, sản lượng và giá bán không ổn định; các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chưa phát triển.

Phát triển kinh tế có mặt còn hạn chế, giá trị sản xuất tăng nhanh nhưng quy mô còn nhỏ. Sản xuất nông nghiệp tuy đã có bước phát triển nhưng còn phụ thuộc lớn vào cây cao su. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chưa phát triển; thương mại, dịch vụ có giá trị và quy mô còn nhỏ. Tiềm năng phát triển du lịch *(lòng hồ thủy điện Sê San, bản sắc văn hóa các dân tộc…)* chưa được khai thác hiệu quả. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, bảo vệ rừng, tài nguyên, môi trường có lúc, có nơi còn thiếu sót; việc kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, trật tự xây dựng, khai thác khoáng sản chưa triệt để.

Chất lượng giáo dục chưa cao, chưa xây dựng được trường đạt chuẩn; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác khám, chữa bệnh còn thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu, đội ngũ y bác sỹ còn thiếu. Việc đăng ký, tham gia xây dựng gia đình, thôn, cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa chưa được tập trung thực hiện. Công tác giảm nghèo có mặt chưa bền vững.

Tình hình an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn còn xảy ra một số vụ việc phức tạp; việc nắm bắt tình hình, xử lý chưa kịp thời, có vụ việc để phát sinh điểm nóng. Công tác phối hợp giữa các ngành nội chính có lúc chưa đồng bộ; hoạt động điều tra, truy tố, kiểm sát có vụ việc còn sơ hở. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong Nhân dân, thanh thiếu niên còn hạn chế.

## III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

### 3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn

Kon Tum là tỉnh không giáp biển, do đó biểu hiện của nước biển dâng, xâm nhập mặn đối với việc sử dụng đất là không rõ ràng.

### 3.2. Phân tích, đánh giá về sa mạc hoá, xói mòn, sạt lở đất

Biến đổi khí hậu trong những năm gần đây có diễn biến ngày càng phức tạp. Các biểu hiện lớn và dễ quan sát nhất là ở các yếu tố nhiệt độ, mưa và dòng chảy sông suối. Trong 10 năm qua, nhiệt độ trung bình ở tỉnh tăng từ 0,50-0,70 độ C, cùng với đó là sự gia tăng chênh lệch nhiệt độ ngày và đêm. Sự gia tăng biên độ nhiệt, ẩm ngày và đêm khiến một số nơi đang mất dần tính ôn hòa vốn có. Thiên tai ngày càng xảy ra khốc liệt với tần suất xuất ngày càng nhiều như hạn hán, nắng nóng hơn mức bình thường vào mùa khô; mưa lớn khiến quét, lũ ống xuất hiện nhiều hơn gây xói mòn, sạt lở đất ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân. Theo đó, để thích ứng với biến đổi khí hậu việc thực hiện tái cơ cấu lại sản xuất bằng các việc làm cụ thể như tổ chức lại sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; áp dụng chương trình quản lý dịch hại tổng hợp, sử dụng các loại giống cây trồng có khả năng thích nghi với sự biến đối khí hậu như giống chịu lạnh, chịu hạn.

# 

# PHẦN II

# TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

## I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

### 1.1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Công tác lập Đồ án quy hoạch được triển khai thực hiện theo quy định của Luật xây dựng và Luật quy hoạch đô thị, về chất lượng, nội dung các Đồ án quy hoạch cơ bản đảm bảo theo quy định. Từ năm 2015 đến nay, đã lập hoàn chỉnh 15 Đồ án quy hoạch trên địa bàn các xã. Trong đó: 04 đồ án quy hoạch xây dựng đô thị; 03 đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới tại các xã; 08 Đồ án quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn. Công tác quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

Công tác quản lý, sử dụng đất đai, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện được Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, đưa vào chương trình công tác quý, năm và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo phòng Kinh tế - Hạ tầng, Ủy ban nhân dân các xã nêu cao vai trò, trách nhiệm, tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn huyện.

### Về việc phê duyệt (điều chỉnh) quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 – 2020, kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ quy hoạch (năm 2016): Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ - HĐND ngày 6/5/2016 của HĐND tỉnh về danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2016 và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Kon Tum; Quyết định số 584/QĐ-BND ngày 20/6/2014 của UBND tỉnh về việc xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Sa Thầy. Ngày 29/10/2018, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1177/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch sử dung đất đến năm 2020 về kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ quy hoạch (năm 2016) của huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thu hồi, chuyển mục đích và giao đất với tổng diện tích 681.122,96 m2 về địa phương để thực hiện gồm các dự án như sau: Thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao cho UBND huyện để xây dựng công trình: Trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND-UBND, Mặt trận đoàn thể và các công trình phụ trợ; Đài truyền thanh huyện; đường giao thông Đô thị TTHC (khu Công cộng dịch vụ), các tuyến ĐĐT04; ĐĐT05; San ủi, vạch tuyến một số đường QH TTHC; thực hiện phương án giao đất, đấu giá QSDĐ thuộc Dự án Khai thác Quỹ đất TTHC huyện; thực hiện dự án Khai thác Quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng Khu trung tâm hành chính; Trụ sở làm việc Chi cục Thống kê huyện; Công ty CP XNK và ĐTKT để xây dựng xưởng gia công và trưng bày sản phẩm; Xây dựng công trình Đại đội 186/BCHQS; Công trình Cầu Drai, thuộc đường giao thông nối Trung tâm hành chính huyện với đường tuần tra biên giới khu vực Hồ le; Kho bạc Nhà nước Ia H'Drai xây dựng trụ sở kho bạc nhà nước; Viện Kiểm soát tỉnh xây dựng trụ sở Viện Kiểm soát huyện; Tòa án tỉnh Kon Tum để xây dụng Trụ sở Tòa án huyện; Nhà làm việc và lắp đặt thiết bị trung tâm viễn Thông huyện...

Từ khi thành lập huyện đến nay, Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất trong kỳ 1.477 hồ sơ tổng diện tích 640.057,51 m2. Trong đó: Hồ sơ thông qua đấu giá 1.244 hồ sơ, Diện tích đất ở nông thôn 253.243,01m2, đất thương mại dịch vụ 15.405,1m2; hồ sơ không qua đấu giá 233 hồ sơ tổng diện tích 386.814,5 m2. Trong đó: Diện tích đất ở nông thôn 213.488,9m2, đất khác 173.325,6m2.

Ủy ban nhân dân huyện ra Thông báo thỏa thuận vị trí đất các doanh nghiệp thu hút đầu tư trên địa bàn huyện, cụ thể: Công ty TNHH Đầu tư và phát triển làng nghề Tây Nguyên xây dựng Trụ sở làm việc, nhà xưởng, diện tích 1,66 ha tại địa bàn xã Ia Dom; Công ty cổ phần Mê Kông Kon Tum thực hiện dự án đầu tư chăn nuôi gia súc công nghệ cao kết hợp xây dựng khu giết mổ tập trung và xây dựng tiểu khu nhà trồng nấm, diện tích 3,89 ha và Mặt bằng sân công nghiệp để chứa cát sỏi diện tích 0,21 ha, tại địa bàn xã Ia Tơi; Dự án nông nghiệp kết hợp năng lượng mặt trời áp mái diện tích 5,79 ha trên địa bàn xã Ia Đal; Công ty TNHH 11-3 Ia H’Drai thực hiện đầu tư Trồng cây xanh phục hồi rừng và kết hợp nông nghiệp công nghệ cao, diện tích 98,26 ha tại xã Ia Tơi; Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông đầu tư Sản xuất nông nghiệp tại huyện Ia H’Drai, diện tích 161,8 ha, địa điểm tại xã Ia Tơi; Công ty Cổ phần Thái Dương Bảo đầu tư Nông nghiệp công nghệ cao kết hợp với hệ thống điện mặt trời áp mái, diện tích 2,76 ha, tại xã Ia Tơi; Hợp tác xã Dịch vụ Thương mại - Du lịch - Nông nghiệp Công nghệ cao Ia H’Drai thực hiện xây dựng trụ sở làm việc, nhà ở công nhân, sân phơi và kho chứa nguyên liệu, máy móc sản xuất diện tích 0,25 ha, tại xã Ia Tơi; Công ty TNHH Dịch vụ Phúc Thịnh Phát (Duyên Thịnh Phát) thực hiện dự án Nuôi heo công nghệ cao diện tích 192,7 ha, tại địa bàn xã Ia Đal; Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện Dự án diện mặt trời Sê San 4 diện tích 63,3 ha, tại địa bàn xã Ia Tơi; Công ty TNHH nông nghiệp sạch Tây Nguyên diện tích 747,85 ha, tại địa bàn xã Ia Tơi; Công ty CP Đầu tư và Phát triển năng lượng xanh TMG ha Dự án điện gió diện tích 899,1 ha, tại địa bàn xã Ia Tơi.

### 1.2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân

**1.2.1. Những kết quả đạt được**

Công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Ia H’Drai đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, làm cho hoạt động quản lý, sử dụng đất ngày càng đi vào kỹ cương, nề nếp và đúng pháp luật. Công tác quản lý, sử dụng đất từng bước đi vào ổn định.

Hệ thống tổ chức bộ máy, cán bộ làm công tác quản lý đất đai ngày càng được kiện toàn, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các văn bản chấn chỉnh công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch trên địa bàn huyện. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tạo điều kiện cho cán bộ công chức và nhân dân ổn định chổ ở, cuộc sống. Đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH và các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

Quy hoach, kế hoạch sử dụng đất của huyện Ia H’Drai được UBND huyện chỉ đạo thực hiện và trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định làm cơ sở thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Đã thực hiện tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân đảm bảo đúng quy trình, quy định của pháp luật về đất đai. Thực hiện tốt công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần sắp xếp, bố trí quỹ đất hợp lý đối với từng loại đất, mục đích sử dụng, đảm bảo sử dụng đất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, phù hợp với quan điểm phát triển chung của tỉnh.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực đất đai được UBND huyện quan tâm giải quyết và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị thực hiện nghiêm túc theo quy định. Do vậy, các tranh chấp, khiếu kiện về đất đai kéo đài, phức tạp, đông người phát sinh do công tác quản lý nhà nước về đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ít xảy ra.

**1.2.2. Những tồn tại**

Công tác tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lĩnh vực đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được quan tâm nhưng chưa thường xuyên. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hoá các văn bản của Trung ương và của tỉnh còn hạn chế, chưa kịp thời.

Công tác lập và hoàn chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất triển khai trên địa bàn huyện vẫn còn chậm. Công tác điều tra, rà soát quy hoạch của các dự án không triển khai trên địa bàn để điều chỉnh hoặc huỷ bỏ vẫn còn nhiều vướng mắc, bất cập ảnh hưởng đến công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

Việc quản lý quy hoạch trên địa bàn huyện đôi lúc chưa chặt chẽ, tình trạng sử dụng đất không tuân theo quy hoạch vẫn còn diễn ra. Quy hoạch trong việc bố trí quỹ đất sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào thị trường tiêu thụ, chưa chủ động; việc bố trí đất và kinh phí xây dựng các công trình, dự án còn gặp nhiều khó khăn.

Công tác bồi thường, giải phòng mặt bằng để xây dựng công trình, dự án gặp không ít khó khăn. Các ngành, lĩnh vực sử dụng đất trên địa bàn huyện chưa được các chủ đầu tư quan tâm đăng ký nhu cầu sử dụng đất nên phương án quy hoạch đưa ra chưa bao quát, đầy đủ, chưa mang tính dự báo và tính toán những diễn biến của các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

### 1.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai

Để công tác quản lý Nhà nước về đất đai hiệu quả trước hết cần tăng cường sự phối hợp, trao đổi trong giải quyết công việc giữa các cấp, các ngành. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật để xóa bỏ nhiều rào cản, tháo gỡ vướng mắc trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, góp phần ổn định chính trị - xã hội trên địa bàn huyện.

Cần chú trọng việc tuyên truyền chính sách pháp luật về đất đai; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, tập trung vào các điểm nóng, các vấn đề bức xúc để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các sai phạm. Công tác thanh tra, kiểm tra phải đi liền với xử lý trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức và người đứng đầu tổ chức để xảy ra sai phạm để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Cần tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng công tác lập, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính đồng bộ, tính liên kết, kết nối giữa các vùng trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh của địa phương và phân tích, dự báo chiến lược để xác định nhu cầu đất cho các ngành, các lĩnh vực… cũng như tác động của vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu đến sử dụng đất. Khuyến khích nâng cao suất đầu tư vào đất, thu hút các dự án công nghệ cao đầu tư vào địa bàn huyện.

Đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính trên địa bàn huyện phục vụ công tác quản lý nhà nước, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai để vừa đáp ứng được yêu cầu thông tin cho công tác quản lý, đồng thời phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; tạo điều kiện để thực hiện quản lý đất đai công khai, minh bạch và thuận lợi trong việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

Thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn huyện.

Kiện toàn hệ thống bộ máy tổ chức; nâng cao năng lực cán bộ ngành Quản lý đất đai, có sự phân công, phân cấp rõ ràng, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đầu tư trang thiết bị, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm phát huy cao nhất và hiệu quả của công tác quản lý đất đai.

## II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG CÁC LOẠI ĐẤT

### 2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Hiện trạng sử dụng đất phục vụ công tác lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai được thực hiện dựa trên kết quả thống kế đất đai năm 2020. Kết quả thống kê, kiểm kê đất đai đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất trên đại bàn huyện Ia H’Drai được thể hiện ở bảng sau:

#### Bảng 2: Hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 của huyện Ia H’Drai

*Đơn vị tính: ha*

| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Tổng diện tích** | **Phân theo đơn vị hành chính** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xã Ia Tơi** | **Xã Ia Dom** | **Xã Ia Đal** |
| (1) | (2) | (3) | (4)=(5)+...+(7) | (5) | (6) | (7) |
|  | **Tổng diện tích** |  | **98.021,81** | **43.669,18** | **32.541,42** | **21.811,21** |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **91.692,20** | **38.758,39** | **31.989,75** | **20.944,06** |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 105,17 | 49,39 | 36,43 | 19,35 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | *10,60* | *0,44* | *1,77* | *8,39* |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 2.740,32 | 1.121,60 | 804,64 | 814,08 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 8.811,68 | 6.923,53 | 512,11 | 1.376,04 |
| 1.4 | Đất rừng sản xuất | RSX | 80.012,39 | 30.648,82 | 30.633,30 | 18.730,27 |
|  | *Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | *RSN* | *55.594,11* | *21.177,24* | *25.774,94* | *8.641,93* |
| 1.5 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 14,99 | 7,40 | 3,27 | 4,32 |
| 1.6 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 7,65 | 7,65 |  |  |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **6.324,19** | **4.905,37** | **551,67** | **867,15** |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 126,09 | 45,94 | 19,27 | 60,88 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 5,62 | 5,62 |  |  |
| 2.3 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 14,96 | 10,97 | 2,72 | 1,27 |
| 2.4 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 78,00 | 46,93 | 10,97 | 20,10 |
| 2.5 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 8,08 | 2,92 |  | 5,16 |
| 2.6 | Đất phát triển hạ tầng | DHT | 4.998,23 | 4.432,89 | 197,28 | 368,06 |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |
| - | Đất giao thông | DGT | 848,73 | 373,95 | 181,86 | 292,92 |
| - | Đất thủy lợi | DTL | 243,04 | 179,89 |  | 63,15 |
| - | Đất xây dựng cơ sở văn hóa | DVH | 1,28 | 0,96 | 0,32 |  |
| - | Đất xây dựng cơ sở y tế | DYT | 9,12 | 7,42 | 1,70 |  |
| - | Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo | DGD | 21,34 | 13,17 | 3,03 | 5,14 |
| - | Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao | DTT | 2,23 | 2,23 |  |  |
| - | Đất công trình năng lượng | DNL | 3.850,99 | 3.845,84 |  | 5,15 |
| - | Đất công trình bưu chính, viễn thông | DBV | 0,31 | 0,31 |  |  |
| - | Đất cơ sở tôn giáo | TON | 0,70 | 0,70 |  |  |
| - | Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | NTD | 18,49 | 6,42 | 10,37 | 1,70 |
| - | Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội | DXH | 0,30 | 0,30 |  |  |
| - | Đất chợ | DCH | 1,70 | 1,70 |  |  |
| 2.7 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 1,11 | 1,05 |  | 0,06 |
| 2.8 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 583,52 | 186,09 | 172,98 | 224,45 |
| 2.9 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 20,82 | 15,57 | 1,79 | 3,46 |
| 2.10 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 2,27 | 0,47 | 1,80 |  |
| 2.11 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 429,59 | 137,55 | 129,99 | 162,05 |
| 2.12 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 29,78 | 3,11 | 10,39 | 16,28 |
| 2.13 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 26,12 | 16,26 | 4,48 | 5,38 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **5,42** | **5,42** |  |  |

### 2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước

**2.2.1. Đất nông nghiệp (NNP)**

Kết quả thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện là 91.692,2 ha, chiếm 93,54% tổng diện tích tự nhiên cho thấy diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện chiếm diện tích lớn là điều kiện thuận lợi để sử dụng quỹ đất cho đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện. Biến động sử dụng đất từng loại đất cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa (LUA) là 105,17 ha, chiếm 0,11% tổng diện tích đất tự nhiên phân bố tại xã Ia Tơi 49,39 ha; Ia Dom 36,43 ha; Ia Đal 19,35 ha.

- Đất trồng cây hàng năm (HNK) là 2.740,32 ha, chiếm 2,8 % tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 1.121,6 ha; Ia Dom 804,64 ha; Ia Đal 814,08 ha.

- Đất trồng cây lâu năm (CLN) là 8.811,68 ha, chiếm 8,99 % tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 6.923,53 ha; Ia Dom 512,11 ha; Ia Đal 1.376,04 ha.

- Đất rừng sản xuất (RSX) là 80.012,39 ha, chiếm 81,63 % tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 30.648,82 ha; Ia Dom 30.633,30 ha; Ia Đal 18.730,27 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) là 14,99 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 7,4 ha; Ia Dom 3,27 ha; Ia Đal 4,32 ha.

- Đất nông nghiệp khác (NKH) là 7,65 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi.

**2.2.2. Đất phi nông nghiệp (PNN)**

Kết quả thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 tổng diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện là 6.324,19 ha, chiếm 6,45% tổng diện tích đất tự nhiên. Cụ thể:

- Đất quốc phòng (CQP) là 126,09 ha, chiếm 0,13% tổng diện tích đất tự nhiên trên địa bàn huyện. Phân bố tại xã Ia Tơi 45,94 ha; Ia Dom 19,27 ha; Ia Đal 60,88 ha.

- Đất an ninh (CAN) là 5,62 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi.

- Đất thương mại, dịch vụ (TMD) là 14,96 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 10,97 ha; Ia Dom 2,72 ha; Ia Đal 1,27 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) là 78,0 ha, chiếm 0,08% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 46,93 ha; Ia Dom 10,97 ha; Ia Đal 20,1 ha.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX) là 8,08 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 2,92 ha; Ia Đal 5,16 ha.

- Đất phát triển hạ tầng (DHT) là 4.998,23 ha, chiếm 5,1% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 4.432,89 ha; Ia Dom 197,28 ha; Ia Đal 368,06 ha.

Trong đó: đất giao thông 848,73 ha; đất thủy lợi 243,04 ha; đất văn hóa 1,28 ha; đất y tế 9,12 ha; đất giao dục 21,34 ha; đất thể thao 2,23 ha; đất năng lượng 3.850,99 ha; đất bưu chính viễn thông 0,31 ha; đất tôn giáo 0,7 ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa 18,49 ha; đất xã hội 0,3 ha; đất chợ 1,7 ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH) là 1,11 ha. Phân bố tại xã Ia Tơi 1,05 ha; Ia Đal 0,06 ha.

- Đất ở tại nông thôn (ONT) là 583,52 ha, chiếm 0,6% tổng diện tích đất tự nhiên. Dân số tập trung nhiều nhất tại xã Ia Đal. Phân bố tại xã Ia Tơi 186,09 ha; Ia Dom 172,98 ha; Ia Đal 224,45 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC) là 20,82 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 15,57 ha; Ia Dom 1,79 ha; Ia Đal 3,46 ha.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (DTS) là 2,27 ha. Phân bố tại xã Ia Tơi 0,47 ha; Ia Dom 1,8 ha.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) là 429,59 ha, chiếm 0,44% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 137,55 ha; Ia Dom 129,99 ha; Ia Đal 162,05 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC) là 29,78 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 3,11 ha; Ia Dom 10,39 ha; Ia Đal 16,28 ha.

- Đất phi nông nghiệp khác (PNK) là 26,12 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên. Phân bố tại xã Ia Tơi 16,26 ha; Ia Dom 4,48 ha; Ia Đal 5,38 ha.

Đất phi nông nghiệp khác gồm đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động, đất xây dựng kho và nhà để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đất xây dựng trụ sở của các công ty lâm nghiệp đóng chân trên địa bàn huyện.

**2.2.3. Đất chưa sử dụng (CSD)**

Hiện trạng diện tích đất chưa sử dụng (CSD) trên địa bàn huyện Ia H’Drai đến 31 tháng 12 năm2020 là 5,42 ha, chiếm 0,01% tổng DTTN.

**Biểu đồ hiện trạng sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Ia H’Drai**

### 

### 2.3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất

**2.3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất**

Sự phát triển kinh tế, xã hội, dịch vụ, hạ tầng đã tác động tích cực đến việc sử dụng đất trên địa bàn huyện. Sự gia tăng diện tích đất phi nông nghiệp trong thời gian qua tương đối lớn đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của địa phương, nâng cao đời sống nhân dân. Đóng góp lớn vào ngân sách bằng nguồn thu từ chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiệu quả phát triển công nghiệp, dịch vụ.

Quỹ đất đầu tư dành cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, y tế, trường học… trên địa bàn huyện ngày càng được mở rộng và xây dựng hoàn thiện. Đất xây dựng cơ sở hạ tầng đã góp phần tích cực cho phát triển doanh nghiệp, thu hút vốn đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao trên địa bàn huyện.

 Các chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho nhân dân khi Nhà nước thu hồi đất đã góp phần ổn định đời sống cho người có đất bị thu hồi. Diện tích đất thu hồi được đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Các quỹ đất phù hợp với quy hoạch đất ở, cơ sở hạ tầng thuận lợi đã được đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ nhu cầu đất ở, nhà ở của nhân dân, mở rộng khu dân cư trên địa bàn huyện

Công tác lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần hình thành và tạo các quỹ đất xử lý chất thải, bãi thải đã góp phần bảo vệ môi trường, sinh thái trên địa bàn huyện. Các cơ chế chính sách và giải pháp khuyến khích nhân dân bảo vệ rừng, trồng rừng phủ xanh diện tích đất trồng đồi núi trọc đã làm giảm nguy cơ xói mòn, rửa trôi đối với đất đai, giảm nhẹ thiên tai và biến đổi khí hậu.

Đất đai ở những khu vực thuận lợi, gần nguồn nước đã được nhân dân khai thác đưa vào sử dụng trồng lúa nước và hoa màu đã giải góp phần quyết lương thực tại chỗ, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Thông qua việc phân bố, sử dụng đất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ, chuyển quỹ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp đã tạo được nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần ổn định đời sống cho người dân và phát triển kinh tế của địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp - nông thôn chuyển dịch cơ cấu lao động sang phi nông nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa.

**2.3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất**

*a. Cơ cấu sử dụng đất*

Tổng DTTN toàn huyện Ia H’Drai là 98.021,81 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp: 91.692,2 ha, chiếm 93,54%.

- Đất phi nông nghiệp: 6.324,19 ha, chiếm 6,45%.

- Đất chưa sử dụng: 5,42 ha, chiếm 0,01%.

Là huyện mới thành lập cơ sở hạ tầng đang từng bước đầu tư, xây dựng. người dân chủ yếu sản xuất nông nghiệp nên cơ cấu đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Ia H’Drai chiếm tỷ lệ lớn và phù hợp đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương.

Diện tích đất phi nông chiếm 6,45% cho thấy việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông, thuỷ lợi, y tế, giáo dục… trên địa bàn huyện ngày càng được quan tâm, đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương.

Tuy nhiên mức độ thu hút đầu tư chưa cao nên diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện chiếm tỷ lệ còn thấp. Các khu vui chơi, giải trí công cộng tuy đã được quy hoạch nhưng chưa được bố trí nguồn vốn để đầu tư, xây dựng phục vụ nhu cầu của nhân dân.

Nhìn chung, đất đai của huyện đã được đưa vào sử dụng chiếm tỷ lệ cao, nhưng cơ cấu sử dụng đất chưa hợp lý, chưa phù hợp với tiềm năng phát triển.

Quá trình chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất còn chậm, đất nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ lớn, trong khi quỹ đất chuyên dùng, đặc biệt là đất hạ tầng có tỷ lệ thấp.

Trong thời gian tới, huyện cần có kế hoạch đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, ưu tiên quỹ đất cho việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, xây dựng các công trình công cộng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

*b. Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội*

Trong những năm qua, KT-XH huyện phát triển theo hướng hiện đại hóa, từng bước tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, đưa kinh tế nông nghiệp phát triển theo chiều sâu gắn với thị trường tiêu thụ và hiệu quả sản xuất.

Diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện chiếm diện tích lớn, thích hợp với nhiều loại cây trồng như cao su, điều… Hầu hết diện tích đất phù hợp, thuận lợi đã được người dân canh tác, sử dụng, diện tích còn lại đã được cho các doanh nghiệp đống chân trên địa bàn huyện thuê trồng cao su nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, thu hút lao động, tạo công ăn, việc làm cho người dân trên địa bàn huyện.

Các vị trí đất thuận lợi cho phát triển hạ tầng, khu dân cư đã được đầu tư hình thành nên các điểm dân cư nông thôn, khu trung tâm hành chính huyện, các khu dân cư dọc theo các tuyến đường giao thông.

Công tác phát triển quỹ đất trên địa bàn huyện được quan tâm, đưa vào đấu giá đã góp phần hình thành, mở rộng các khu dân cư trên địa bàn huyện.

Diện tích đất dành cho các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục - thể thao và các công trình phúc lợi khác cũng được đầu tư mở rộng đáng kể góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng khám chữa bệnh và đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới, việc cần thiết phải quy hoạch chuyển đổi phần diện tích đất sản xuất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp nhằm tới mục tiêu sử dụng đất đai tiết kiệm và đạt hiệu quả cao nhất về kinh tế, xã hội và môi trường là hết sức quan trọng trên địa bàn huyện.

*c. Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại cấp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*

Là huyện mới thành lập, cơ sở vật chất, hạ tầng, khoa học, kỹ thuật còn hạn chế. Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương huyện đã đưa ra các chính sách yêu đãi, tạo cơ hội và kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn.

Huyện đã thực hiện nhiều chính sách, giải pháp t­ương đối toàn diện liên quan đến vấn đề đầu tư­ vốn, vật t­ư, khoa học kỹ thuật… trong sử dụng đất.

Các nguồn vốn đầu tư được các cấp phân bố trí, phân bổ được huyện đẩy nhanh đầu tư, giải ngân theo tiến độ đã góp hình hình thành cơ sở hạ tầng, giáo dục, ý tế… trên địa bàn huyện ngày càng hoàn thiện.

Công tác khuyến nông, khuyến lâm… đã được tăng cường và phát huy tốt trong việc triển khai các tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng cơ giới hóa vào trong sản xuất, trình độ khoa học của người dân đã có tiến bộ hơn đã gia tăng năng xuất cây trồng cao, hiệu quả sản xuất nông nghiệp ngày cao cao và đạt được nhiều thành tựu to lớn.

Có chính sách giải quyết tốt vấn đề bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và các vấn đề xã hội liên quan.

Công tác xây dựng nông thôn mới, thu hút dân cư trên địa bàn huyện luôn được quan tâm, triển khai đồng bộ, có hiệu quả.

Công tác quy hoạch, quản lý tài nguyên, môi trường, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất luôn được huyện quan tâm, chỉ đạo thực hiện.

Người dân trên địa bàn huyện được ưu đãi, hỗ trợ và tiếp cận nguồn vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội để đầu tư, phát triển kinh tế, tăng năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi đã nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân trên địa bàn.

### 2.4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất

Những năm qua, kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục phát triển khá toàn diện, tạo nên sự khởi sắc trong đời sống, sản xuất của người dân và mở ra hướng đi mới trên địa bàn huyện.

Công tác quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt luôn đã được UBND huyện quan tâm, thường xuyên chỉ đạo thưc hiện đã góp phần đưa công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện đi vào nề nếp mang lại hiệu quả.

Tuy nhiên, do đất đai là tài nguyên có hạn, các quan hệ đất đai hết sức nhạy cảm và phức tạp, trong quá trình chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá đã nảy sinh nhiều vấn đề tồn tại cần được quan tâm:

- Nhận thức của người dân về chính sách đất đai không đồng đều, ý thức của người sử dụng đất chưa cao, một số chưa chấp hành nghiêm pháp luật đất đai. Tình trạng sử dụng đất, xây dựng không theo quy hoạch, đốt nương làm rẫy vẫn diễn ra hàng năm do phong tục tập quán của người dân.

- Trong quá trình quản lý việc sử dụng đất có lúc, có nơi chưa thật sự chặt  
chẽ, nhất là ở cấp cơ sở đã dẫn đến sử dụng đất chưa hợp lý, kém hiệu quả.

- Độ phì nhiêu, màu mở trên đất không cao dẫn đến hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích đất thấp, người nông dân mặc dù có nhiều đất song vẫn gặp không ít khó khăn.

- Hiệu qủa kinh tế chưa cao nên người dân không đủ nguồn vốn để đầu tư khoa học, công nghệ, phân bón vào sản xuất nên diện tích đất ngông nghiệp lớn nhưng hiệu quả không cao do vẩn áp dụng hình thức canh tác truyền thống.

- Công tác quy hoạch các tuyến đường giao thông, các dự án phát phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện luôn được quan tâm xây dựng nhưng do khó khăn về nguồn vốn nên một số tuyến đường giao thông đầu tư mới, bê tông hóa các tuyến đường giao thông theo chương trình nôn thôn mới vẫn chưa được triển khai. Do đó, chưa đáp ứng nhu cầu vận chuyển nông sản, hàng hóa, sản phẩm giữa các vùng sản xuất với các điểm thu mua nông sản, giữa các điểm dan cư với nhau.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên trước hết công tác xây dựng và tuyên truyền pháp luật đất đai đến từng người dân trên địa bàn huyện phải được quan tâm, phổ biến kịp thời, mọi lúc, mọi nơi trên các phương tiện thông tin đại chúng, loa, đài…

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo chất lượng, công khai lấy ý kiến sâu rộng trong nhân dân, lấy ý kiến của các đơn vị sở, ngành các đơn vị chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên để đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển của địa phương, tránh chồng chéo giữa các quy hoạch.

Tạo môi trường thuận lợi, thu hút các nhà đầu tư lên địa bàn huyện góp phần phát triển kinh tế, xã hội tạo môi trường cạnh tranh, đào tạo nghề nghiệp và giải quyết việc làm tại chỗ, dành quỹ đất để giải quyết tình trạng thiếu đất, đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, nâng cao trình độ canh tác, tăng hiệu quả sản xuất.

Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ của trung ương, của tỉnh để đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện góp phần sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, thiên nhiên, đưa huyện ngày càng phát triển.

## III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

### 3.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Ia H’Drai được phê duyệt tại Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh. Dựa trên cơ sở kết quả thực hiện thống kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 của huyện Ia H’Drai đã được phê duyệt. Kết quả sử dụng đất kỳ trước trên địa bàn huyện Ia H’Drai như sau:

#### Bảng 3: Kết quả thực hiện QHSD đất đến ngày 21 tháng 12 năm 2020 của huyện Ia H’Drai

Đơn vị tính: ha

| **TT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)** | **Kết quả thực hiện** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích (ha)** | **So sánh** | |
| **Tăng (+), giảm (-) ha** | **Tỷ lệ (%)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)-(4) | (7)=(5)/  (4)  \*100% |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **88.302,86** | **91.692,20** | **3.389,34** | **104%** |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 352,90 | 105,17 | -247,73 | 30% |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | *113,31* | *10,60* | *-102,71* | 9% |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 2.068,72 | 2.740,32 | 671,60 | 132% |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 1.671,98 | 8.811,68 | 7.139,70 | 527% |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | 7.297,17 |  | -7.297,17 |  |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD |  |  | 0,00 |  |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 76.426,61 | 80.012,39 | 3.585,78 | 105% |
|  | *Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | *RSN* |  | *55.594,11* | *55.594,11* |  |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 31,25 | 14,99 | -16,26 | 48% |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU |  |  |  |  |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 454,23 | 7,65 | -446,58 | 2% |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **9.647,55** | **6.324,19** | **-3.323,36** | 66% |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 442,63 | 126,09 | -316,54 | 28% |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 5,62 | 5,62 | 0,00 | 100% |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK |  |  |  |  |
| 2.4 | Đất cụm công nghiệp | SKN |  |  |  |  |
| 2.5 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 40,33 | 14,96 | -25,37 | 37% |
| 2.6 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 155,69 | 78,00 | -77,69 | 50% |
| 2.7 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS |  |  |  |  |
| 2.8 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 224,37 | 8,08 | -216,29 | 4% |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 5.552,77 | 4.998,23 | -554,54 | 90% |
| 2.10 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL |  |  |  |  |
| 2.11 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 9,10 | 1,11 | -7,99 | 12% |
| 2.12 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | 81,12 |  | -81,12 |  |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 1.521,69 | 583,52 | -938,17 | 38% |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT |  |  |  |  |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 44,02 | 20,82 | -23,20 | 47% |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 22,13 | 2,27 | -19,86 | 10% |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG |  |  |  |  |
| 2.18 | Đất tín ngưỡng | TIN |  |  |  |  |
| 2.19 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 1.376,98 | 429,59 | -947,39 | 31% |
| 2.20 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 9,44 | 29,78 | 20,34 | 315% |
| 2.21 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK |  | 26,12 | 26,12 |  |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **71,40** | **5,42** | **-65,98** | 8% |

**3.1.1. Đất nông nghiệp (NNP)**

Chỉ tiêu đất nông nghiệp đến năm 2020 của huyện Ia H’Drai được phê duyệt tại Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh là 88.302,86 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện là 91.692,2 ha, tăng 3.389,34 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 104% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Cụ thể:

- Đất trồng lúa (LUA): Diện tích đất trồng lúa được duyệt theo quy hoạch là 352,9 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 105,17 ha thấp hơn so với quy hoạch được duyệt là 247,73 ha, đạt 30% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Đất trồng lúa phân bổ theo các hợp thủy ven suối. Nguyên nhân do các vị trí quy hoạch mở rộng diện tích đất trồng lúa trên địa bàn huyện chưa được thực hiện.

- Đất trồng cây hàng năm (HNK): Diện tích đất trồng cây hàng năm khác được duyệt theo quy hoạch là 2.068,72 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 2.740 ,32 ha, cao hơn so với quy hoạch được duyệt là 671,6 ha, đạt 132% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do nhân dân khai thác một phần diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện đưa vào sử dụng.

- Đất trồng cây lâu năm (CLN): Diện tích đất trồng cây lâu năm được duyệt theo quy hoạch là 1.671,98 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 8.811,68 ha giảm 7.139,7 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 527% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các vị trí quy hoạch mở rộng diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện đã được triển khai thực hiện trong kỳ quy hoạch, bên cạnh đó việc khai thác hiệu quả đất chưa sử dụng vào sản xuất nông nghiệp như trồng cây ăn trái, điều,... góp phần mở rộng diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện.

- Đất rừng phòng hộ (RPH): Diện tích đất rừng phòng hộ được duyệt theo quy hoạch là 7.297,17 ha; diện tích đến năm 2020 là 0 ha do việc quy hoạch đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện chưa được triển khai.

- Đất rừng sản xuất (RSX): Diện tích đất rừng sản xuất được duyệt theo quy hoạch là 76.426,61 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 80.012,39 ha tăng 3.585,78 ha, đạt 105% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các công trình dự án có sử dụng đất rừng sản xuất trong kỳ quy hoạch chưa thực hiện được theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại thông báo 191/TB-VPCP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của văn phòng chính phủ, Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư và Luật Lâm nghiệp năm 2017, trong kỳ quy hoạch 2016-2020, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn vì phần lớn diện tích là đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Đất rừng sản xuất là rừng trồng chủ yếu là đất trồng cao su của các công ty đóng chân trên địa bàn huyện. Do đó, khi thực hiện các công tác thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất các chủ đầu tư luôn gặp một số vướng mắc liên quan đến nội dung, trình tự và thời gian hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang phục vụ các dự án. Điều này làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án, trong đó có cả những dự án yêu cầu gấp về tiến độ.

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): Diện tích đất nuôi trồng thủy sản được duyệt theo quy hoạch là 31,25 ha, kết quả thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 14,99 ha giảm 16,26 ha; đạt 48% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do việc quy hoạch mở rộng đất diện tích đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện chưa được triển khai.

- Đất nông nghiệp khác (NKH): Diện tích đất nông nghiệp khác theo quy hoạch được duyệt là 454,23 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 7,65 ha giảm 446,58 ha, đạt 2% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án chăn nuôi bò thịt sinh sản chất lượng cao trong kỳ quy hoạch trên địa bàn huyện chưa được thực hiện.

**3.1.2. Đất phi nông nghiệp (PNN)**

Chỉ tiêu quy hoạch đất phi nông nghiệp đến năm 2020 của huyện Ia H’Drai được phê duyệt tại Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh là 9.647,55 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 tổng diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện là 6.324,19 ha, giảm 3.323,36 ha so với quy hoạch được duyệt, đạt 66% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Cụ thể:

- Đất quốc phòng (CQP): Diện tích đất quốc phòng được duyệt theo quy hoạch là 442,63 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 126,09 ha, giảm 316,54 ha, đạt 28% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do một số vị trí quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn huyện chưa được thực hiện *(các thao trường, Nhà chỉ huy quân sự…)*.

- Đất an ninh (CAN): Diện tích đất an ninh được duyệt theo quy hoạch là , 5,62 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 5,62 ha, toàn bộ diện tích đất sử dụng vào mục đích an ninh nằm trên địa bàn xã Ia Tơi. Chỉ tiêu quy hoạch đất sử dụng vào mục đích an ninh trên địa bàn huyện đã được thực hiện theo quy hoạch được duyệt*.*

- Đất thương mại, dịch vụ (TMD): Diện tích đất thương mại, dịch vụ được duyệt theo quy hoạch là 40,33 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 14,96 ha, giảm 25,37 ha, đạt 37% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các vị trí quy hoạch đất thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện chưa được đầu tư, xây dựng.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC): Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp được duyệt theo quy hoạch là 155,69 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 78,0 ha, giảm 77,69 ha, đạt 50% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do trên địa bàn huyện chưa triển khai đầu tư xây dựng các làng nghề tiểu thủ công nghiệp các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp theo quy hoạch.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX): Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốn được duyệt theo quy hoạch là 224,37 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 8,08 ha, giảm 216,29 ha, đạt 4% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các điểm mỏ quy hoạch sử dụng vào mục đích làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn huyện chưa được đưa vào đấu giá, cấp phép hoạt động.

- Đất phát triển hạ tầng (DHT): Diện tích đất phát triển hạ tầng được phê duyệt là 5.552,77 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 4.998,23 ha giảm 554,54 ha, đạt 90% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Trong kỳ quy hoạch, kết cấu hạ tầng, thông tin liên lạc trên địa bàn huyện đang từng bước được đầu tư phát triển, các công trình xây dựng cơ bản như đường xá, trường học, các cơ sở y tế, lưới điện nông thôn, hệ thống các hồ đập chứa nước, bưu chính viễn thông, chợ, sân thể thao,... tương đối hoàn thiện và đáp ứng kịp thời nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Bên cạnh đó, một số công trình, dự án vẫn chưa được đầu tư, xây dựng do chưa được bố trí vốn.

- Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH): Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng được phê duyệt theo quy hoạch là 9,1 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 1,11 ha; giảm 7,99 ha. Đạt 12% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân các nhà văn hóa phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng tại địa bàn các xã trên địa bàn huyện chưa được đầu tư, xây dựng và chưa được chuyển mục đích sử dụng đất.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (DKV): Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng được duyệt theo quy hoạch là 81,12 ha chưa được thực hiện do chưa được bố trí kinh phí để đầu tư xây dựng các khu vui chơi, giải trí khu vực trung tâm huyện theo quy hoạch.

- Đất ở tại nông thôn (ONT): Diện tích đất ở tại nông thôn được duyệt theo quy hoạch đến năm 2020 là 1.521,69 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 583,52 ha, giảm 938,17 ha đạt 38% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các điểm dân cư theo quy hoạch chưa được thu hồi, chuyển mục đích để giao về cho địa phương quản lý, quy hoạch mở rộng các điểm dân cư, các vị trí đấu giá quyền sử dụng đất tại địa bàn các xã trên địa bàn huyện chưa được bố trí nguồn vốn để thực hiện.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC): Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan được duyệt theo quy hoạch là 44,02 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 20,82 ha, giảm 23,2 ha đạt 47% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do quy hoạch Trụ sở HĐND-UBND của các mới *(dự kiến tách xã)* chưa được đầu tư xây dựng do chưa thực hiện tách xã. Trụ sở HĐND-UBND của 03 xã Ia Đal, Ia Dom, Ia Tơi đã được đầu tư xây dựng nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích để giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (DTS): Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp được duyệt theo quy hoạch là 22,13 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 2,27 ha, giảm 19,86 ha. Nguyên nhân do Trụ sở làm việc của các đợn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện đã được quy hoạch nhưngchưa được đầu tư xây dựng do chưa được bố trí vốn để thưc hiện *(ngân hàng thương mại, ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, trạm thú ý, trạm bảo về thực vật…)*.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON): Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch,suối được duyệt là 1.376,98 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 429,59 ha, giảm 947,39 ha, đạt 31% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Nguyên nhân do một phần diện tích đất sông suối được nhân dân cải tạo đưa vào sử dụng đất trồng lúa, cây hàng năm khác, làm ao… Một phần được chuyển sang sử dụng vào mục đích thủy lợi,

- Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC): Diện tích đất có mặt nước chuyên dung được duyệt theo quy hoạch là 9,44 ha, kết quả đến 31 tháng 12 năm 2020 là 29,78 ha, tăng 20,34 ha,. Nguyên nhân do một số dự án có sử dụng đất mặt nước chuyên dung trên địa bàn huyênh chưa được đưa vào sử dụng.

- Đất phi nông nghiệp khác (PNK): Tính đến 31 tháng 12 năm 2020 tổng diện tích đất phi nông nghiệp khác trên địa bàn huyện là 26,12 ha.

**3.1.3. Đất chưa sử dụng (CSD)**

Diện tích đất chưa sử dụng được duyệt là 71,4 ha, kết quả thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2020 là 5,42 ha, giảm 65,98 ha, đạt 8% chỉ tiêu quy hoạch được duyệt. Diện tích đất chưa sử dụng đã được khai thác đưa vào sử dụng đấp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

**Biểu đồ kết quả thực hiện QHSD đất kỳ trước của huyện Ia H’Drai**

### 3.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất trong những năm qua cho thấy quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện là cơ sở rất quan trọng trong việc định hướng, bố trí sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, các địa phương, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ quy hoạch *(năm 2016*) của huyện Ia H’Drai được triển khai thực hiện và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 để làm căn cứ thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Quy hoạch sử dụng đất sau khi được duyệt đã được công khai, công bố rộng rãi để nhân dân được biết, thực hiện các quyền của người sử dụng đất, sử dụng đất đúng mục đích.

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt và nguồn vốn được phân bổ huyện đã thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống y tế, giáo dục, giao thông, hệ thống điện, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện đáp ứng nhu của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện.

Nhờ triển khai xây dựng nông thôn mới, các công trình giao thông, thủy lợi trọng điểm và các tuyến đường liên thôn, xã, đường vào khu sản xuất… được ưu tiên đầu tư, góp phần thay đổi diện mạo địa phương. Cùng với đó, các công trình thủy lợi, khai hoang đồng ruộng cũng đã góp phần ổn định lương thực, đa dạng hóa cây trồng trên địa bàn huyện *(không còn độc canh cây cao su).*

Đến nay, tổng diện tích gieo trồng toàn huyện và tổng đàn gia súc tăng mạnh. Các diện tích ao hồ, nuôi trồng thủy sản được người dân tận dụng tối đa để tăng gia phát triển kinh tế với các loại cá có giá trị kinh tế như cá lăng, cá chình bông…

Các vị trí phù hợp với quy hoạch, thuận lợi mở rộng khu dân cư đã được huyện đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất đáp ứng nhu cầu đất ở ngày càng cao của nhân dân, tạo nguồn thu ngân sách Nhà nước.

Các điểm dân cư mở rộng đã được quy hoạch để đáp ứng nhu cầu đất ở, nhà ở, tách hộ lập vườn của người dân trên địa bàn huyện.

Thông qua công tác tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì nhận thức về vị trí, vai trò và ý thức chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp và người sử dụng đất được nâng lên; công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng đi vào thực nề nếp; việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã tuân thủ các nguyên tắc, căn cứ, trình tự, nội dung mà pháp luật đất đai quy định; việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã cơ bản bám sát và tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất góp phần phát triển ổn định thị trường bất động sản, khai thác tốt hơn nguồn lực đất đai, làm cho việc sử dụng đất đai ngày càng tiết kiệm và đạt được hiệu quả cao. Nguồn thu từ đất trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách.

Quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của huyện Ia H”Drai đạt nhiều kết quả khả quan. Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được trong quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của huyện Ia H’Drai vẫn còn tồn tại một số nội dung cần khắc phục như sau:

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một số vị trí chồng chéo với quy hoạch xây dựng và các ngành, lỉnh vực khác có sử dụng đất do các quy hoạch được thực hiện bởi nhiều đơn vị chủ đầu tư tại các thời điểm khác nhau.

- Khi thực hiện công tác lập quy hoạch sử dụng đất các ngành, lĩnh vực sử dụng đất trên địa bàn huyện chưa được các chủ đầu tư quan tâm đăng ký nhu cầu sử dụng đất nên phương án quy hoạch đưa ra chưa bao quát, đầy đủ, chưa mang tính dự báo và tính toán những diễn biến của các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Do đó, phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch nhiều lần.

- Danh mục các công trình, dự án trong kỳ quy hoạch tương đối nhiều nhưng kết quả thực hiện thấp do khó khăn về nguồn vốn.

- Các điểm dân cư người dân đã xây dựng nhà ở ổn định, phù hợp với quy hoạch nhưng chưa được thu hồi từ các doanh nghiệp để chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở tài sản khác gắn liền với đất cho người dân.

- Đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện thực hiện chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Nguyên nhân chính là do nguồn vốn đầu tư có hạn, địa hình của huyện phức tạp, việc san ủi mặt bằng để xây dựng các công trình còn gặp nhiều khó khăn. Các dự án thu hút nhà đầu tư chưa được khai thác, đầu tư xây dựng do chưa có doanh nghiệp, cá nhân đứng ra thực hiện.

- Vẫn còn tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích sau khi được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất; người sử dụng đất không thực hiện đúng các quyền đã được pháp luật quy định, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của người sử dụng đất.

### 3.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới

Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần gắn liền với việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sử dụng đất tại địa phương. Quy hoạch sử dụng đất trước hết phải bảo đảm nhu cầu đất ở, đất sản xuất của nhân dân trên địa bàn huyện, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các thành phần kinh tế trong kỳ quy hoạch, đảm bảo quỹ đất bố trí cho các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng, tránh tình trạng quy hoạch treo, thu hồi đất của dân rồi bỏ hoang không sử dụng.

Công tác quy hoạch sử dụng đất phải chú trọng bảo vệ và phát triển rừng, vừa bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế, vừa bảo đảm mục tiêu bảo vệ môi trường, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử của đồng bào các dân tộc tại chỗ, góp phần khắc phục tình trạng phá rừng bừa bãi.

Đi cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện là nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân. Để công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiệu quả trước hết phải thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai, quy hoạch, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân đầu tư trên địa bàn huyện.

Các cấp, các ngành cần huy động mọi nguồn lực, vốn đầu tư để thực hiện  
các công trình, dự án đã đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch  
sử dụng đất để đạt được mục tiêu phát triển của từng ngành, lĩnh vực đề ra, góp  
phần thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng giai đoạn phát triển.

Các văn bản chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong công tác quy hoạch, sử dung, quản lý đất đai cần ban hành kịp thời, tạo lập hệ thống các văn bản pháp luật đầy đủ làm căn cứ giải quyết các mối quan hệ về đất đai, xử lý tốt các tranh chấp xảy ra.

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch được duyệt thực hiện công bố công khai, rộng rãi và sâu rộng đến từng tầng lớp nhân dân để người dân được biết, sử dụng đất hiệu quả, đúng quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

Công tác lập quy hoạch sử dụng đất phải phát huy hơn nữa tính tham gia, đóng góp, xây dựng của các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là những đối tượng, người dân sử dụng đất trên địa bàn để đảm bảo quyền và lợi ích trong việc sử dụng đất. Phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, ngành, địa phương trong việc tổ chức lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện. Đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự thành công cho việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Quy hoạch sử dụng đất phải đảm bảo tính đồng bộ với các quy hoạch chuyên ngành, các lĩnh vực có nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện không để chồng chéo các quy hoạch với nhau.

Đổi mới công tác lập quy hoạch, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo hướng tiếp cận phương pháp tiên tiến; quan tâm đến vấn đề kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, mục tiêu bảo đảm an ninh lượng thực, có tính đến tác động của biến đổi khí hậu.

Kêu gọi các doanh nghiệp, nhà đầu tư nghiên cứu chế biến mủ cao su để nâng cao hiệu quả trong trồng trọt, góp phần tăng thu cho người lao động.

## IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

### 4.1. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Ia H’Drai là 91.692,2 ha chiếm 93,54% tổng diện tích tự nhiên. Do đó, tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện là rất lớn. Tuy nhiên, hiện nay các quỹ đất thuận lợi, có tiềm năng phát triển nông nghiệp đã được các doanh nghiệp thuê đất trồng cao su. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của người dân trên địa bàn chủ yếu được tận dụng tại các hợp thủy, bờ lô ven sông, suối.

Với diện tích rừng là 80.012,39 ha, tiềm năng phát triển các loại cây trồng, cây dược liệu, vật nuôi dưới tán rừng, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là vô cùng phong phú và thuận lợi. Trên địa bàn huyện đã thực hiện quy hoạch các vùng trồng cây dược liệu dưới tán rừng; thuê rừng QLBVR, trồng rừng sản xuất, kinh doanh rừng bền vững kết hợp gây nuôi nhân giống, chăm sóc và bảo tồn hưu nai và các loài động vật được phép nuôi thả. Những hồ nước rộng đã được đầu tư xây dựng cung cấp nước sản xuất là điều kiện thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thủy, hải sản.

Các quỹ đất được các doanh nghiệp trên địa bàn huyện thuê đất đã thực hiện trồng cây cao su đem lại hiệu quả kinh tế, thu hút công nhân đến lao động trên địa bàn huyện, tạo công ăn, việc làm cho người dân địa phương.

Diện tích đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm trên địa bàn huyện ngày càng được mở rộng đáp ứng nhu cầu trồng trọt, sản xuất của người dân. Tạo môi trường ổn định, người dân yên tâm sinh sống, sản xuất.

Diện tích mặt nước của các lòng hồ thủy điện trên địa bàn huyện chiếm diện tích lớn là tiềm năng to lớn để triển khai thực hiện các dự án nuôi trồng, chế biến các loại thủy sản nước ngọt.

Một phần diện tích trồng cao su của các doanh nghiệp nhưng không hiệu quả sẽ được UBND huyện rà soát, đề xuất thu hồi chuyển về cho địa phương quản lý là quỹ đất thuận lợi để hình thành một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển cây ăn quả…

Đất nông nghiệp khác trên địa bàn huyện chủ yếu là các trang trại chăn nuôi hộ gia đình và cá nhân như: nuôi bò, nuôi heo, gia cầm... Tuy nhiên, quy mô nuôi tập trung và nuôi trang trại chưa phát triển, chủ yếu là chăn nuôi nhỏ lẻ nên công tác quản lý dịch bệnh vẫn còn nhiều khó khăn. Trong những năm tới, cần chú trọng công tác kiểm soát, tiêm phòng các loại vắc xin phòng chống dịch bệnh, góp phần hạn chế thấp nhất dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Huyện đã quy hoạch để triển khai thực hiện các dự án trồng chọt, chăn nuôi ứng dụng công nghệ nhằm đem lại hiệu quả kinh tế, năng xuất tăng cao trên một đơn vị diện tích giao trồng.

### 4.2. Phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp

Với diện tích trồng cao su trên địa bàn tương đối lớn là điều kiện thuận lợi để kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đến đầu tư, xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su nhằm đem lại hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân, công nhân lao động trong các công ty và cho các doanh nghiệp có dự án trồng cao su trên địa bàn huyện.

Theo Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ia H’Drai diện tích giao về cho huyện Ia H’Drai quản lý, sử dụng là 3.512,11 ha là quỹ đất thuận lợi để quy hoạch thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, xã hội.

Với diện tích trồng cây ăn quả, lúa nước, điều ngày càng mở rộng và đem lại năng xuất, hiệu quả kinh tế cao cho người dân; quy hoạch các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trồng cây dược liệu được thực hiện trên địa bàn huyện sẽ tạo điều kiện thuận lợi để hình thánh các nhà máy chế biến, các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, các điểm thu mua nông sản, các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ và ngày càng có nhiều doanh nghiệp quan tâm đầu tư, đóng chân trên địa bàn huyện.

Các điểm mỏ khoáng sản trữ lượng lớn, có thể khai thác cát, đá làm vật liệu xây dựng thông thường được phân bổ theo dọc sông Sa Thầy và các con suối đã được quy hoạch khoáng sản và đưa vào đấu giá quyền khai thác khoáng sản sẽ tạo điều kiện thuận lợi phục vụ cho xây dựng, phát triển, hoàn thiện cơ sở hạ tầng tại địa phương.

Thời gian tới, huyện dự kiến sẽ thành lập thêm 3 xã mới, quy hoạch các quỹ đất ở đấu giá quyền sử dụng đất, nhiều khu dân cư sẽ được thành lập, các tuyến đường giao thông kết nối giữa các vùng, các xã trên địa bàn huyện, giữa huyện với huyện Sa Thầy và các huyện của tỉnh Gia Lai sẽ được đầu tư, xây dựng tạo sự liên kết, giao thương, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế, xã hội, du lịch.

Diện tích đất rừng trên địa bàn huyện là khá lớn là điều kiện thuận lợi để hình thành, phát triển các điểm du lịch, sinh thái, tham quan, nghỉ dưỡng, khám phá thiên nhiên phát triển ngành kinh tế dịch vụ.

Chợ trung tâm huyện đã được đầu tư xây dựng, khu trung tâm hành chính huyện cơ bản đã đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông, đấu giá đất sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các lĩnh vực kinh tế, xây dựng huyện ngày càng phát triển. Các trạm phát sóng, phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông, bưu điện đã được Sở Thông tin và Truyền thông đưa vào kế hoạch đầu tư và đăng ký nhu cầu sử dụng đất sẽ đáp ứng nhu cầu thông tin, liên lạc của nhân dân trên địa bàn và đảm bảo phủ sóng trên toàn địa bàn huyện.

Đáp ứng nhu cầu của người dân và xu hướng phát triển trên địa bàn, huyện đã quy hoạch trụ sở làm việc của các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức sự nghiệp, các khu vui chơi giải trí, đất tôn giáo. Thời gian tới sẽ tranh thủ nguồn vốn được phân bổ và kêu gọi thu hút đầu tư để xây dựng phục vụ nhu cầu của nhân dân.

Trong tương cần sắp xếp lại dân cư, phát triển thêm các khu dân cư nông thôn mới trên địa bàn các đáp ứng nhu cầu nhà ở ngày càng tăng của nhân dân. Huyện đã thực hiện quy hoạch mở rộng các điểm dân cư, quy hoạch các quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất trên để thực hiện đấu giá đất ở, đấu giá thực hiện thuê đất trên địa bàn huyện.

Với tiềm năng đất đai hiện có thì việc phát triển cơ sở hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện rất thuận lợi.

# PHẦN III

# PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030

## I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

### 1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Ia H’Drai lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện đoàn kết một lòng, đồng tâm hiệp lực, tận dụng thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thử thách, chủ động, sang tạo, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ huyện đã đề ra. Quyết tâm “Tăng cường xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; xây dựng huyện Ia H’Drai phát triển nhanh và bền vững, đạt chuẩn nông thôn mới vào cuối nhiệm kỳ.

- Tiếp tục phát triển mạnh mẽ nông nghiệp theo hướng đi vào chiều sâu, sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ:

+ Khai thác hiệu quả quỹ đất sản xuất tập trung và mặt nước lòng hồ thủy điện. Tập trung chỉ đạo phát triển các cây trồng, vật nuôi có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả cao, an toàn gắn với chuỗi giá trị, phục vụ thị trường trong và ngoài huyện. Đẩy mạnh sản xuất, chế biến hàng hóa và cung ứng dịch vụ nông nghiệp. Tích cực thu hút nguồn lực đầu tư vào sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện chính sách khuyến nông, hỗ trợ vốn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng nông nghiệp.

+ Rà soát chuyển một phần diện tích cây cao su kém hiệu quả để hình thành một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy mô lớn; tập trung phát triển một loại cây trồng, cây ăn quảm phù hợp với điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng trên địa bàn huyện, các loại cây dược liệu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. Phát triển kinh tế nông lâm gắn với sinh kế cho người dân sinh sống gần rừng, phủ xanh khu vực đồi tọc, đất thoái hóa, bạc màu.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng huyện, xã nông thôn mới, đảm bảo chất lượng, có tính bền vững cao; xây dựng trung tâm huyện Ia H’Drai phát triển toàn diện.

+ Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình nông thôn mới của huyện và xã. Tâp trung nâng cao chất lượng, tính bền vững đối với các tiêu chí đã đạt được, phấn đấu đến năm 2025 huyện Ia H’Drai đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo, Văn phòng điều phối huyện, Ban quản lý xã và Ban phát triển ở thôn, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

+ Tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn xây dựng nông thôn mới, lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án và phát huy nguồn nội lực của địa phương để tạo sức mạnh tổng hợp đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình nông thôn mới:

+ Thực hiện đồng bộ các chính sách thu hút, bố trí, sắp xếp dân cư vào địa bàn huyện. Thu hút dân cư đồng thời là lực lượng lao động phục vụ nhu cầu của các công ty cao su và các dự án đầu tư về nông nghiệp, công nghiệp, các hoạt động thương mại, dịch vụ.

+ Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng, trong đó có nguồn lực khai thác quỹ đất, xây dựng các khu dân cư và một số dự án lớn trên địa bàn huyện như: Chợ Trung tâm, cầu Drai, Hồ chứa nước, mở rộng các điểm công nghiệp, thương mại – dịch vụ để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư.

+ Đầu tư hệ thống cây xanh, điện chiếu sang, cấp nước sạch gắn với tạo cảnh quan, môi trường, xây dựng nếp sống văn minh.

- Đẩy nhanh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp – xây dựng:

+ Tranh thủ mọi nguông vốn đầu tư phá triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, phù hợp với xu thế phát triển chung của cả tỉnh. Khuyến khích các ngành có giá trị cao như sản xuất năng lượng sạch, chế biến nông sản, thực phẩm.

+ Thực hiện tốt công tác quản lý và triển khai các quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn mới. Kịp thời xử lý các trường hợp lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ.

- Phát triển nhanh và đa dạng các ngành dịch vụ:

+ Phát huy lợi thế về hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện, vị thế của địa phương có cửa khẩu biên giới đất liền tương lai, thu hút đầu tư phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, tạo điều kiện hình thành điểm kết nối vận chuyển hàng hóa, hành khách.

+ Khuyến khích phát triển thương mại tư nhân, chợ kinh doanh tổng hợp, chợ biên giới gắn vớ cửa khẩu phụ, mạng lưới dịch vụ cung ứng vật tư, kỹ thuật nông nghiệp.

+ Mở rộng dịch vụ tài chính, tín dụng nông thôn, phát triển dịch vụ ăn uống, vui chơi, giải trí, cung ứng xăng dầu… Khuyến khích, hỗ trợ các dịch vụ quảng bá thương hiệu sản phẩm của địa phương.

+Phát triên du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, dã ngoại trên cơ sở khai thác tiềm năng thiên nhiên, sự đa dạng trong văn hóa các dân tộc và văn hóa miền của nhân dân đến định cư trên địa bàn huyện.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường:

+ Thực hiện tốt công tác quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện, làm rõ nguồn lực đất đai, quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch. Hoàn thành công tác cấp đổi, cấp lại giáy chứng nhận quyền sử dụng đất trong nhân dân gắn với việc đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

+ Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác, vận chuyển, chế biến tài nguyên, phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm, đặc biệt trong lĩnh vực khoáng sản và lâm nghiệp.

+ Chú trọng nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, phóng cháy, chữa cháy rừng. Xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường trong sản xuất.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao; thực hiện tốt công tác chính sách, đảm bảo an sinh xã hội:

+ Triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch mạng lưới trường lớp và đầu tư cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, kiện toàn và sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục.

+ Củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế ở cơ sở gắn với nâng cao hiệu quả công tác y tế dự phòng. Phối hợp với các ngành chức năng trong việc đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế và nâng quy mô giường bệnh từ 50 lên 60 giường bệnh, đến cuối năm 2025 toàn huyện đạt 105 giường bệnh.

+ Nâng cao chất lượng thông tin, truyền thông, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao. Phát huy bản sắc văn hóa và ngành nghề truyền thống tốt đẹp của các dân tộc để bảo tồn gắn với du lịch, dịch vụ nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập. Phấn đấu 100% thôn có nhà sinh hoạt văn hóa, khu thể thao, hoạt động hiệu quả.

+ Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu và huy động nguồn xã hội hóa để đầu tư xây dựng Đài tưởng niệm các liệt sỹ đã hi sinh. Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh, đối ngoại tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục đổi mới hoạt động của Hội đồng nhân dân, nâng cao hiệu lực quản lý, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của UBND huyện và UBND xã.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Mật trận tổ quốc và các đoạn thể, các hội quần chúng; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước.

### 1.2. Quan điểm sử dụng đất

Sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đúng mục đích sử dụng đất: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý theo quy hoạch, kế hoạch. Do đó, sử dụng đất đúng mục đích, theo quy hoạch, kế hoạch là trách nhiệm của người sử dụng đất.

Sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, bảo vệ môi trường và không làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của người sử dụng đất xung quanh:

- Đất đai là nguồn tài nguyên vô giá là tư liệu sản xuất đặc biệt trong sản xuất nông - lâm nghiệp, là nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội, là môi trường sống, là cơ sở tiến hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Do đó*,* Luật Đất đai năm 2013 đã đặt ra những nguyên tắc sử dụng đất bắt buộc người sử dụng đất phải được tuân thủ và thực hiện nghiêm túc.

**- Đất đai là tài nguyên đất có hạn, đất có khả năng canh tác ít ỏi trong khi** nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện là vô cùng lớn và không ngừng phát triển lên do nhu cầu sản xuất lương thực, nhu cầu về phát triển dân số, kinh tế, xã hội. Sử dụng đất đai hợp lý là sử dụng thích hợp với tính chất của từng loại đất, phù hợp với yêu cầu chung của xã hội, định hướng phát triển của địa phương.

- Các tổ chức, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện phải đảm bảo hài hòa lợi các lợi ích chính đáng của người sử dụng đất xung quanh, không hủy hoại, cản trở việc sử dụng đất của người khác.

Người sử dụng đất trên địa bàn huyện phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ có liên quan của mình trong thời hạn, thời gian sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm trước UBND huyện và Chủ tịch UBND huyện đối với việc quản lý đất sử dụng vào mục đích công cộng, diện tích đất chưa giao, đất chưa cho thuê do địa phương quản lý.

Việc bố trí cây trồng trên địa bàn huyện phải đảm bảo phù hợp về mặt thổ nhưỡng, địa hình nhằm đem lại năng suất, hiệu quả kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng đa dạng. Trồng rừng phục hồi tại các đồi núi trọc, không đảm bảo cho sản xuất góp phần tăng độ che phủ rừng trên địa bàn huyện.

Đảm bảo cho người nông dân có đủ đất ở và đất sản xuất, đáp ứng mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ. Ngoài việc tạo công ăn việc làm cho người dân, trong việc phân bổ quỹ đất cho các mục đích sử dụng cần dành đủ diện tích đất để sản xuất nông nghiệp và đất dành cho phát triển hạ tầng, đô thị trên địa bàn huyện; đồng thời tiếp tục rà soát việc quản lý và sử dụng đất của các lâm trường để tạo quỹ đất giải quyết cho các hộ thiếu đất hoặc không có đất, đặc biệt là người dân tộc thiểu số.

Để hướng đến mục tiêu xây dựng huyện Ia H’Drai phát triển đồng bộ cần bố trí quỹ đất để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, dịch vụ, y tế, giao dục, cơ cở thể dục thể thao, khu vui chơi, giải trí cộng cộng…

Là huyện biên giới có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh. Do đó, phải đảm bảo quỹ đất cho mục đích quốc phòng, an ninh trên địa bàn và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Việc tính toán, cân đối, phân bổ nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phải đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, nhằm khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

### 1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

Định hướng sử dụng đất cho phát triển kinh tế xã hội, phát triển các ngành, các lĩnh vực, khu chức năng là yêu cầu tất yếu của sự phát triển về mọi lĩnh vực trên địa bàn huyện. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng trên địa bàn huyện như sau:

- Khu vực chuyên trồng lúa nước: Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện mở rộng diện tích đất trồng lúa nước tập trung chủ yếu dọc các con sông, suối, đầm lầy có nguồn nước phụ vụ cho sự phát triển của cây lúa. Cần đẩy mạnh thâm canh, sử dụng giống lúa năng suất và chất lượng nhằm đảm bảo an ninh lương thực và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Định hướng phát triển và sử dụng đất trồng cây lâu năm: Tập trung ở vùng gò đồi, xen kẽ trong các khu sản xuất nông nghiệp và phần diện tích trồng cây sao su của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Khu vực phát triển, nuôi trồng thủy sản: Tập trung tại lòng hồ của các nhà máy thủy điện, các hồ nước thủy lợi với diện tích lớn. Nâng cao hiệu quả, nhân rộng các mô hình nuôi cá lồng tại khu vực làng chài xã Ia Tơi.

- Khu vực rừng sản xuất: Tiếp tục huy động các nguồn vốn, các thành phần kinh tế đầu tư để trồng mới rừng, khoanh nuôi tái sinh phục hồi rừng. Sử dụng có hiệu quả vốn rừng hiện tại; phát triển rừng sản xuất tạo vùng nguyên liệu; phát triển sản xuất theo hướng lâm - nông và nông - lâm kết hợp trên cơ sở khai thác tài nguyên rừng hợp lý, bền vững. Trồng cây dược liệu, chăn nuôi động vật được phép nuôi thả dưới tán rừng.

- Phát triển Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện đã định hướng thực hiện quy hoạch đất cụm công nghiệp trên địa bàn huyện là 30 ha tại địa bàn xã Ia Tơi là tiền để thực hiện kêu gọi các nguồn vốn để đầu tư xây dựng các dự án có công nghệ mới, tiên tiến trên địa bàn huyện…

- Khu thương mại – dịch vụ, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Trong thời kỳ 2021-2030 thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến mủ cao su, tinh bột sắn, chế biến thức ăn chăn nuôi, nhà máy chế biến thủy sản,… mở rộng các loại hình thương mại dịch vụ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

- Phát triển và bố trí các khu dân cư nông thôn: Việc phát triển và bố trí các khu dân cư nông thôn phải phù hợp với chính sách phát triển kinh tế, xã hội, thuận tiện giao lưu kinh tế, văn hóa, chính trị, quốc phòng an ninh, thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn huyện.

## II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### 2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

**2.1.1. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Nâng cao tốc độ và chất lượng tăng trưởng trong từng ngành, từng lĩnh vực bảo đảm cho nền kinh tế huyện tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Phấn đấu xây dựng đến năm 2025, trung tâm huyện lỵ huyện Ia H’Drai đạt tiêu chí đô thị loại V với các ngành dịch vụ, du lịch, công nghiệp phát triển, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hệ thống giáo dục - đào tạo, y tế đáp ứng với yêu cầu phát triển mới, phát triển toàn diện, môi trường bền vững.

a. Các chỉ tiêu chủ yếu đến 2025

Tổng giá trị sản xuất đạt 3.540 tỷ đồng; tỷ trọng Nông - Lâm - Thuỷ sản chiếm 47-48%, Công nghiệp - Xây dựng chiếm 40-41%, Thương mại - Dịch vụ chiếm 12-13%. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 110 tỷ đồng.

Tổng diện tích gieo trồng *(chưa bao gồm mặt nước)* khoảng 30.837 ha; trồng mới 1.400 ha rừng, độ che phủ rừng *(bao gồm cây cao su)* đạt 85,7%.

Dân số đạt khoảng 22.000 người, tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%.

Phấn đấu huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 75%; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%; tỷ lệ hộ dùng điện khoảng 98,8%.

Tổng số học sinh các cấp học khoảng 5.134 học sinh; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia khoảng 33,3%.

Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế đạt 98%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội *(so với lực lượng lao động trong độ tuổi)* đạt 58,8%.

Tỷ lệ giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố đạt 100%; tỷ lệ giao quân so với chỉ tiêu trên giao đạt 100%; 100% đơn vị dân quân tự vệ và 100% chỉ tiêu dự bị động viên tỉnh giao được huấn luyện.

**2.1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế**

a. Nông lâm thủy sản:

Khai thác hiệu quả quỹ đất sản xuất tập trung và mặt nước lòng hồ thủy điện, Tập trung phát triển các cây trồng, vật nuôi có lợi thế cạnh tranh, hiệu quả, an toàn, gắn với chuổi giá trị, phục vụ cho thị trường trong và ngoài tỉnh

Tích cực thu hút các nguồn lực đầu tư và cung ứng dịch vụ nông nghiệp theo hướng liên kết từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nông dân với các doanh nghiệp, hợp tác xã.

Rà soát chuyển một phần diện tích cây cao su kém hiệu quả để hình thành một số vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn. Tập trung phát triển các loại cây ăn quả phù hợp điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng.

Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với sinh kế cho người dân sống gần rừng, phủ xanh các khu vực đồi trọc, đất thoái hóa, bạc màu để tăng độ che phủ rừng trên địa bàn huyện.

b. Công nghiệp - Xây dựng:

Tranh thủ mọi nguồn vốn đầu tư phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, phù hợp với xu thế phát triển chung của tỉnh. Khuyến khích phát triển các ngành có giá trị tăng cao như sản xuất năng lượng sạch *(điện mặt trời, điện gió).*

Thực hiện tốt công tác quản lý và triển khai các quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn mới; kịp thời xử lý các trường hợp lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ…

Tiếp tục sử dụng sử dụng hiệu quả các nguồn vốn ngân sách, đồng thời kêu gọi xã hội hóa để đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng thiết yếu nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Xây dựng các công trình tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

c. Thương mại, dịch vụ:

Phát huy lợi thế về hạ tầng giao thông ngày càng hoàn chỉnh, vị thế của địa phương có cửa khẩu biên giới đất liền trong tương lai, thu hút đầu tư phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, tạo điều kiện hình thành điểm nối vận chuyển hàng hóa, hành khách…

Khuyến khích phát triển thương mại tư nhân, chợ kinh doanh tổng hợp, chợ biên giới gắn với cửa khẩu phụ, mạng lưới dịch vụ cung ứng vật tư, kỹ thuật nông nghiệp; mở rộng dịch vụ tài chính, tín dụng… phát triển dịch vụ ăn uống, vui chơi, giải trí, công cộng…

Phát triển di lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, dã ngoại trên cơ sở khai thác tiềm năng thiên nhiên hiện có, sự đa dạng trong văn hóa dân tộcvà văn hóa vùng miền của nhân dân đến định cư trên địa bàn huyện gắn với thu hút về hạ tầng phục vụ du lịch.

### 2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

#### 2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất

Theo quy định tại Điểm 4 Khoản 9 Điều 11 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Điểm 4 Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai: “Trường hợp quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập đồng thời với việc lập quy hoạch tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập và thẩm định xong trước thì trình UBND cấp tỉnh phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, nếu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có mẫu thuẩn với quy hoạch tỉnh thì phải điều chỉnh cho phù hợp”.

Dự án Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang triển khai thực hiện, chưa được phê duyệt. Do đó, quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai được triển khai thực hiện theo quy định nêu trên.

#### 2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Tại thời điểm lập quy hoạch, một số dự án chủ yếu được đề xuất và định hướng đăng ký nhu cầu theo các chính sách thu hút đầu tư của UBND huyện, chưa được giới thiệu vị trí chính xác cũng như lập mô tả dự án cụ thể. Do đó, phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 -2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai xác định phân bổ diện tích sử dụng các loại đất tương ứng theo định hướng nhu cầu sử dụng, phù hợp với tổng cơ cấu sử dụng đất của dự án. Diện tích sử dụng từng loại đất sẽ được xác định chi tiết khi triển khai thực hiện dự án.

**a. Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp (NNP)**

- Đất trồng lúa (LUA): Diện tích đất lúa được quy hoạch mở rộng 461,29 ha nhằm đảm bảo an ninh, ổn định lương thực trên địa bàn huyện. Nhu cầu sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện trong kỳ quy hoạch thời kỳ 2021-2030, như sau:

#### Bảng 4: Nhu cầu sử dụng đất trồng lúa thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Mở rộng diện tích lúa nước, xã I | 32,00 | Xã Ia Dom |
| 2 | Mở rộng diện tích lúa nước xã Ia Dom | 18,50 | Xã Ia Dom |
| 3 | Mở rộng diện tích lúa nước xã Ia Đal | 47,31 | Xã Ia Đal |
| 4 | Đất lúa nước xã IV | 20,00 | Xã Ia Đal |
| 5 | Đất lúa nước (dự án điểm dân cư xã VI) | 15,00 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Đất trồng lúa nước điểm dân cư 64 | 34,79 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Đất lúa nương xã VI | 13,69 | Xã Ia Tơi |
| 8 | Mở rộng diện tích lúa nước xã Ia Tơi | 280,00 | Xã Ia Tơi |

- Đất trồng cây hàng năm khác (HNK): Trong kỳ quy hoạch thực hiện mở rộng 1.650 ha tại các xã đáp ứng nhu cầu tăng diện tích các loại rau màu, ngô, mì,… sản xuất thức ăn chăn nuôi của nhân dân.

#### Bảng 5: Nhu cầu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác thời kỳ 2021-2030

#### trên địa bàn huyện Ia H’Drai

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| 1 | Đất trồng cây hàng năm khác điểm dân cư 64 | 50,00 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Đất trồng cây hàng năm khác xã VI | 100,00 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Đất trồng cây hàng năm khác xã Ia Tơi | 100,00 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Đất trồng cây hàng năm khác xã IV | 100,00 | Xã Ia Đal |
| 5 | Đất trồng cây hàng năm khác xã Ia Đal | 100,00 | Xã Ia Đal |
| 6 | Đất trồng cây hàng năm khác xã I | 100,00 | Xã Ia Dom |
| 7 | Đất trồng cây hàng năm khác xã Ia Dom | 100,00 | Xã Ia Dom |
| 8 | Dự án vùng nông nghiệp chăn nuôi công nghệ cao huyện Ia H'Drai | 1.000,00 | Xã Ia Đal |

- Đất trồng cây lâu năm (CLN): Trong kỳ quy hoạch thực hiện 2.845,87 ha để mở rộng diện tích các loại cây ăn quả nhằm đa dạng các sản phẩm nông nghiệp của huyện.

#### Bảng 6: Nhu cầu sử dụng đất trồng cây lâu năm thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nông trại nông nghiêp tổng hợp Duyên Thịnh Phát Ia H'Drai (Công ty Duyên Thịnh Phát) | 14,00 | Xã Ia Đal |
| 2 | Đầu tư trồng cây lâu năm kết hợp với dịch vụ nông nghiệp | 0,51 | Xã Ia Đal |
| 3 | Dự án trồng cây lâu năm kết hợp với dịch vụ nông nghiệp của Công ty TNHH ĐăkBla xanh | 0,52 | Xã Ia Đal |
| 4 | Cây lâu năm toàn xã IV | 275,50 | Xã Ia Đal |
| 5 | Cây lâu năm toàn xã Ia Đal | 255,94 | Xã Ia Đal |
| 6 | Dự án trồng dừa để phát triển du lịch huyện Ia H'Drai | 15,20 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Cây lâu năm toàn xã VI | 215,60 | Xã Ia Tơi |
| 8 | Cây lâu năm toàn xã Ia Tơi | 228,52 | Xã Ia Tơi |
| 9 | Cây lâu năm toàn xã I | 233,54 | Xã Ia Dom |
| 10 | Cây lâu năm toàn xã Ia Dom | 290,90 | Xã Ia Dom |
| 11 | Dự án trồng cây xanh phục hồi rừng và kết hợp nông nghiệp công nghệ cao của Công ty TNHH 11-3 IA HDRAI | 28,46 | Xã Ia Tơi |
| 12 | Dự án vùng nông nghiệp chăn nuôi công nghệ cao huyện Ia H'Drai | 750,00 | Xã Ia Đal |
| 13 | Dự án đầu tư trồng cây ăn quả hữu cơ kết hợp trang trại Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 537,18 | Xã Ia Tơi |

- Đất rừng sản xuất (RSX): Trong kỳ quy hoạch thực hiện phục hồi, trồng rừng, cho thuê quản lý bảo vệ rừng và phát triển sinh kế từ rừng với diện tích 7.472,55 ha.

#### Bảng 7: Nhu cầu sử dụng đất rừng sản xuất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Dự án trồng rừng nguyên liệu và xây dựng cơ sở chế biến các sản phẩm từ rừng trồng trên địa bàn huyện Ia H'Drai | 5.000,00 | Xã Ia Đal, Xã Ia Dom, Xã Ia Tơi |
| 2 | Dự án trồng phục hồi rừng | 56,00 | Xã Ia Đal |
| 3 | Dự án trồng cây dược liệu dưới tán rừng tại xã Ia Tơi | 80,00 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Dự án trồng cây dược liệu dưới tán rừng tại xã Ia Đal | 53,50 | Xã Ia Đal |
| 5 | Dự án điện gió, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 879,10 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Dự án thuê rừng QLBVR, trồng rừng sản xuất, kinh doanh rừng bền vững kết hợp gây nuôi nhân giống, chăm sóc và bảo tồn hưu nai và các loài động vật được phép nuôi thả | 1.241,75 | Xã Ia Đal |
| 7 | Dự án trồng cây xanh phục hồi rừng và kết hợp nông nghiệp công nghệ cao của Công ty TNHH 11-3 IA HDRAI | 67,20 | Xã Ia Tơi |
| 8 | Dự án phục hồi rừng kết hợp chăn nuôi dưới tán rừng | 95,00 | Xã Ia Đal |

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): Trong kỳ quy hoạch thực hiện 19,75 ha nhằm đáp ứng nhu cầu nuôi trồng thủy sản của người dân trên địa bàn huyện và khai thác tối đa, hiệu quả mặt nước tại các hồ thủy điện để thực hiện quy hoạch các dự án nuôi trồng thủy sản nước ngọt gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm. Phát triển hiệu quả mô hình nuôi cá tại làng chài, xã Ia Tơi và các mô hình nuôi cá nước ngọt khác trên địa bàn huyện.

#### Bảng 8: Nhu cầu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | QH đất nuôi trồng thủy sản xã IV | 4,00 | Xã Ia Đal |
| 2 | QH đất nuôi trồng thủy sản xã Ia Đal | 4,15 | Xã Ia Đal |
| 3 | QH đất nuôi trồng thủy sản xã I | 2,00 | Xã Ia Dom |
| 4 | QH đất nuôi trồng thủy sản xã Ia Dom | 3,10 | Xã Ia Dom |
| 5 | QH đất nuôi trồng thủy sản xã VI | 3,00 | Xã Ia Tơi |
| 6 | QH đất nuôi trồng thủy sản xã Ia Tơi | 3,50 | Xã Ia Tơi |

- Đất nông nghiệp khác (NKH): Trong kỳ quy hoạch thực hiện 12 dự án với tổng diện tích 1.223,51 ha để thực hiện các dự án nông nghiệp ứng dựng công nghệ cao gắn với tiêu thụ, chế biến sản phẩm*.*

Hầu hết các dự án có sử dụng đất nông nghiệp khác chủ yếu được đề xuất và định hướng đăng ký nhu cầu theo các chính sách thu hút đầu tư của UBND huyện, chưa được giới thiệu vị trí chính xác cũng như lập mô tả dự án cụ thể. Do đó, phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 -2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai xác định diện tích sử dụng đất nông nghiệp khác chiếm khoảng 20% quy mô dự án, diện tích sử dụng từng loại đất sẽ được xác định chi tiết sẽ được xác định khi triển khai thực hiện dự án.

#### Bảng 9: Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp khác thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Vườn ươm cây giống, Vườn trồng cây thực nghiệm trên địa bàn huyện Ia H’Drai giai đoạn 2021-2025 | 10,00 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Dự án nông nghiệp công nghệ cao kết hợp với hệ thống điện mặt trời áp mái | 2,76 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Vườn ươm cây giống của Trung tâm môi trường và dịch vụ đô thị huyện Ia H'Drai | 0,70 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Dự án thuê rừng QLBVR, trồng rừng sản xuất, kinh doanh rừng bền vững kết hợp gây nuôi nhân giống, chăm sóc và bảo tồn hưu nai và các loài động vật được phép nuôi thả | 11,13 | Xã Ia Đal |
| 5 | Dự án phục hồi rừng kết hợp chăn nuôi dưới tán rừng | 24,00 | Xã Ia Đal |
| 6 | Dự án nuôi trồng thủy sản của Công ty Đầu tư phát triển Duy Tân (dự án thử nghiệm nuôi cá lồng) | 3,27 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Ia Dom | 98,00 | Xã Ia Dom |
| 8 | Dự án trang trại chăn nuôi Duyên Thịnh Phát | 19,00 | Xã Ia Đal |
| 9 | Dự án vùng nông nghiệp chăn nuôi công nghệ cao huyện Ia H'Drai | 320,00 | Xã Ia Đal |
| 10 | Dự án đầu tư trồng cây ăn quả hữu cơ kết hợp trang trại Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 140,05 | Xã Ia Tơi |
| 11 | Dự án vùng nghiên cứu, phát triển giống cây trồng nông - lâm nghiệp chất lượng cao Miền Trung - Tây Nguyên huyện Ia H'Drai | 496,60 | Xã Ia Tơi |
| 12 | Trang trại chăn nuôi gia cầm của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Duy Tân | 98,00 | Xã Ia Tơi |

**b. Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp (PNN)**

Nhu cầu sử dụng các loại đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện Ia H’Drai trong kỳ quy hoạch như sau:

- Đất quốc phòng (CQP): trên địa bàn huyện thời kỳ 2021-2030 nhu câu sử dụng đất quốc phòng tăng thêm 252,59 ha. Là huyện biên giới có vị trị đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh do đó, quỹ đất sử dụng vào mục đích quốc phòng trên địa bàn huyện được phân bổ, bố trí, quy hoạch sử dụng đảm bảo kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực tế của địa phương và đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

#### Bảng 10: Nhu cầu sử dụng đất vào mục đích Quốc phòng thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Doanh trại Ban CHQS huyện Ia H'Drai | 5,03 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Trường bắn thao trường huấn luyện | 150,00 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Đường hầm SCH cơ bản huyện | 6,00 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Cum CTCĐ điểm cao 345 (Đồn Biên phòng 709) | 1,00 | Xã Ia Dom |
| 5 | Cum CTCĐ điểm cao 664 (Đồn Biên phòng 711) | 1,00 | Xã Ia Đal |
| 6 | Cum CTCĐ điểm cao 296 (Đồn Biên phòng 703) | 1,00 | Xã Ia Đal |
| 7 | Nhà làm việc Ban CHQS xã Ia Dom | 0,20 | Xã Ia Dom |
| 8 | Nhà làm việc Ban CHQS xã Ia Đal | 0,20 | Xã Ia Đal |
| 9 | Nhà làm việc Ban CHQS xã Ia Tơi | 0,20 | Xã Ia Tơi |
| 10 | Nhà làm việc Ban CHQS xã I | 0,20 | Xã Ia Dom |
| 11 | Nhà làm việc Ban CHQS xã IV | 0,20 | Xã Ia Đal |
| 12 | Nhà làm việc Ban CHQS xã VI | 0,20 | Xã Ia Tơi |
| 13 | Thao trường xã Ia Dom | 2,00 | Xã Ia Dom |
| 14 | Thao trường xã Ia Đal | 2,00 | Xã Ia Đal |
| 15 | Thao trường xã I | 2,00 | Xã Ia Dom |
| 16 | Thao trường xã IV | 2,00 | Xã Ia Đal |
| 17 | Thao trường xã VI | 2,00 | Xã Ia Tơi |
| 18 | Chốt dân quân xã Ia Dom | 3,00 | Xã Ia Dom |
| 19 | Chốt dân quân xã Ia Đal | 3,00 | Xã Ia Đal |
| 20 | Chốt dân quan xã Ia Tơi | 3,00 | Xã Ia Tơi |
| 21 | Thao trường HL đồn BP Ia Dom (709) | 20,00 | Xã Ia Dom |
| 22 | Trạm KSBP Ia Dom (đồn BP 709) | 0,60 | Xã Ia Dom |
| 23 | Chốt tuần tra BVBG và chống dịch đồn BP Ia Dom (709) | 0,02 | Xã Ia Dom |
| 24 | Thao trường HL đồn BP Ia Đal (711) | 20,00 | Xã Ia Đal |
| 25 | Chốt tuần tra BVBG và chống dịch đồn BP Ia Đal (711) | 0,02 | Xã Ia Đal |
| 26 | Trạm kiểm soát đồn BP Hồ Le (703) | 0,60 | Xã Ia Đal |
| 27 | Chốt tuần tra BVBG và chống dịch đồn BP Ia Đal (703) | 0,02 | Xã Ia Đal |
| 28 | Nhà địa bàn - Đồn BP Hồ Le (703) | 0,20 | Xã Ia Tơi |
| 29 | Nhà đội trinh sát ngoại biên | 0,20 | Xã Ia Tơi |
| 30 | Thao trường huấn luyện đồn BP Sê San (715) | 20,00 | Xã Ia Tơi |
| 31 | Khu sơ tán ban CHQS huyện Ia H'đrai | 6,70 | Xã Ia Đal |

- Đất sử dụng vào mục đích an ninh (CAN): Trong kỳ quy hoạch, nhu cầu sử dụng đất an ninh tăng 1,41 ha. Hiện nay, trụ sở làm việc Công an huyện đã được thành lập và xây dựng, quỹ đất sử dụng vào mục đích an ninh trên địa bàn huyện được quy hoạch để xây dựng trụ sở làm việc của Công an các xã. Nhu cầu sử dụng đất an ninh trong kỳ quy hoạch trên địa bàn huyện, như sau:

#### Bảng 11: Nhu cầu sử dụng đất vào mục đích an ninh thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| 1 | Trụ sở làm việc Công an xã Ia Dom | 0,27 | Xã Ia Dom |
| 2 | Trụ sở làm việc Công an xã Ia Đal | 0,27 | Xã Ia Đal |
| 3 | Trụ sở làm việc Công an xã Ia Tơi | 0,27 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Trụ sở Công an xã I | 0,20 | Xã Ia Dom |
| 5 | Trụ sở Công an xã IV | 0,20 | Xã Ia Đal |
| 6 | Trụ sở Công an xã VI | 0,20 | Xã Ia Tơi |

- Đất cụm công nghiệp (SKN): Nhu cầu sử dụng trong kỳ quy hoạch là 30,0 ha tại xã Ia Tơi để hình thành cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày càng cao trên địa bàn huyện.

- Đất thương mại, dịch vụ (TMD): Nhu cầu sử dụng trong kỳ quy hoạch là 71,74 ha để xây dựng các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn huyện. Trong kỳ quy hoạch 2021-2030 có các đơn vị đăng ký nhu cầu như sau:

- Hợp tác xã Ia Tơi đăng ký nhu cầu xây dựng trụ sở tại xã Ia Tơi.

- Hợp tác xã Ia Dom đăng ký nhu cầu xây dựng trụ sở tại xã Ia Dom.

- Hợp tác xã Ia Đal đăng ký nhu cầu xây dựng trụ sở tại xã Ia Đal.

- Công ty TNHH MTV ĐTPT IA H'DRAI đăng ký đất xây dựng trụ sở tại xã Ia Tơi.

- Ngân hàng thương mại đăng ký nhu cầu xây dựng trụ sở tại xã Ia Tơi.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn đăng ký nhu cầu xây dựng trụ sở tại xã Ia Tơi.

- Công ty cổ phần cao su Sa Thầy đăng ký 02 của hàng thương mại dịch vụ tại xã Ia Dom và Ia Đal

Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện như sau:

#### Bảng 12: Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đất thương mại dịch vụ để bố trí công trình trụ sở của các doanh nghiệp | 1,30 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Quy hoạch đất thương mại dịch vụ | 10,00 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Quy hoạch đất thương mại dịch vụ | 0,40 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Quy hoạch đất thương mại dịch vụ | 0,70 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Quy hoạch đất thương mại dịch vụ đồn 713 cũ | 3,90 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Quy hoạch đất thương mại dịch vụ (đồn 711 cũ) | 3,00 | Xã Ia Dom |
| 7 | Quy hoạch đất thương mại dịch vụ | 10,00 | Xã Ia Dom |
| 8 | Quy hoạch đất thương mại dịch vụ | 1,01 | Xã Ia Dom, xã Ia Đal |
| 9 | Quy hoạch đất thương mại dịch vụ | 10,00 | Xã Ia Đal |
| 10 | Đất xây dựng công trình thương mại dịch vụ | 21,33 | Xã Ia Tơi, Xã Ia Dom, Xã Ia Đal |
| 11 | Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le ( Điểm dân cư số 23) | 10,10 | Xã Ia Đal |

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC): Nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 196,99 ha để xây dựng các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, các làng nghề tiểu thu công nghiệp, các khu sản xuất, kinh doanh tập trung trên địa bàn huyện.

#### Bảng 13: Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

Đơn vị tính: ha

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nhà máy cán ép Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 1,32 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Nhà máy chế biến mủ cao su Công ty TNHH MTV cao su ChưMomRay | 6,90 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến tính bột sắn và cồn ethanol (Cty TNHH MTV ĐTPT Ia HDrai Kon Tum) | 50,00 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi | 20,00 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Nhà máy chế biến thủy sản | 20,00 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Dự án sản xuất cá cơm nước ngọt Sê San | 0,25 | Xã Ia Tơi |
| 7 | QH đất làng nghề tiểu thủ công nghiệp xã VI | 1,00 | Xã Ia Tơi |
| 8 | Nhà máy tinh chế nghệ vàng (curcumin) | 5,00 | Xã Ia Tơi |
| 9 | QH đất làng nghề tiểu thủ công nghiệp xã Ia Tơi | 2,00 | Xã Ia Tơi |
| 10 | Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xã Ia Tơi | 24,17 | Xã Ia Tơi |
| 11 | Nhà máy chế biến mủ cao su giai đoạn 1 của Công ty Đầu tư phát triển Duy Tân | 3,00 | Xã Ia Tơi |
| 12 | Nhà máy chế biến mủ cao su giai đoạn 2 của Công ty Đầu tư phát triển Duy Tân | 5,50 | Xã Ia Tơi |
| 13 | QH đất làng nghề tiểu thủ công nghiệp xã I | 1,00 | Xã Ia Dom |
| 14 | Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xã Ia Dom | 15,50 | Xã Ia Dom |
| 15 | QH đất làng nghề tiểu thủ công nghiệp xã Ia Dom | 2,00 | Xã Ia Dom |
| 16 | QH đất làng nghề tiểu thủ công nghiệp xã IV | 1,00 | Xã Ia Đal |
| 17 | Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xã Ia Đal | 16,50 | Xã Ia Đal |
| 18 | QH đất làng nghề tiểu thủ công nghiệp xã Ia Đal | 1,85 | Xã Ia Đal |
| 19 | Dự án vùng nông nghiệp chăn nuôi công nghệ cao huyện Ia H'Drai | 20,00 | Xã Ia Đal |

- Nhu cầu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX): Nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 280,89 ha. Trong đó, có 141,25 ha là diện tích có mục đích sử dụng đất sông, suối kết hợp với mục đích khai thác vật liệu xây dựng thông thường. Đất sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện chủ yếu là các điểm mỏ khai thác cát, đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại các sông, suối có trữ lượng, tiềm năng khai thác cao nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng của người dân trên địa bàn, cũng là nguồn nguyên liệu phục vụ cho yêu cầu đầu tư, phát triển hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện.

#### Bảng 14: Nhu cầu sử dụng đất sản xuất vật liệu làm gốm thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

Đơn vị tính: ha

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khai thác đá xây dựng xã Ia Tơi | 10,00 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường | 10,00 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Khai thác cát xây dựng cống ba lỗ xã Ia Tơi | 8,00 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Khai thác cát xây dựng thôn 9 xã Ia Tơi | 30,00 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Ia Tơi | 0,98 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Khai thác cát xây, sỏi làm vật liệu dựng thông thường cạnh đồn biên phòng 713 | 0,99 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Khai thác cát xây dựng phía bắc ngã ba sông Sa Thầy - suối Cọp xã Ia Dom | 3,30 | Xã Ia Dom |
| 8 | Khai thác đá xây dựng xã Ia Dom (QH xã I) | 29,20 | Xã Ia Dom |
| 9 | Mỏ đá xây dựng thôn Ia Der - Ia Đal | 4,18 | Xã Ia Đal |
| 10 | Khai thác đá xây dựng tiểu khu 771 xã Ia Đal | 28,50 | Xã Ia Đal |
| 11 | Khai thác cát xây dựng phía nam đồn biên phòng 711 sông Sa Thầy | 13,91 | Xã Ia Đal |
| 12 | Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường đồn biên phòng 711 sông Sa Thầy | 1,89 | Xã Ia Đal |
| 13 | Dự án khai thác mỏ cát, sạn sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại phía Nam nga ba sông Sa Thầy - suối Dop thuộc ranh giới xã Ia Dom và xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum của Công ty Cổ phần Mê Kông Kon Tum | 1,10 | Xã Ia Dom |
| 1,04 | Xã Ia Đal |
| 14 | Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường Công ty TNHH Việt Trung - Gia Lai | 0,50 | Xã Ia Đal |
| 0,30 | Xã Ia Dom |
| 15 | Khai thác cát xây dựng sông Sa Thầy cạnh đồn biên phòng 713 | 12,00 | Xã Ia Tơi |
| 8,00 | Xã Ia Đal |
| 16 | Khai thác cát xây dựng sông Sa Thầy | 12,50 | Xã Ia Tơi |
| 24,50 | Xã Ia Đal |
| 17 | Khai thác cát xây dựng phía nam ngã ba sông Sa Thầy - suối Cọp | 15,90 | Xã Ia Đal |
| 9,10 | Xã Ia Dom |
| 5,00 | Xã Ia Đal |
| 18 | Quy hoạch đất san lấp trên địa bàn huyện | 20,00 | Xã Ia Đal |
| 20,00 | Xã Ia Dom |
| 20,00 | Xã Ia Tơi |

- Đất phát triển hạ tầng (DHT): Là huyện mới thành lập cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện, để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội phát triển đô thị trên địa bàn huyện, xây dựng huyện Ia H’Drai phát triển đồng bộ và hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới vào cuối năm 2025 thì nhu cầu sử dụng đất để phát triển, hoàn thiện cở sở hạ tầng trên địa bàn huyên là rất lớn. Nhu cầu sử dụng các loại đất phát triển hạ tầng trên địa bàn huyện cụ thể, như sau:

+ Nhu cầu sử dụng đất giao thông (DGT) là 884,65 ha ( trong đó có 0,2 ha đất sông suối có mục đích sử dụng kết hợp đất giao thông) để xây dựng các tuyến đường giao thông phục vụ giao thương, trao đổi hàng hóa giữa các vùng trên địa bàn huyện, thông thương với các huyện Ngọc Hồi, Sa Thầy và các huyện của tỉnh Gia Lai, xây dựng các tuyến đường tuần tra góp phần đảm bảo an ninh biên giới trên địa bàn huyện.

#### Bảng 15: Nhu cầu sử dụng đất giao thông thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Công trình Đường ĐĐT37 (N7-N75) | 0,55 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Công trình Đường ĐĐT33 (N64-65) | 0,15 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Công trình Đường ĐĐT36 (N9-N66) | 0,14 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Công trình Đường ĐĐT27 (N40-N53) | 0,55 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58) | 0,64 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Công trình Đường ĐĐT31 (N57-N54) | 1,34 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Công trình Đường ĐĐT30 (N52-N54) | 0,41 | Xã Ia Tơi |
| 8 | Công trình Đường ĐĐT21 (N40-N30) | 0,57 | Xã Ia Tơi |
| 9 | Công trình Đường ĐĐT20 (N39-N30) | 0,53 | Xã Ia Tơi |
| 10 | Công trình Đường ĐĐT22 (N32-N33) | 0,20 | Xã Ia Tơi |
| 11 | Công trình Đường ĐĐT23 (N34-N35) | 0,19 | Xã Ia Tơi |
| 12 | Công trình Đường ĐĐT24 (N37-N36) | 0,20 | Xã Ia Tơi |
| 13 | Công trình Đường ĐĐT05 | 0,44 | Xã Ia Tơi |
| 14 | Đường giao thông đi nghĩa trang thôn 7 xã Ia Tơi | 0,50 | Xã Ia Tơi |
| 15 | Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Tơi (đường ĐH10B) | 24,00 | Xã Ia Tơi |
| 16 | Mở rộng Quốc lộ 14C (Đoạn từ ĐĐT25 đến cầu suối Đá) | 4,39 | Xã Ia Tơi |
| 17 | Đường giao thông nông thôn số 3 thôn 1, xã Ia Tơi | 0,41 | Xã Ia Tơi |
| 18 | Đường giao thông đi vào sân bóng đá thôn 9, xã Ia Tơi và hạng mục khác | 0,15 | Xã Ia Tơi |
| 19 | Đường giao thông nông thôn ra bến làng Nú, thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi | 1,00 | Xã Ia Tơi |
| 20 | Nâng cấp đường tỉnh lộ 675A xã Ia Tơi | 280,00 | Xã Ia Tơi |
| 21 | Đường đi khu sản xuất thôn 7, xã Ia Tơi | 0,18 | Xã Ia Tơi |
| 22 | Đường giao thông nội bộ thôn 1, xã Ia Tơi | 0,60 | Xã Ia Tơi |
| 23 | Đường giao thông số 2, xã Ia Tơi | 0,99 | Xã Ia Tơi |
| 24 | Đường ĐH 17 | 51,00 | Xã Ia Tơi |
| 25 | Đường giao thông ĐĐT19 | 0,44 | Xã Ia Tơi |
| 26 | Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1, xã Ia Tơi (giai đoạn 2) | 0,77 | Xã Ia Tơi |
| 27 | Đường GTNT và hạng mục khác khu vực làng cá | 0,30 | Xã Ia Tơi |
| 28 | Đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện | 1,38 | Xã Ia Tơi |
| 29 | Đất phát triển hạ tầng trong khu quy hoạch (Quy hoạch vị trí đất ở; đất dịch vụ; thương mại; đất công cộng) dọc đường quốc lộ 14C (các đoạn từ TTHC huyện đi xã Ia Tơi và Ia Dom) xã Ia Tơi | 222,00 | Xã Ia Tơi |
| 30 | Đường giao thông thuộc dự án xây dựng điểm dân cư số 64 (Trung tâm hành chính xã IV) thuộc xã Ia Tơi để thực hiện đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện | 4,92 | Xã Ia Tơi |
| 31 | Đường GTNT từ nhà máy mủ cao su đi thôn 3 | 2,14 | Xã Ia Dom |
| 32 | Đường khu sản xuất 3, thôn 2, xã Ia Dom (đối diện nhà ông Hiếu) | 0,70 | Xã Ia Dom |
| 33 | Đường vào khu sản xuất số 2, thôn Ia Mung, xã Ia Dom (khu vực trên cầu suối cọp) | 0,70 | Xã Ia Dom |
| 34 | Đường vào khu sản xuất số 2, thôn Ia Mung, xã Ia Dom (vào điểm trường Mầm non Ia Muung) | 0,88 | Xã Ia Dom |
| 35 | Đường vào liên thôn từ Quốc lộ 14C vào khu dân cư NT1-Duy Tân, thôn 3, xã Ia Dom | 0,88 | Xã Ia Dom |
| 36 | Đường GTNT NT3-1, thôn 3, xã Ia Dom | 0,33 | Xã Ia Dom |
| 37 | Đường giao thông nông thôn liên thôn, thôn 3,xã Ia Dom thuộc nông trường I Công ty Duy Tân (đoạn nối tiếp từ cầu bãi chuối - đến điểm đầu của khu dân cư ở). (5 vị trí trên tuyến) | 0,88 | Xã Ia Dom |
| 38 | Đường giao thông nông thôn liên thôn, thôn 3, xã Ia Dom thuộc nông trường I Công ty Duy Tân (đoạn nối tiếp từ cầu bãi chuối - đến điểm đầu của khu dân cư ở). (6 vị trí trên tuyến) | 0,70 | Xã Ia Dom |
| 39 | Đường vào nghĩa trang xã Ia Dom | 0,35 | Xã Ia Dom |
| 40 | Đường vào khu sản xuất số 1, thôn 1, xã Ia Dom (đoạn nối tiếp từ nhà máy nước đến đập đầu mối) | 0,88 | Xã Ia Dom |
| 41 | Đường vào khu sản xuất số 1, thôn Ia Mung, xã Ia Dom (đoạn 14 hộ) | 0,70 | Xã Ia Dom |
| 42 | Đường GTNT đi thôn 3 | 0,50 | Xã Ia Dom |
| 43 | Đường quy hoạch trung tâm hành chính xã Ia Dom | 2,00 | Xã Ia Dom |
| 44 | Đường giao thông tiếp nối với Tỉnh lộ 674 đến đường Tuần tra biên giới xã Mô Rai, huyện Sa Thầy | 10,00 | Xã Ia Dom |
| 45 | Đường GTNT nội bộ thôn 1 xã Ia Dom-NT12 | 0,15 | Xã Ia Dom |
| 46 | Đường GTNT thôn 2 xã Ia Dom (điểm dân cư mới) | 0,12 | Xã Ia Dom |
| 47 | Đường giao thông TT xã đi nhà máy cấp nước Sinh hoạt TT huyện (D1-1), thôn 1, xã Ia Dom | 0,49 | Xã Ia Dom |
| 48 | Đường GTNT TT xã Ia Dom ( D1, D2, D3), thôn 1 xã Ia Dom | 0,33 | Xã Ia Dom |
| 49 | Đường giao thông nông thôn thôn Chư Hem | 0,45 | Xã Ia Đal |
| 50 | Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Drai đường Tuần ra biên giới tại khu vực Hồ Le (DH10A) | 16,61 | Xã Ia Đal |
| 51 | Đường GTNT NT6-1 Thôn 6 | 0,88 | Xã Ia Đal |
| 52 | Đường giao thông từ cầu Drai đến đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le - Đoạn Km7+316,41-Km12+482,07 (đường DH10C) | 15,00 | Xã Ia Đal |
| 53 | Đường quy hoạch trung tâm hành chính xã Ia Đal | 1,49 | Xã Ia Đal |
| 54 | Đường GTNT thôn 4 xã Ia Đal | 0,20 | Xã Ia Đal |
| 55 | Đường giao thông NT4-1 | 1,57 | Xã Ia Đal |
| 56 | Đường giao thông nội bộ khu dân cư TT xã Ia Đal (D3) | 0,24 | Xã Ia Đal |
| 57 | Đường giao thông nội bộ khu dân cư TT xã Ia Đal (D4) | 0,26 | Xã Ia Đal |
| 58 | Đường giao thông nộ bộ khu dân cư TT xã Ia Đal (D5) | 0,26 | Xã Ia Đal |
| 59 | Đường ĐH 10A | 72,00 | Xã Ia Đal |
| 60 | Đường giao thông nội bộ điểm dân cư số 20, thôn 7 | 1,02 | Xã Ia Đal |
| 61 | Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng điểm dân cư số 20, xã Ia Đal | 20,00 | Xã Ia Đal |
| 62 | Đường giao thông từ đường tuần tra biên giới tiếp giáp đường tỉnh lộ 675A | 6,00 | Xã Ia Đal |
| 63 | Đường giao thông từ tỉnh lộ 675A tiếp giáp Dự án đường từ cầu Drai đi đường tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le | 18,00 | Xã Ia Đal |
| 64 | Đường giao thông từ tỉnh lộ 675A tiếp giáp đường tuần tra biên giới | 18,00 | Xã Ia Đal |
| 65 | Đường từ trung tâm huyện đi đường tuần tra biên giới | 22,50 | Xã Ia Tơi,  Xã Ia Đal |
| 66 | Nâng cấp Quốc lộ 14C đoạn qua huyện Ia H'đrai | 50,00 | Xã Ia Dom, Xã Ia Tơi |
|  | Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le ( Điểm dân cư số 23) | 18,50 | Xã Ia Đal |

+ Nhu cầu sử dụng đất thủy lợi (DTL) là 332,85 ha ( trong đó có 1,5 ha đất sông suối sử dụng kết hợp đất thủy lợi) để xây dựng các hồ chứa nước phục vụ nhu cầu cấp nước sinh hoạt, cấp nước sản xuất cho các vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện. Trong kỳ quy hoạch định hướng quản lý khai thác sử dụng đất mặt nước thủy lợi kết hợp điện năng lượng mặt trời tại hồ chứa nước Ia Hiur diện tích 60 ha.

#### Bảng 16: Nhu cầu sử dụng đất thủy lợi thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hồ chứa nước và các hạng mục phụ trợ khu dân cư phía Đông trung tâm xã Ia Tơi | 5,30 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư số 41 mở rộng (sau UBND xã), thôn 1, xã Ia Tơi | 0,30 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Hồ chứa Sê San 4 xã Ia Tơi | 13,80 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Hồ chứa Ya Kơ Rin | 66,77 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Hồ chứa số 2 | 16,00 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Hồ chứa nước số 1 trung tâm huyện | 8,50 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Cấp nước sinh hoạt xã Ia Tơi | 1,50 | Xã Ia Tơi |
| 8 | Cấp nước sinh hoạt xã Ia Dom | 1,00 | Xã Ia Dom |
| 9 | Hồ chứa nước Suối cát xã Ia Dom | 32,42 | Xã Ia Dom |
| 10 | Cấp nước sinh hoạt khu trung tâm huyện Ia H'Drai | 30,60 | Xã Ia Dom |
| 11 | Hồ chứa Suối cọp xã Ia Dom | 12,50 | Xã Ia Dom |
| 12 | Hồ chứa Ya Ho xã Ia Dom | 13,30 | Xã Ia Dom |
| 13 | Hồ chứa Làng thanh niên xã Ia Dom | 14,70 | Xã Ia Dom |
| 14 | Hồ chứa nước xã Ia Dom | 5,50 | Xã Ia Dom |
| 15 | Công trình thủy lợi Hồ chưa nước xã IV (thôn 1, 2, xã Ia Đal, huyện Ia H'Drai) | 12,10 | Xã Ia Đal |
| 16 | Hồ chứa suối lau xã Ia Đal | 5,24 | Xã Ia Đal |
| 17 | Thủy lợi xóm Bom xã Ia Đal | 8,11 | Xã Ia Đal |
| 18 | Thủy lợi thôn 5 - CN716 xã Ia Đal | 7,15 | Xã Ia Đal |
| 19 | Thủy lợi thôn 2 xã Ia Đal | 5,13 | Xã Ia Đal |
| 20 | Đập thuỷ lợi kết hợp hồ chứa nước xã Ia Đal | 5,00 | Xã Ia Đal |
| 21 | Hồ chứa nước suối Trung Đoàn | 0,43 | Xã Ia Đal |
| 22 | Hồ chứa nước xã Ia Đal | 7,50 | Xã Ia Đal |

+ Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH) là 3,08 ha để xây dựng nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ tại huyện Ia H’Drai và bố trí 0,8 ha tại xã Ia Đal để thực hiện hạng mục đất văn hóa thuộc dự án khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le ( Điểm dân cư số 23).

+ Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế (DYT) là 10,01 ha để quy hoạch xây dựng nâng cấp trung tâm y tế huyện Ia H'Drai và trạm y tế tại địa bàn các xã mới nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số, khám chữa bệnh, chăm sóc y tế ngày càng cao trên địa bàn huyện. Trong kỳ quy hoạch hoàn thiện các hồ sơ và thủ tục pháp lý để thực hiện công tác giao đất cho 03 trạm y tế xã Ia Tơi, Ia Dom, Ia Đal.

#### Bảng 17: Nhu cầu sử dụng đất y tế thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Trạm y tế xã I | 1,00 | Xã Ia Dom |
| 2 | Trạm y tế Công ty Cổ phần cao su Sa Thầy | 0,58 | Xã Ia Dom |
| 3 | Trạm y tế xã IV | 1,00 | Xã Ia Đal |
| 4 | Trạm y tế xã VI | 1,00 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai *(Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh)* | 4,91 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Trung tâm y tế Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 0,32 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le ( Điểm dân cư số 23). Hạng mục đất y tế | 1,20 | Xã Ia Đal |
| 8 | Trạm y tế xã Ia Tơi | 1,00 | Xã Ia Tơi |
| 9 | Trạm y tế xã Ia Đal | 1,00 | Xã Ia Đal |
| 10 | Trạm y tế xã Ia Dom | 1,00 | Xã Ia Dom |

+ Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục (DGD) là 31,13 ha để đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng cho ngành giáo dục, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nâng cao, đổi mới chất lượng đào tạo.

#### Bảng 18: Nhu cầu sử dụng đất giáo dục thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Trường mầm non Hoa Mai xã Ia Tơi | 0,91 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Trường mầm non Hoa Mai (diểm trường dân cư 64, xã Ia Tơi) | 0,75 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Trường mầm non Hoa Mai thôn (diểm trường thôn 8, xã Ia Tơi) | 0,43 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 7, xã Ia Tơi) | 1,13 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường chính thôn 1, xã Ia Tơi) | 0,95 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 9, xã Ia Tơi) | 0,36 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm lẻ trường thôn 1) | 0,35 | Xã Ia Tơi |
| 8 | Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường dân cư 64) | 1,05 | Xã Ia Tơi |
| 9 | Trường Mầm non trung tâm hành chính huyện | 1,20 | Xã Ia Tơi |
| 10 | Trường TH-THCS trung tâm hành chính huyện | 2,00 | Xã Ia Tơi |
| 11 | Bổ sung cơ sở vật chất cho phân hiệu Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh tại huyện Ia H'Drai | 3,70 | Xã Ia Tơi |
| 12 | Nhà trẻ Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 0,23 | Xã Ia Tơi |
| 13 | Trường THPT huyện Ia H’Drai | 2,00 | Xã Ia Tơi |
| 14 | Trung tâm giáo dục thường xuyên ,trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện | 1,00 | Xã Ia Tơi |
| 15 | Trường TH - THCS xã I | 1,50 | Xã Ia Dom |
| 16 | Trường mầm non xã I | 0,60 | Xã Ia Dom |
| 17 | Trường Mầm non Tuổi Ngọc (điểm trường chính xã Ia Dom) | 0,97 | Xã Ia Dom |
| 18 | Trường Mầm non Tuổi Ngọc (điểm trường thôn Ia Mung, xã Ia Dom) | 0,12 | Xã Ia Dom |
| 19 | Trường Mầm non Tuổi Ngọc (điểm trường nông trường 1 thôn 3) | 0,15 | Xã Ia Dom |
| 20 | Trường mầm non thôn 1 của Công ty TNHH MTV cao su Sa Thầy | 0,46 | Xã Ia Dom |
| 21 | Trường mầm non thôn 2 của Công ty Cổ phần cao su Sa Thầy | 0,57 | Xã Ia Dom |
| 22 | Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du (điểm trường chính xã Ia Dom) | 1,70 | Xã Ia Dom |
| 23 | Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du (điểm trường thôn 2, xã Ia Dom) | 0,20 | Xã Ia Dom |
| 24 | Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du (điểm trường nông trường 1, thôn 3) | 0,25 | Xã Ia Dom |
| 25 | Nhà trẻ Đội 10 - Đoàn KT - QP 78 | 0,10 | Xã Ia Dom |
| 26 | Trường Mầm non Măng Non (điểm trường chính, xã Ia Đal) | 0,72 | Xã Ia Đal |
| 27 | Trường Mầm non Măng Non (điểm trường thôn 1, xã Ia Đal) | 0,20 | Xã Ia Đal |
| 28 | Trường Mầm non Măng non (điểm trưởng thôn Chư Hem, xã Ia Đal) | 0,08 | Xã Ia Đal |
| 29 | Trường TH-THCS Hùng Vương (điểm trường thôn Ia Đal bậc tiểu học) | 1,08 | Xã Ia Đal |
| 30 | Trường TH-THCS Hùng Vương (điểm trường thôn 2, xã Ia Đal) | 0,25 | Xã Ia Đal |
| 31 | Trường TH-THCS Hùng Vương (điểm trường thôn 3, xã Ia Đal) | 0,19 | Xã Ia Đal |
| 32 | Trường TH-THCS Hùng Vương (điểm trường thôn 7, xã Ia Đal) | 0,14 | Xã Ia Đal |
| 33 | Trường TH-THCS Hùng Vương (điểm trường thôn 8, xã Ia Đal) | 0,25 | Xã Ia Đal |
| 34 | Trường TH-THCS Hùng Vương (điểm trường thôn Ia Đal bậc THCS) | 0,74 | Xã Ia Đal |
| 35 | Trường mầm non xã IV | 0,60 | Xã Ia Đal |
| 36 | Trường Mầm non Măng Non điểm trường thôn 5 | 0,50 | Xã Ia Đal |
| 37 | Trường TH - THCS xã IV | 1,50 | Xã Ia Đal |
| 38 | Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le ( Điểm dân cư số 23) | 2,20 | Xã Ia Đal |

+ Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (DTT) là 13,95 ha để xây dựng các sân thể thao *(sân bóng đá, bóng chuyền…)* phục vụ nhu cầu của nhân dân.

#### Bảng 19: Nhu cầu sử dụng đất thể dục thể thao thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| 1 | Sân vận động và khu thể thao liên hợp tại huyện Ia H'Drai | 5,25 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Khu thể thao liên hợp cửa khẩu Đồn biên phòng 713 | 1,30 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Sân thể thao xã Tơi | 1,00 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Sân thể thao xã VI | 1,00 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Sân thể thao xã Ia Đal | 1,00 | Xã Ia Đal |
| 6 | Sân thể thao xã IV | 1,00 | Xã Ia Đal |
| 7 | Sân thể thao xã Ia Dom | 1,00 | Xã Ia Dom |
| 8 | Sân thể thao xã I | 1,00 | Xã Ia Dom |
| 9 | Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le ( Điểm dân cư số 23) | 1,40 | Xã Ia Đal |

+ Nhu cầu sử dụng đất công trình năng lượng (DNL) là 7.001,2 ha để thực hiện các nhà máy thủy điện, điện năng lượng mặt trời, trạm biến áp, cấp lưới điện nông thôn đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng cao, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Trong kỳ quy hoạch định hướng quản lý khai thác sử dụng đất mặt nước lòng hồ thủy điện kết hợp nuôi trồng thủy sản diện tích 500 ha để thử nghiệm nuôi cá lồng.

#### Bảng 20: Nhu cầu sử dụng đất năng lượng thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 2 | Xây kè chống sạt lở bờ sông hạ du Nhà máy thủy điện Sê San 4 | 3,71 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Dự án Nhà máy điện mặt trời Ia Tơi 2 | 62,82 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Dự án Nhà máy điện mặt trời Ia Tơi 2A | 45,00 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Dự án điện gió, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 20,00 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Dự án điện mặt trời 175MWp của công ty Đầu tư phát triển Duy Tân | 210,00 | Xã Ia Tơi |
| 8 | Dự án điện mặt trời DT 1.1-1000MWp và DT 1.2-1000MWp của Công ty Đầu tư phát triển Duy Tân | 2.157,00 | Xã Ia Tơi |
| 9 | Dự án điện mặt trời DT 2-1000MWp của Công ty Đầu tư phát triển Duy Tân | 1.208,80 | Xã Ia Tơi |
| 10 | Dự án điện mặt trời DT 3-2000MWp của Công ty Đầu tư phát triển Duy Tân | 2.413,00 | Xã Ia Tơi |
| 11 | Dự án KfW3.1 | 0,10 | Xã Ia Tơi |
| 12 | Lưới điện thôn 8, xã Ia Tơi | 0,12 | Xã Ia Tơi |
| 13 | Xây lắp lưới điện trung tâm huyện Ia H'Drai | 8,09 | Xã Ia Tơi |
| 14 | Dự án điện năng lượng mặt trời xã Ia Dom | 34,00 | Xã Ia Dom |
| 15 | Trạm biến áp | 0,06 | Xã Ia Dom |
| 16 | Xây dưng lưới điện thôn Chư Hem, xã Ia Đal | 5,15 | Xã Ia Đal |
| 17 | Hạng mục: Thi công xây dựng lưới điện huyện Ia H'Drai-sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi | 2,30 | Xã Ia Tơi |
| 3,50 | Xã Ia Đal |
| 4,10 | Xã Ia Dom |
| 18 | Thủy điện Sa Thầy 1 | 50,00 | Xã Ia Tơi |
| 44,93 | Xã Ia Đal |
| 19 | Thủy điện Sa Thầy 2 | 33,50 | Xã Ia Tơi |
| 34,80 | Xã Ia Đal |
| 38,38 | Xã Ia Dom |
| 20 | Thủy điện Sa Thầy 3 | 66,00 | Xã Ia Dom |
| 30,27 | Xã Ia Đal |
| 21 | Thi công lưới điện nông thôn huyện | 4,50 | Xã Ia Dom |
| 4,56 | Xã Ia Đal |
| 22 | Thi công xây dựng lưới điện thôn 9, xã Ia Tơi | 7,60 | Xã Ia Tơi |
| 23 | Thi công xây dựng lưới điện thôn 1,2, Ia Mung | 3,27 | Xã Ia Dom |
| 24 | Xây lắp lưới điện nông thôn huyện | 2,50 | Xã Ia Dom |
| 3,14 | Xã Ia Đal |

+ Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở bưu chính, viễn thông (DBV) là 1,36 ha để xây dựng các trạm BTS, trạm phát sóng và bưu điện tại các xã đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc trên địa bàn.

#### Bảng 21: Nhu cầu sử dụng đất bưu chính viễn thông thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Trạm BTS KTM2018\_04 | 0,04 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Trạm BTS KTM2018\_05 | 0,04 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Bưu điện xã Ia Tơi | 0,20 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Bưu điện xã VI | 0,20 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Trạm BTS KTM2018\_06 | 0,04 | Xã Ia Dom |
| 6 | Trạm BTS KTM2018\_07 | 0,04 | Xã Ia Dom |
| 7 | Bưu điện xã Ia Dom | 0,20 | Xã Ia Dom |
| 8 | Bưu điện xã I | 0,20 | Xã Ia Dom |
| 9 | Bưu điện xã Ia Đal | 0,20 | Xã Ia Đal |
| 10 | Bưu điện xã IV | 0,20 | Xã Ia Đal |

+ Nhu cầu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA) là 23,3 ha để xây dựng các bãi thu gom xử lý rác thải sinh hoạt bảo vệ môi trường sinh thái.

#### Bảng 22: Nhu cầu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải thời kỳ 2021-2030

#### trên địa bàn huyện Ia H’Drai

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| 1 | Bãi xử lý rác thải xã Ia Dom | 5,80 | Xã Ia Dom |
| 2 | Bãi xử lý rác thải xã I | 2,00 | Xã Ia Dom |
| 3 | Bãi xử lý rác thải xã Ia Đal | 5,00 | Xã Ia Đal |
| 4 | Bãi xử lý rác thải xã IV | 2,00 | Xã Ia Đal |
| 5 | Khu xử lý chất thải rắn | 5,00 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Bãi xử lý rác thải xã Ia Tơi | 1,50 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Bãi xử lý rác thải xã VI | 2,00 | Xã Ia Tơi |

+ Nhu cầu sử dụng đất cơ sở tôn giáo (TON) là 8,81 ha để phục vụ nhu cầu tôn giáo của người dân trên địa bàn huyện.

#### Bảng 23: Nhu cầu sử dụng đất cơ sở tôn giáo thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| 1 | Đất tôn giáo (điểm dân cư 40) | 5,00 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Đất tôn giáo (làng chài) | 3,50 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Quy hoạch mở rộng chùa Huệ Khánh | 0,30 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Đất tôn giáo hồ chứa nước số 1 | 0,01 | Xã Ia Tơi |

+ Nhu cầu sử dụng đất làm nghĩa trang, nhà hỏa tang, nhà tang lễ (NTD) là 45 ha để xây dựng nghĩa trang nhân dân huyện, các xã và nghĩa địa thôn.

#### Bảng 24: Nhu cầu sử dụng đất làm nghĩa trang thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nghĩa trang nhân dân huyện | 10,00 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Nghĩa trang nhân dân xã VI | 3,00 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Nghĩa trang nhân dân xã Ia Tơi | 5,00 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Nghĩa trang nhân dân xã Ia Dom | 10,00 | Xã Ia Dom |
| 5 | Nghĩa trang nhân dân xã I | 3,00 | Xã Ia Dom |
| 6 | Nghĩa địa thôn 3, xã Ia Đal | 0,50 | Xã Ia Đal |
| 7 | Nghĩa địa thôn 2, xã Ia Đal | 0,50 | Xã Ia Đal |
| 8 | Nghĩa địa thôn 6, xã Ia Đal | 0,50 | Xã Ia Đal |
| 9 | Nghĩa địa thôn Ia Đe, xã Ia Đal | 0,50 | Xã Ia Đal |
| 10 | Nghĩa trang nhân dân xã Ia Đal | 10,00 | Xã Ia Đal |
| 11 | Nghĩa trang nhân dân xã IV | 2,00 | Xã Ia Đal |

+ Nhu cầu sử dụng đất chợ (DCH) là 12,55 ha để xây dụng chợ nông sản, chợ trung tâm huyện và chợ các xã.

#### Bảng 25: Nhu cầu sử dụng đất chợ thời kỳ 2021-2030

#### trên địa bàn huyện Ia H’Drai

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| 1 | Chợ nông sản | 1,00 | Xã Ia Tơi |
| 2 | QH chợ xã Tơi | 1,50 | Xã Ia Tơi |
| 3 | QH chợ xã VI | 1,00 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Chợ Trung tâm huyện | 2,52 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Quy hoạch các thửa đất tại lô đất: C3 Chợ trung tâm huyện | 0,33 | Xã Ia Tơi |
| 6 | QH chợ xã Ia Đal | 1,00 | Xã Ia Đal |
| 7 | QH chợ xã IV | 1,00 | Xã Ia Đal |
| 8 | QH chợ xã Ia Dom | 1,00 | Xã Ia Dom |
| 9 | QH chợ xã I | 1,00 | Xã Ia Dom |
| 10 | Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le ( Điểm dân cư số 23) | 2,20 | Xã Ia Đal |

- Nhu cầu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng (DSH) là 6,79 ha dùng để xây dựng các nhà văn hóa thôn, làng phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân, cộng đồng dân cư tại các xã trên địa bàn huyện.

#### Bảng 26: Nhu cầu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nhà văn hóa cộng đồng thôn 9, xã Ia Tơi | 0,10 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Nhà văn hóa cộng đồng thôn 8, xã Ia Tơi | 0,27 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Nhà văn hóa cộng đồng thôn 7, xã Ia Tơi | 0,15 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Nhà văn hóa cộng đồng thôn 1, xã Ia Tơi | 0,55 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Đất sinh hoạt cộng đồng xã VI | 1,00 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Đất sinh hoạt cộng đông xã I | 1,00 | Xã Ia Dom |
| 7 | Nhà văn hóa cộng đồng thôn 1, xã Ia Dom | 0,12 | Xã Ia Dom |
| 8 | Nhà văn hóa cộng đồng thôn 2, xã Ia Dom | 0,25 | Xã Ia Dom |
| 9 | Nhà văn hóa Ia Mung, xã Ia Dom | 0,25 | Xã Ia Dom |
| 10 | Nhà văn hóa thôn 1, xã Ia Đal | 0,15 | Xã Ia Đal |
| 11 | Nhà văn hóa thôn 2, xã Ia Đal | 0,15 | Xã Ia Đal |
| 12 | Nhà văn hóa thôn 3, xã Ia Đal | 0,50 | Xã Ia Đal |
| 13 | Nhà văn hóa thôn 4, xã Ia Đal | 0,15 | Xã Ia Đal |
| 14 | Nhà văn hóa thôn 5, xã Ia Đal | 0,24 | Xã Ia Đal |
| 15 | Nhà văn hóa thôn 6, xã Ia Đal | 0,31 | Xã Ia Đal |
| 16 | Nhà văn hóa thôn 7, xã Ia Đal | 0,16 | Xã Ia Đal |
| 17 | Nhà văn hóa thôn 8, xã Ia Đal | 0,10 | Xã Ia Đal |
| 18 | Nhà văn hóa thôn Ia Đal, xã Ia Đal | 0,12 | Xã Ia Đal |
| 19 | Nhà văn hóa thôn Ia Der, xã Ia Đal | 0,10 | Xã Ia Đal |
| 20 | Nhà văn hóa thôn Chư Hem, xã Ia Đal | 0,12 | Xã Ia Đal |
| 21 | Đất sinh hoạt cộng đồng xã IV | 1,00 | Xã Ia Đal |

- Đất khu vui chơi, giải trí, công cộng (DKV) là 103,72 ha để xây dựng công viên cây xanh, mặt nước, các khu vui chơi, giải trí công cộng đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn huyện, xây dựng huyện thành đô thị văn minh, hiện đại. Nhu cầu sử dụng đất khu vui chơi, giải trí công cộng trên địa bàn huyện thời kỳ 2021-2030 như sau:

#### Bảng 27: Nhu cầu sử dụng đất khu vui chơi, giải trí, công cộng thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đất phát khu vui chơi giải trí công cộng xã Ia Dom | 2,00 | Xã Ia Dom |
| 2 | Đất phát khu vui chơi giải trí công cộng xã I | 2,00 | Xã Ia Dom |
| 3 | Đất phát khu vui chơi giải trí công cộng xã Ia Đal | 2,00 | Xã Ia Đal |
| 4 | Đất phát khu vui chơi giải trí công cộng xã IV | 2,00 | Xã Ia Đal |
| 5 | Đất phát khu vui chơi giải trí công cộng xã Ia Tơi | 2,00 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Đất phát khu vui chơi giải trí công cộng xã VI | 2,00 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Đất công viên cây xanh, mặt nước | 68,52 | Xã Ia Tơi |
| 8 | Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le ( Điểm dân cư số 23) | 23,20 | Xã Ia Đal |

- Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn (ONT) là 940,68 ha được sử dụng để thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất, mở rộng các điểm dân cư trên địa bàn đáp ứng nhu cầu đất ở ngày càng cao của người dân và thực hiện quy hoạch khai thác quỹ đất đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu ngân sách.

Tại một số điểm dân cư chưa có quy hoạch chi tiết được định hướng quy hoạch đất ở và đất phát triển hạ tầng sẽ được xác định chi tiết khi lập quy hoạch chi tiết và kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

Nhu cầu đất ở trên địa bàn huyện thời kỳ 2021-2030 như sau:

#### Bảng 28: Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 3 | 21,23 | Xã Ia Đal |
| 2 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 4 | 12,00 | Xã Ia Đal |
| 3 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 4 mở rộng | 13,91 | Xã Ia Đal |
| 4 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 6 | 20,00 | Xã Ia Đal |
| 5 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 7 | 34,30 | Xã Ia Đal |
| 6 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 7 mở rộng | 29,00 | Xã Ia Đal |
| 7 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 8 | 0,24 | Xã Ia Đal |
| 8 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 9 | 21,88 | Xã Ia Đal |
| 9 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 10 | 6,50 | Xã Ia Đal |
| 10 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 10 mở rộng | 22,00 | Xã Ia Đal |
| 11 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 11 | 16,27 | Xã Ia Đal |
| 12 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 13 | 17,45 | Xã Ia Đal |
| 13 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 14 | 21,28 | Xã Ia Đal |
| 14 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 15 | 16,65 | Xã Ia Đal |
| 15 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 16 | 26,59 | Xã Ia Đal |
| 16 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 17 | 26,59 | Xã Ia Đal |
| 17 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 18 | 12,10 | Xã Ia Đal |
| 18 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 19 | 21,28 | Xã Ia Đal |
| 19 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 20 | 8,51 | Xã Ia Đal |
| 20 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 21 | 22,61 | Xã Ia Đal |
| 21 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 22 | 12,10 | Xã Ia Đal |
| 22 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 24 | 15,73 | Xã Ia Đal |
| 23 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 26 | 24,40 | Xã Ia Đal |
| 24 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 27 | 6,60 | Xã Ia Đal |
| 25 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 29 | 31,90 | Xã Ia Đal |
| 26 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 30 | 11,93 | Xã Ia Đal |
| 27 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 31 | 4,26 | Xã Ia Đal |
| 28 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 32 | 19,93 | Xã Ia Đal |
| 29 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 33 | 21,28 | Xã Ia Đal |
| 30 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 34 | 15,00 | Xã Ia Đal |
| 31 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 35 | 62,70 | Xã Ia Tơi |
| 32 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 36 | 23,90 | Xã Ia Tơi |
| 33 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 37 | 14,40 | Xã Ia Tơi |
| 34 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 39 | 6,10 | Xã Ia Tơi |
| 35 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 40 | 1,50 | Xã Ia Tơi |
| 36 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 44 | 7,70 | Xã Ia Tơi |
| 37 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 45 mở rộng | 42,33 | Xã Ia Tơi |
| 38 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 63 | 7,46 | Xã Ia Tơi |
| 39 | Xây dựng điểm dân cư 64 *(Trung tâm hành chính xã VI)* thuộc xã Ia Tơi để thực hiện đề án di dân, bố trí, sắp xếp dân cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai | 10,30 | Xã Ia Tơi |
| 40 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 66 | 27,23 | Xã Ia Tơi |
| 41 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 67 | 3,50 | Xã Ia Tơi |
| 44 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư 47 | 20,10 | Xã Ia Dom |
| 45 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư 48 mở rộng | 14,40 | Xã Ia Dom |
| 46 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư 49 | 19,80 | Xã Ia Dom |
| 47 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư 56 (Công ty ĐTPT Duy Tân + Công ty TNHH MTV 78) | 6,50 | Xã Ia Dom |
| 48 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư số 55 | 30,00 | Xã Ia Dom |
| 49 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư 3 (vị trí 2 Công ty ĐTPT Duy Tân) | 6,50 | Xã Ia Dom |
| 50 | Quy hoạch đất ở ngã ba Quốc lộ 14C | 7,47 | Xã Ia Tơi |
| 51 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất NKD3; MDT6; MDT7; MDT19 khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum | 2,62 | Xã Ia Tơi |
| 52 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất gồm: MDT8, MDT16, ONT1, MDC10, MDC3, MDC8 | 1,19 | Xã Ia Tơi |
| 53 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất D1, D2, D3, D5, D6, D7, D8, D9, D10 điểm dân cư số 41 Trung tâm hành chính xã Ia Tơi | 4,35 | Xã Ia Tơi |
| 54 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDT 1, MDT 2, MDT 3, MDT 4, MDT 5, MDT 12, MDT 13, MDT 14 (đường ĐĐT 37) khu Công cộng – Dịch vụ huyện Ia H’Drai | 6,44 | Xã Ia Tơi |
| 55 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDC1, MDC2, MDC3 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai | 2,60 | Xã Ia Tơi |
| 56 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDC7, MDT1, MDT3 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 2,77 | Xã Ia Tơi |
| 57 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDT4, MDT5, MDT7, MDC8 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 2,92 | Xã Ia Tơi |
| 58 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDC9, MDC10, MDC11, MDC12, MDT8 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 2,67 | Xã Ia Tơi |
| 59 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDT9, MDT10, MDT11, MDC15 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 2,69 | Xã Ia Tơi |
| 60 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDC16, MDC17, MDC20, MDC21, MDC22 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 3,01 | Xã Ia Tơi |
| 61 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDT14, MDT15, MDC8, MDC19 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 3,07 | Xã Ia Tơi |
| 62 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDC23, MDC24, MDC25, MDC26 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 2,69 | Xã Ia Tơi |
| 63 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDT16, MDT17, MDT18, MDT2 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 3,64 | Xã Ia Tơi |
| 64 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDT6, MDT12, MDT13, MDC5 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 4,18 | Xã Ia Tơi |
| 65 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDC4, MDC6, MDC13, MDC14 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 1,92 | Xã Ia Tơi |
| 66 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất DC1, DC2, DC3, DC4, DC5, DC6, DC7, DC8, DT1, DT2, DT3, DT4, Dt5, DT6 tại điểm dân cư nông thôn số 20 kết hợp khu thương mại dọc biên giới, xã Ia Đal, huyện Ia H’Drai | 9,50 | Xã Ia Tơi |
| 67 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất DC1, DC2, DC3, DC4, DC5, DC6, DC7, DC8, DC9, DC10, DC11, DT1, DT2, DT3 tại Điểm dân cư nông thôn số 42, xã Ia Tơi, huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum | 4,99 | Xã Ia Tơi |
| 68 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất DT4, DT5, DT6, DT7, DT8, DT9, DT10, DT11, DT12, DT13, DT14, DT15, DT16 tại Điểm dân cư nông thôn số 42, xã Ia Tơi, huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum | 6,16 | Xã Ia Tơi |
| 69 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDC1, MDC2, MDC3, MDC4, MDC5, MDC6, MDC7, MDC8, MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5 Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le (Điểm dân cư số 23), xã Ia Đal, huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum | 15,12 | Xã Ia Đal |
| 70 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất MDT6, MDT7, MDT8, MDT9, MDT10, MDT11, MDT12, ODV1, ODV2, ODV3, ODV4 Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le (Điểm dân cư số 23), xã Ia Đal, huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum | 10,43 | Xã Ia Đal |
| 71 | Quy hoạch đất ở Điểm dân cư ngã 3 Sê San - Quốc lộ 14C ( thuộc điểm dân cư số 38) thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất | 1,80 | Xã Ia Tơi |
| 72 | Quy hoạch đất ở tại các lô đất thuộc Điểm dân cư số 02, tại thôn 2 | 0,51 | Xã Ia Dom |

- Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC) là 21,15 ha để thực hiện xây dựng trụ sở HĐND-UBND của 03 xã dự kiến thành lập trong thời gian tới và trụ sở các cơ quan trên địa bàn huyện. Trong kỳ quy hoạch hoàn thiện các hồ sơ thủ tục về đất đai để thực hiện công tác giao đất cho UBND 03 xã Ia Tơi, Ia Dom, Ia Đal.

#### Bảng 29: Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| 1 | Trụ sở HĐND - UBND xã I (dự kiến tách xã) | 2,25 | Xã Ia Dom |
| 2 | Trụ sở HĐND - UBND IV (dự kiến tách xã) | 2,25 | Xã Ia Đal |
| 3 | Trụ sở HĐND - UBND xã VI (dự kiến tách xã) | 2,25 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Chi cục thi hành án huyện | 0,50 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le ( Điểm dân cư số 23) | 5,50 | Xã Ia Đal |
| 6 | Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Đal | 3,00 | Xã Ia Đal |
| 7 | Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Dom | 3,90 | Xã Ia Dom |
| 8 | Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Tơi | 1,50 | Xã Ia Tơi |

- Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp (DTS) là 1,99 ha để thực hiện xây dựng trụ sở của các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện.

#### Bảng 30: Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Trung tâm phòng cháy, chữa cháy rừng huyện Ia H'Drai | 0,24 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Trung tâm điều hành nhân giống và chăm sóc cây công nghiệp | 1,25 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Hạt quản lý cầu đường huyện | 0,50 | Xã Ia Tơi |

- Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp khác (PNK) là 65,85 ha để xây dựng nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động, xây dựng kho và nhà để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đất xây dựng công trình khác của các đơn vị sử dụng đất.

Đối với các dự án phát triển vùng nông nghiệp, xây dựng trang trại chăn nuôi, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 -2030 trên địa bàn huyện Ia H’Drai xác định diện tích sử dụng đất phi nông nghiệp khác chiếm khoảng 5% quy mô dự án, diện tích sử dụng từng loại đất sẽ được xác định chi tiết sẽ được xác định khi triển khai thực hiện dự án.

#### Bảng 31: Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp khác thời kỳ 2021-2030

#### trên địa bàn huyện Ia H’Drai

| **TT** | **Hạng mục** | **Diện tích (ha)** | **Địa điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Trụ sở Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 1,61 | Xã Ia Tơi |
| 2 | Trụ sở Nông trường 4, Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 1,03 | Xã Ia Tơi |
| 3 | Kho vật tư Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 0,41 | Xã Ia Tơi |
| 4 | Trụ sở Nông trường 1, Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 1,00 | Xã Ia Tơi |
| 5 | Trụ sở Nông trường 2 Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 1,50 | Xã Ia Tơi |
| 6 | Nhà ăn của Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 0,71 | Xã Ia Tơi |
| 7 | Nhà hàng giải trí của Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 0,56 | Xã Ia Tơi |
| 8 | Đất trụ sở nông trường 4 - Công ty Cổ phần dầu tư và phát triển Duy Tân | 1,40 | Xã Ia Tơi |
| 9 | Trụ sở nông trường cao su suối cát Công ty Cổ phần cao su Sa Thầy | 0,51 | Xã Ia Dom |
| 10 | Trụ sở nông trường cao su Bãi Lau Công ty Cổ phần cao su Sa Thầy | 1,06 | Xã Ia Đal |
| 11 | Trụ sở nông trường cao su suối Đá Công ty Cổ phần cao su Sa Thầy | 1,18 | Xã Ia Đal |
| 12 | Trụ sở Nông trường 3, Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 3,14 | Xã Ia Đal |
| 13 | Nhà tổ, nhà tập thể công nhân Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 4,93 | Xã Ia Tơi |
| 14 | Nhà ở tập thể cho cán bộ công nhân viên Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray | 0,05 | Xã Ia Tơi |
| 15 | Khu nhà ở tập thể của cán bộ công nhân viên chức Công ty Cổ phần cao su Sa Thầy | 0,78 | Xã Ia Dom |
| 16 | Xây dựng bổ sung mới Trạm quản lý bảo vệ rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai | 0,60 | Xã Ia Tơi |
| 17 | Chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng Trạm quản lý bảo vệ rừng trên đất đã có trạm xây dựng tạm thời của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai | 1,50 | Xã Ia Tơi |
| 18 | Trạm quản lý bảo vệ rừng số 5, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai | 0,07 | Xã Ia Tơi |
| 19 | Trạm quản lý bảo vệ rừng số 6, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai | 0,13 | Xã Ia Tơi |
| 20 | Dự án thuê rừng QLBVR, trồng rừng sản xuất, kinh doanh rừng bền vững kết hợp gây nuôi nhân giống, chăm sóc và bảo tồn hưu nai và các loài động vật được phép nuôi thả | 1,52 | Xã Ia Đal |
| 21 | Dự án trồng cây xanh phục hồi rừng và kết hợp nông nghiệp công nghệ cao của Công ty TNHH 11-3 IA HDRAI | 0,26 | Xã Ia Tơi |
| 22 | Khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ gắn với việc phát triển cửa khẩu Hồ Le ( Điểm dân cư số 23) | 4,40 | Xã Ia Đal |
| 23 | Dự án nuôi trồng thủy sản của Công ty Đầu tư phát triển Duy Tân (dự án thử nghiệm nuôi cá lồng) | 0,50 | Xã Ia Tơi |
| 24 | Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Ia Dom | 2,00 | Xã Ia Dom |
| 25 | Dự án trang trại chăn nuôi Duyên Thịnh Phát | 0,50 | Xã Ia Đal |
| 26 | Dự án vùng nông nghiệp chăn nuôi công nghệ cao huyện Ia H'Drai | 10,00 | Xã Ia Đal |
| 27 | Dự án đầu tư trồng cây ăn quả hữu cơ kết hợp trang trại Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | 12,50 | Xã Ia Tơi |
| 28 | Dự án vùng nghiên cứu, phát triển giống cây trồng nông - lâm nghiệp chất lượng cao Miền Trung - Tây Nguyên huyện Ia H'Drai | 10,00 | Xã Ia Tơi |
| 29 | Trang trại chăn nuôi gia cầm của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Duy Tân | 2,00 | Xã Ia Tơi |

#### 2.2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Hiện nay, trên địa bàn huyện tại khu trung tâm đã có quy hoạch chung được phê duyệt tại quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ huyện Ia H’Drai tỉnh Kon Tum đến năm 2030 và các đồ án quy hoạch chi tiết tại một số khu vực như: Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu Công cộng – Dịch vụ huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum, Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu Công cộng – Dịch vụ huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum, Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 28/12/2019 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C trung tâm huyện lỵ huyện Ia H’Drai. Để đảm bảo thống nhất giữa các phương án quy hoạch, phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai đã cập nhật đầy đủ các đồ án quy hoạch xây dựng và chỉnh sửa phù hợp với nhu cầu sử dụng đất trong kỳ quy hoạch.

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế, xã hội, danh mục các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn huyện Ia H’Drai đến năm 2025 tầm nhìn thời kỳ 2021-2030; nhu cầu đăng ký sử dụng đất của các sở, ban ngành, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; các quy hoạch trên tất cả các lĩnh vực có nhu cầu sử dụng trên địa bàn huyện; kết quả điều tra, thu thập thông tin, tài liệu, khảo sát thực tế; phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tác động môi trường đến việc sử dụng đất; tình hình quản lý, sử dụng, biến động đất đai, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước và trên cơ sở tiềm năng của quỹ đất hiện có, chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai được tổng hợp cân đối như sau:

#### Bảng 32: Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu sử dụng đất** | **Mã** | **Hiện trạng sử dụng đất đến năn 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030** | **Tăng (+), giảm (-) ha** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)-(4) |
| **1** | **Đất nông nghiệp** | **NNP** | **91.692,20** | **83.498,36** | **-8.193,84** |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |
| 1.1 | Đất trồng lúa | LUA | 105,17 | 446,46 | 341,29 |
|  | *Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước* | *LUC* | *10,60* | *338,20* | *327,60* |
| 1.2 | Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | 2.740,32 | 2.247,43 | -492,89 |
| 1.3 | Đất trồng cây lâu năm | CLN | 8.811,68 | 8.593,70 | -217,98 |
| 1.4 | Đất rừng phòng hộ | RPH | - | - | 0,00 |
| 1.5 | Đất rừng đặc dụng | RDD | - | - | 0,00 |
| 1.6 | Đất rừng sản xuất | RSX | 80.012,39 | 70.944,92 | -9.067,47 |
|  | *Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | *RSN* | *55.594,11* | *55.450,57* | *-143,54* |
| 1.7 | Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | 14,99 | 34,69 | 19,70 |
| 1.8 | Đất làm muối | LMU | - | - | 0,00 |
| 1.9 | Đất nông nghiệp khác | NKH | 7,65 | 1.231,16 | 1.223,51 |
| **2** | **Đất phi nông nghiệp** | **PNN** | **6.324,19** | **14.518,06** | **8.193,87** |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |
| 2.1 | Đất quốc phòng | CQP | 126,09 | 373,65 | 247,56 |
| 2.2 | Đất an ninh | CAN | 5,62 | 7,03 | 1,41 |
| 2.3 | Đất khu công nghiệp | SKK | - | - | 0,00 |
| 2.4 | Đất cụm công nghiệp | SKN | - | 30,00 | 30,00 |
| 2.5 | Đất thương mại, dịch vụ | TMD | 14,96 | 85,69 | 70,73 |
| 2.6 | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | 78,00 | 235,88 | 157,88 |
| 2.7 | Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản | SKS | - | - | 0,00 |
| 2.8 | Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | 8,08 | 120,72 | 112,64 |
| 2.9 | Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | 4.998,23 | 12.411,18 | 7.412,95 |
|  | *Trong đó:* |  | - | - | 0,00 |
| *-* | *Đất giao thông* | *DGT* | *848,73* | *1.444,96* | *596,23* |
| *-* | *Đất thủy lợi* | *DTL* | *243,04* | *453,68* | *210,64* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở văn hóa* | *DVH* | *1,28* | *5,88* | *4,60* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở y tế* | *DYT* | *9,12* | *17,81* | *8,69* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo* | *DGD* | *21,34* | *30,74* | *9,40* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao* | *DTT* | *2,23* | *16,18* | *13,95* |
| *-* | *Đất công trình năng lượng* | *DNL* | *3.850,99* | *10.332,26* | *6.481,27* |
| *-* | *Đất công trình bưu chính, viễn thông* | *DBV* | *0,31* | *1,67* | *1,36* |
| *-* | *Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia* | *DKG* | *-* | *-* | *0,00* |
| *-* | *Đất có di tích lịch sử - văn hóa* | *DDT* | *-* | *-* | *0,00* |
| *-* | *Đất bãi thải, xử lý chất thải* | *DRA* | *-* | *23,30* | *23,30* |
| *-* | *Đất cơ sở tôn giáo* | *TON* | *0,70* | *9,51* | *8,81* |
| *-* | *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng* | *NTD* | *18,49* | *63,49* | *45,00* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ* | *DKH* | *-* | *-* | *0,00* |
| *-* | *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội* | *DXH* | *0,30* | *0,30* | *0,00* |
| *-* | *Đất chợ* | *DCH* | *1,70* | *11,40* | *9,70* |
| 2.10 | Đất danh lam thắng cảnh | DDL | - | - | 0,00 |
| 2.11 | Đất sinh hoạt cộng đồng | DSH | 1,11 | 4,11 | 3,00 |
| 2.12 | Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | - | 103,72 | 103,72 |
| 2.13 | Đất ở tại nông thôn | ONT | 583,52 | 779,05 | 195,53 |
| 2.14 | Đất ở tại đô thị | ODT | - | - | 0,00 |
| 2.15 | Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | 20,82 | 31,47 | 10,65 |
| 2.16 | Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | 2,27 | 4,13 | 1,86 |
| 2.17 | Đất xây dựng cơ sở ngoại giao | DNG | - | - | 0,00 |
| 2.18 | Đất tín ngưỡng | TIN | - | - | 0,00 |
| 2.19 | Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | 429,59 | 232,10 | -197,49 |
| 2.20 | Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | 29,78 | 29,78 | 0,00 |
| 2.21 | Đất phi nông nghiệp khác | PNK | 26,12 | 69,55 | 43,43 |
| **3** | **Đất chưa sử dụng** | **CSD** | **5,42** | **5,39** | **-0,03** |

***2.2.3.1. Đất nông nghiệp***

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 91.692,2 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 83.498,36 ha

Giảm 8.193,84 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020. Cụ thể như sau:

*- Đất trồng lúa*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 105,17 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 446,46 ha. Trong đó, diện tích đất trồng lúa nước là 338,2 ha.

Tăng 341,29 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020.

Nguyên nhân do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 107,5 ha; đất trồng cây lâu năm 225,09 ha; đất sông suối 8,7 ha.

#### Bảng 33: Chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa

| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xã Ia Tơi | 49,39 | 272,87 | 223,48 |
| 2 | Xã Ia Dom | 36,43 | 86,93 | 50,5 |
| 3 | Xã Ia Đal | 19,35 | 86,66 | 67,31 |
| **Tổng** | | **105,17** | **446,46** | **341,29** |

*- Đất trồng cây hàng năm khác*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 2.740,32 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 2.247,43 ha.

Giảm 492,89 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020.

Trong đó: Tăng trong kỳ quy hoạch 1.650 ha do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 650 ha; đất rừng sản xuất là rừng trồng ở những khu vực quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao 1.000 ha.

Giảm trong kỳ quy hoạch 2.142,89 ha do chuyển sang các loại đất trồng lúa 107,5 ha; đất trồng cây lâu năm 1.500 ha; đất nuôi trồng thủy sản 15,75 ha; đất nông nghiệp khác 151,2 ha; đất quốc phòng 2,6 ha; đất an ninh 0,87 ha; đất thương mại dịch vụ 16,1 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 72,17 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng 4,26 ha; đất giao thông 67,15 ha; đất thủy lợi 16,9 ha; đất văn hóa 1,8 ha; đất y tế 2,49 ha; đất giáo dục 2,7 ha; đất thể thao 5,1 ha; đất năng lượng 68,21 ha; đất bưu chính viễn thông 1,36 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 9,25 ha; đất chợ 9,7 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 12,5 ha; đất ở tại nông thôn 59,03 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,25 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,5 ha; đất phi nông nghiệp khác 14,5 ha.

#### Bảng 34: Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng đến năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 1.121,60 | 568,62 | -552,98 |
| 2 | Xã Ia Dom | 804,64 | 373,06 | -431,58 |
| 3 | Xã Ia Đal | 814,08 | 1.305,75 | 491,67 |
| **Tổng** | | **2.740,32** | **2.247,43** | **-492,89** |

*- Đất trồng cây lâu năm*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 8.811,68 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 8.593,7 ha.

Giảm 217,98 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020.

Trong đó: Tăng trong kỳ quy hoạch 1.678,77 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 1.500 ha; đất rừng sản xuất là rừng trồng 178,77 ha.

Giảm trong kỳ quy hoạch 1.896,75 ha do chuyển sang các loại đất trồng lúa 225,09 ha; đất trồng cây hàng năm khác 650 ha; đất nông nghiệp khác 227,56 ha; đất quốc phòng 36,0 ha; đất an ninh 0,54 ha; đất cụm công nghiệp 5,0 ha; đất thương mại dịch vụ 22,9 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 47,14 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng 60 ha; đất giao thông 121,63 ha; đất thủy lợi 59,6 ha; đất văn hóa 2,8 ha; đất y tế 5,99 ha; đất giáo dục 6,7 ha; đất thể thao 8,85 ha; đất năng lượng 182,42 ha; đất bãi thải, xử lý chất thải 14,05 ha; đất tôn giáo 8,5 ha; đất nghĩa trang 7,0 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 3,0 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 80,52 ha; đất ở tại nông thôn 83,87 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 6,0 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 1,56 ha; đất phi nông nghiệp khác 30,23 ha.

#### Bảng 35: Chỉ tiêu sử dụng đất trồng cây lâu năm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 6.923,53 | 6.516,09 | -407,44 |
| 2 | Xã Ia Dom | 512,11 | 637,99 | 125,88 |
| 3 | Xã Ia Đal | 1.376,04 | 1.439,62 | 63,58 |
| **Tổng** | | **8.811,68** | **8.593,70** | **-217,98** |

*- Đất rừng sản xuất*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 80.012,39 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 70.944,92 ha.

Giảm 9.067,47 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển sang các loại đất trồng cây hàng năm khác 1.000 ha; đất trồng cây lau năm 178,77 ha; đất nuôi trồng thủy sản 4 ha; đất nông nghiệp khác 844,7 ha; đất quốc phòng 208,36 ha; đất cụm công nghiệp 25 ha; đất thương mại dịch vụ 24,83 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 37,87 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng 48,38 ha; đất giao thông 407,28 ha; đất thủy lợi 63,28 ha; đất năng lượng 6.112,77 ha; đất tôn giáo 0,3 ha; đất nghĩa trang 38 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 10,7 ha; đất ở tại nông thôn 53,63 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 5,5 ha; đất phi nông nghiệp khác 4,1 ha.

*Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên:*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 55.594,11 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 55.450,57 ha.

Giảm 143,54 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển sang các loại đất quốc phòng 117,72 ha; đất giao thông 15,0 ha; đất ở tại nông thôn 10,22 ha; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,6 ha.

Diện tích đất rừng sản xuất được chuyển đổi mục đích sử dụng sang các loại đất khác trong thời kỳ 2021-2030 là chủ yếu là đất rừng trồng, đất rừng cây cao su, đất trống không có rừng, đất giao cho danh nghiệp trồng cao su nhưng chưa trồng cây.

#### Bảng 36: Chỉ tiêu sử dụng đất rừng sản xuất

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 30.648,82 | 23.300,85 | -7.347,97 |
| 2 | Xã Ia Dom | 30.633,30 | 30.469,13 | -164,17 |
| 3 | Xã Ia Đal | 18.730,27 | 17.174,94 | -1.555,33 |
| **Tổng** | | **80.012,39** | **70.944,92** | **-9.067,47** |

*- Đất nuôi trồng thuỷ sản*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 14,99 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 34,69 ha.

Tăng 19,7 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020.

Trong đó, tăng trong kỳ quy hoạch 19,75 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 15,75 ha; đất rừng sản xuất 4 ha.

Giảm trong kỳ quy hoạch 0,05 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác.

#### Bảng 37: Chỉ tiêu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 7,40 | 13,85 | 6,45 |
| 2 | Xã Ia Dom | 3,27 | 8,37 | 5,10 |
| 3 | Xã Ia Đal | 4,32 | 12,47 | 8,15 |
| **Tổng** | | **14,99** | **34,69** | **19,70** |

*- Đất nông nghiệp khác*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 7,65 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 1.231,16 ha.

Tăng 1.223,51 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm 151,2 ha; đất trồng cây lâu năm 227,56 ha; đất rừng sản xuất 844,7 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,05 ha.

#### Bảng 38: Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp khác

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 7,65 | 759,03 | 751,38 |
| 2 | Xã Ia Dom |  | 98,00 | 98,00 |
| 3 | Xã Ia Đal |  | 374,13 | 374,13 |
| **Tổng** | | **7,65** | **1.231,16** | **1.223,51** |

***2.2.3.2. Đất phi nông nghiệp***

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 6.324,19 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 14.518,06 ha.

Tăng 8.193,87 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020. Cụ thể:

*- Đất quốc phòng*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 126,09 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 373,65 ha.

Tăng 247,56 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển sang từ đất trồng cây hàng năm 2,6 ha; đất trồng cây lâu năm 36 ha; đất rừng sản xuất 208,36 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,6 ha.

#### Bảng 39: Chỉ tiêu sử dụng đất quốc phòng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 45,94 | 227,74 | 181,80 |
| 2 | Xã Ia Dom | 19,27 | 48,29 | 29,02 |
| 3 | Xã Ia Đal | 60,88 | 97,62 | 36,74 |
| **Tổng** | | **126,09** | **373,65** | **247,56** |

*- Đất an ninh*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 5,62 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 7,03 ha.

Tăng 1,41 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển sang từ đất trồng cây hàng năm 0,87 ha; đất trồng cây lâu năm 0,54 ha.

#### Bảng 40: Chỉ tiêu sử dụng đất an ninh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 5,62 | 6,09 | 0,47 |
| 2 | Xã Ia Dom |  | 0,47 | 0,47 |
| 3 | Xã Ia Đal |  | 0,47 | 0,47 |
| **Tổng** | | **5,62** | **7,03** | **1,41** |

*- Đất cụm công nghiệp*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 0 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 30 ha do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 5 ha; đất rừng sản xuất 25 ha.

Phân bố tại xã Ia Tơi.

*- Đất thương mại dịch vụ*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 14,96 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 85,69 ha.

Tăng 70,73 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 16,1 ha; đất trồng cây lâu năm 22,9 ha; đất rừng sản xuất 24,83 ha; đất phi nông nghiệp khác 6,9 ha.

#### Bảng 41: Chỉ tiêu sử dụng đất thương mại dịch vụ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 10,97 | 35,70 | 24,73 |
| 2 | Xã Ia Dom | 2,72 | 22,32 | 19,60 |
| 3 | Xã Ia Đal | 1,27 | 27,67 | 26,40 |
| **Tổng** | | **14,96** | **85,69** | **70,73** |

*- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 78 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 235,88 ha.

Tăng 157,88 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 72,17 ha; đất trồng cây lâu năm 47,14 ha; đất rừng sản xuất 37,87 ha; đất giao thông 0,7 ha.

#### Bảng 42: Chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 46,93 | 146,96 | 100,03 |
| 2 | Xã Ia Dom | 10,97 | 29,47 | 18,50 |
| 3 | Xã Ia Đal | 20,10 | 59,45 | 39,35 |
| **Tổng** | | **78,00** | **235,88** | **157,88** |

*- Đất sản xuất vật liệu xây dựng*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 8,08 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 120,72 ha.

Tăng 112,64 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 4,26 ha; đất trồng cây lâu năm 60 ha; đất rừng sản xuất 48,38 ha.

#### Bảng 43: Chỉ tiêu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 2,92 | 42,92 | 40,00 |
| 2 | Xã Ia Dom |  | 45,96 | 45,96 |
| 3 | Xã Ia Đal | 5,16 | 31,84 | 26,68 |
| **Tổng** | | **8,08** | **120,72** | **112,64** |

*- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia,cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 4.998,23 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 12.411,18 ha.

Tăng 7.412,95 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020.

#### Bảng 44: Chỉ tiêu sử dụng đất phát triển hạ tầng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng đến năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 4.432,89 | 11.230,27 | 6.797,38 |
| 2 | Xã Ia Dom | 197,28 | 456,09 | 258,81 |
| 3 | Xã Ia Đal | 368,06 | 724,82 | 356,76 |
| **Tổng** | | **4.998,23** | **12.411,18** | **7.412,95** |

Cụ thể từ loại đất như sau:

+ Đất giao thông:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 848,73 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 1.444,96 ha.

Tăng 596,23 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020.

Trong đó: tăng trong kỳ quy hoạch 597,06 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 67,15 ha; đất trồng cây lâu năm 121,63 ha; đất rừng sản xuất 407,28 ha; đất ở tại nông thôn 1 ha.

Giảm trong kỳ quy hoạch 0,83 ha do chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,7 ha; đất y tế 0,13 ha.

#### Bảng 45: Chỉ tiêu sử dụng đất giao thông

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng đến năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 373,95 | 815,70 | 441,75 |
| 2 | Xã Ia Dom | 181,86 | 188,33 | 6,47 |
| 3 | Xã Ia Đal | 292,92 | 440,93 | 148,01 |
| **Tổng** | | **848,73** | **1.444,96** | **596,23** |

+ Đất thủy lợi:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 243,04 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 453,68 ha.

Tăng 210,64 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020.

Trong đó: tăng trong kỳ quy hoạch 210,65 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 16,9 ha; đất trồng cây lâu năm 59,6 ha; đất rừng sản xuất 63,28 ha; đất sông suối 70,87 ha.

Giảm trong kỳ quy hoạch 0,01 ha do chuyển sang đất cơ sở tôn giáo.

#### Bảng 46: Chỉ tiêu sử dụng đất thủy lợi

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng đến năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 179,89 | 260,95 | 81,06 |
| 2 | Xã Ia Dom |  | 78,92 | 78,92 |
| 3 | Xã Ia Đal | 63,15 | 113,81 | 50,66 |
| **Tổng** | | **243,04** | **453,68** | **210,64** |

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 1,28 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 5,88 ha.

Tăng 4,6 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 1,8 ha; đất trồng cây lâu năm 2,8 ha.

#### Bảng 47: Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 0,96 | 4,76 | 3,80 |
| 2 | Xã Ia Dom | 0,32 | 0,32 | 0,00 |
| 3 | Xã Ia Đal |  | 0,80 | 0,80 |
| **Tổng** | | **1,28** | **5,88** | **4,60** |

+ Đất xây dựng cơ sở y tế:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 9,12 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 17,81 ha.

Tăng 8,69 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 2,49 ha; đất trồng cây lâu năm 5,99 ha; đất giao thông 0,13 ha; đất sông suối 0,05 ha.

#### Bảng 48: Chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở y tế

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 7,42 | 12,91 | 5,49 |
| 2 | Xã Ia Dom | 1,70 | 2,70 | 1,00 |
| 3 | Xã Ia Đal |  | 2,20 | 2,20 |
| **Tổng** | | **9,12** | **17,81** | **8,69** |

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 21,34 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 30,74 ha.

Tăng 9,4 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 2,7 ha; đất trồng cây lâu năm 6,7 ha.

#### Bảng 49: Chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở giáo dục và đào tạo

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 13,17 | 16,17 | 3,00 |
| 2 | Xã Ia Dom | 3,03 | 5,13 | 2,10 |
| 3 | Xã Ia Đal | 5,14 | 9,44 | 4,30 |
| **Tổng** | | **21,34** | **30,74** | **9,40** |

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 2,23 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 16,18 ha.

Tăng 13,95 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 5,1 ha; đất trồng cây lâu năm 8,85 ha.

#### Bảng 50: Chỉ tiêu sử dụng đất cơ sở thể dục thể thao

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 2,23 | 10,78 | 8,55 |
| 2 | Xã Ia Dom |  | 2,00 | 2,00 |
| 3 | Xã Ia Đal |  | 3,40 | 3,40 |
| **Tổng** | | **2,23** | **16,18** | **13,95** |

+ Đất công trình năng lượng:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 3.850,99 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 10.332,26 ha.

Tăng 6.481,27 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 68,21 ha; đất trồng cây lâu năm 182,42 ha; đất rừng sản xuất 6.112,77 ha; đất thủy lợi 60 ha; đất sông suối 117,87 ha.

#### Bảng 51: Chỉ tiêu sử dụng đất công trình năng lượng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 3.845,84 | 10.060,28 | 6.214,44 |
| 2 | Xã Ia Dom |  | 145,04 | 145,04 |
| 3 | Xã Ia Đal | 5,15 | 126,94 | 121,79 |
| **Tổng** | | **3.850,99** | **10.332,26** | **6.481,27** |

+ Đất công trình bưu chính viễn thông:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 0,31 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 1,67 ha.

Tăng 1,36 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác.

#### Bảng 52: Chỉ tiêu sử dụng đất công trình bưu chính viễn thông

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 0,31 | 0,79 | 0,48 |
| 2 | Xã Ia Dom |  | 0,48 | 0,48 |
| 3 | Xã Ia Đal |  | 0,40 | 0,40 |
| **Tổng** | | **0,31** | **1,67** | **1,36** |

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 0 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 23,3 ha.

Tăng 23,3 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 9,25 ha; đất trồng cây lâu năm 14,05 ha.

#### Bảng 53: Chỉ tiêu sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi |  | 8,50 | 8,50 |
| 2 | Xã Ia Dom |  | 7,80 | 7,80 |
| 3 | Xã Ia Đal |  | 7,00 | 7,00 |
| **Tổng** | | **0,00** | **23,30** | **23,30** |

+ Đất cơ sở tôn giáo:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 0,7 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 9,51 ha.

Tăng 8,81 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 8,5 ha; đất rừng sản xuất 0,3 ha; đất thủy lợi 0,01 ha.

Phân bố tại xã Ia Tơi.

+ Đất làm nghĩa trang:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 18,49 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 63,49 ha.

Tăng 45 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 7 ha; đất rừng sản xuất 38 ha.

#### Bảng 54: Chỉ tiêu sử dụng đất làm nghĩa trang

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 6,42 | 24,42 | 18,00 |
| 2 | Xã Ia Dom | 10,37 | 23,37 | 13,00 |
| 3 | Xã Ia Đal | 1,70 | 15,70 | 14,00 |
| **Tổng** | | **18,49** | **63,49** | **45,00** |

+ Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 0,3 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 0,3 ha.

Không chênh lệch so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020.

Phân bố tại xã Ia Tơi.

+ Đất chợ:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 1,7 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 11,4 ha.

Tăng 9,7 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác.

#### Bảng 55: Chỉ tiêu sử dụng đất chợ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 1,70 | 5,20 | 3,50 |
| 2 | Xã Ia Dom |  | 2,00 | 2,00 |
| 3 | Xã Ia Đal |  | 4,20 | 4,20 |
| **Tổng** | | **1,70** | **11,40** | **9,70** |

*- Đất sinh hoạt cộng đồng*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 1,11 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 4,11 ha.

Tăng 3 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất đất trồng cây lâu năm sang.

#### Bảng 56: Chỉ tiêu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 1,05 | 2,05 | 1,00 |
| 2 | Xã Ia Dom |  | 1,00 | 1,00 |
| 3 | Xã Ia Đal | 0,06 | 1,06 | 1,00 |
| **Tổng** | | **1,11** | **4,11** | **3,00** |

*- Đất khu vui chơi giải trí công cộng*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 0 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 103,72 ha.

Tăng 103,72 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang.

#### Bảng 57: Chỉ tiêu sử dụng đất khu vui chơi giải trí công cộng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi |  | 72,52 | 72,52 |
| 2 | Xã Ia Dom |  | 4,00 | 4,00 |
| 3 | Xã Ia Đal |  | 27,20 | 27,20 |
| **Tổng** | | **0,00** | **103,72** | **103,72** |

*- Đất ở tại nông thôn*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 583,52 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 779,05 ha.

Tăng 195,53 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020.

Trong đó: Tăng trong kỳ quy hoạch 196,53 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 59,03 ha; đất trồng cây lâu năm 83,87 ha; đất rừng sản xuất 53,63 ha.

Giảm trong kỳ quy hoạch 1 ha do chuyển sang đất giao thông.

#### Bảng 58: Chỉ tiêu sử dụng đất ở tại nông thôn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 186,09 | 287,67 | 101,58 |
| 2 | Xã Ia Dom | 172,98 | 196,38 | 23,40 |
| 3 | Xã Ia Đal | 224,45 | 295,00 | 70,55 |
| **Tổng** | | **583,52** | **779,05** | **195,53** |

*- Đất trụ xây dựng trụ sở cơ quan*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 20,82 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 31,47 ha.

Tăng 10,65 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 1,25 ha; đất trồng cây lâu năm 6 ha; đất rừng sản xuất 5,5 ha.

#### Bảng 59: Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 15,57 | 16,62 | 1,05 |
| 2 | Xã Ia Dom | 1,79 | 3,84 | 2,05 |
| 3 | Xã Ia Đal | 3,46 | 11,01 | 7,55 |
| **Tổng** | | **20,82** | **31,47** | **10,65** |

*- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 2,27 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 4,13 ha.

Tăng 1,86 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,5 ha; đất trồng cây lâu năm 1,36 ha.

#### Bảng 60: Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 0,47 | 2,33 | 1,86 |
| 2 | Xã Ia Dom | 1,80 | 1,80 | 0,00 |
| 3 | Xã Ia Đal |  | 0,00 | 0,00 |
| **Tổng** | | **2,27** | **4,13** | **1,86** |

*- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 429,59 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 232,1 ha.

Giảm 197,49 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển sang đất trồng lúa 8,7 ha; đất thủy lợi 70,87 ha; đất y tế 0,05 ha; đất năng lượng 117,87 ha.

#### Bảng 61: Chỉ tiêu sử dụng đất sông suối

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng đến năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 137,55 | 84,23 | -53,32 |
| 2 | Xã Ia Dom | 129,99 | 44,45 | -85,54 |
| 3 | Xã Ia Đal | 162,05 | 103,42 | -58,63 |
| **Tổng** | | **429,59** | **232,10** | **-197,49** |

*- Đất có mặt nước chuyên dùng*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 29,78 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 29,78 ha.

Không chênh lệch so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020.

#### Bảng 62: Chỉ tiêu sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 3,11 | 3,11 | 0,00 |
| 2 | Xã Ia Dom | 10,39 | 10,39 | 0,00 |
| 3 | Xã Ia Đal | 16,28 | 16,28 | 0,00 |
| **Tổng** | | **29,78** | **29,78** | **0,00** |

*- Đất phi nông nghiệp khác*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 26,12 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 69,55 ha.

Giảm 43,43 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020.

Tăng trong kỳ quy hoạch 50,33 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 14,5 ha; đất trồng cây lâu năm 30,23 ha; đất rừng sản xuất 4,1 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,5 ha.

Giảm trong kỳ quy hoạch 6,9 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ.

#### Bảng 63: Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp khác

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm** | **Hiện trạng năm 2020 (ha)** | **Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 (ha)** | **Tăng (+) Giảm (-)** |
| 1 | Xã Ia Tơi | 16,26 | 44,27 | 28,01 |
| 2 | Xã Ia Dom | 4,48 | 3,48 | -1,00 |
| 3 | Xã Ia Đal | 5,38 | 21,80 | 16,42 |
| **Tổng** | | **26,12** | **69,55** | **43,43** |

***2.2.3.3. Đất chưa sử dụng***

Diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 là 5,42 ha.

Diện tích quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 là 5,39 ha.

Giảm 0,03 ha so với diện tích hiện trạng sử dụng đất đến ngày 31/12/2020 do chuyển sang đất y tế.

Phân bổ tại xã Ia Tơi.

**Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai**

### 2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

Khu chức năng sử dụng đất là khu vực đất có một hoặc nhiều loại đất được khoanh định theo không gian sử dụng để ưu tiên sử dụng vào một hoặc một số mục đích chủ yếu được xác định trong quy hoạch đảm bảo phát triển đồng bộ, hiệu quả, bền vững. Phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 xác định trên địa bàn huyện có các khu chức năng như sau:

*Khu sản xuất nông nghiệp:*

- Khu vực chuyên trồng lúa nước: Quy hoạch thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện thực hiện mở rộng thêm 327,6 ha đất trồng lúa nước, đến năm 2030, diện tích đất chuyên trồng lúa nước dự kiến là 338,2 ha nhằm đáp ứng nhu cầu an ninh, ổn định lương thực trên địa bàn huyện, đáp ứng nhu cầu về đất sản xuất trồng lúa của người dân trên địa bàn, hình thành các cánh đồng sản xuất lúa tập trung, cơ giới hóa trong sản xuất.

- Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm: Phương án quy hoạch thời kỳ 2021-2030 xác định diện tích đất chuyên trồng cây lâu năm đến năm 2030 trên địa bàn huyện là 750 ha. Đây là khu vực xác định chuyên trồng các loại cây lâu năm được định hướng đưa vào các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao mang lại hiệu quả kinh tế.

*Khu vực đất lâm nghiệp:* Trên địa bàn huyện diện tích đất chức năng lâm nghiệp chủ yếu là đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên với diện tích 55.450,57 ha giúp điều hòa không khí, tạo oxy, giúp cho không khí trong lành bởi chức năng quang hợp của cây xanh; giúp điều tiết nước, phòng lũ lụt, xói mòn, ngăn chặn gió bão; giúp đất tăng độ phì nhiêu, bồi dưỡng thêm các tiềm năng của đất; là nơi trú ngụ của các loài động vật.

*Khu phát triển công nghiệp:* Quy hoạch sử dụng dất thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn huyện quy hoạch hình thành cụm công nghiệp với diện tích 30 ha tại xã Ia Tơi để đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng các nhà máy, cơ sở sản xuất thương mại, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm.

*Khu dân cư nông thôn:* Quy hoạch đến năm 2030, quỹ đất khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện là 956,85 ha gồm đất trồng cây hàng năm khác 1,14 ha; đất trồng cây lâu năm 51,38 ha; đất quốc phòng 19,27 ha; đất thương mại dịch vụ 17,14 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 14,2 ha; đất y tế 17,81 ha; đất giáo dục 30,74 ha; đất thể dục thể thao 16,18 ha; đất bưu chính viễn thông 1,67 ha; đất chợ 11,4 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 4,11 ha; đất ở tại nông thôn 766,83 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,79 ha; đất phi nông nghiệp khác 3,19 ha.

*Khu đô thị:* Căn cứ quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ huyện Ia H’Drai tỉnh Kon Tum đến năm 2030, quy hoạch khu vực thị trấn diện tích 600 ha với chức năng là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại, dịch vụ, văn hóa giáo dục và các khu dân cư đô thị tập trung của huyện; xây dựng đô thị mang bản sắc dân tộc, văn hóa và đặc điểm tự nhiên đặc trưng của vùng Tây Nguyên, đầu mối giao thông, dịch vụ của khu vực phía Tây – Nam của tỉnh, có vị trí an ninh quốc phòng quan trọng. Dự báo đến năm 2030 dân số toàn đô thị khoảng 12.000 người với quy mô sử dụng đất khoảng 422,57 ha gồm: đất thương mại dịch vụ 21,02 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 44,9 ha; đất giao thông 65,64 ha; đất y tế 6,15 ha; đất cơ sở giáo dục và đào tạo 14,92 ha; đất thể thao 8,56 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 8,56 ha; đất ở 224,01 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 19,33 ha.

*Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn:* Trong kỳ quy hoach, đất sản xuất phi nông nghiệp nông thôn được xác định là 8,85 ha để quy hoạch các làng nghề tiểu thủ công nghiệp tại các xã.

## III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

### 3.1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Quy hoạch sử dụng đất là căn cứ pháp lý quan trọng triển khai lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm để thực hiện phân chia quy hoạch sử dụng đất theo thời gian thực hiện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất. Do đó, phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trong quá quá trình phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp và dịch vụ đòi hỏi quỹ đất khá lớn mà Nhà nước cần thu hồi. Phương án quy hoạch khoanh định những khu đất để triểu khai thực hiện các dự án đầu tư, phê duyệt danh mục các công trình, dự án trong kỳ quy hoạch, là cơ sở để nhà nước thu hồi đất để phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Khi thu hồi đất Nhà nước sẽ phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư cho người có đất bị thu hồi để giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật.

Quy hoạch sử dụng đất thực hiện khoanh vùng đất đai theo không gian sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính trong một khoảng thời gian xác định sẽ là căn cứ pháp lý quan trọng để triển khai công tác đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các khu đất, thửa đất phù hợp với quy hoạch trên địa bàn huyện Ia H’Drai thời kỳ 2021-2030.

### 3.2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực

Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai thực hiện quy hoạch mở rộng diện tích đất chuyên trồng lúa nước 327,6 ha, tổng diện tích gieo trồng *(chưa bao gồm mặt nước)* đến năm 2025 đạt 30.837,0 ha.

Phương án quy hoạch đã tập trung phát triển các loại cây trồng phù hợp với điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, các loại thủy, hải sản sẽ góp phầm đảm bảo an ninh, ổn định lương thực trên địa bàn huyện.

Trong kỳ quy hoạch sử dụng đất huyện đã hạn chế tối đa việc sử dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa sang mục đích khác nhằm bảo vệ diện tích đất lúa hiện có trên địa bàn.

### 3.3. Đánh tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ổ, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Phương án quy hoạch sử dụng đất đã tạo thêm quỹ đất ở tại nông thôn trên địa bàn huyện là 196,53 ha, dự kiến diện tích đất ở nông thôn đến năm 2030 là 779,05 ha. Quỹ đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất và quy hoạch mở rộng các điểm dân cư trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng được nhu cầu đất ở, nhà ở của người dân trên địa bàn huyện; đồng thời tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương.

Theo quy hoạch, tổng diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện chủ yếu là đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp thu hồi chủ yếu của các doanh nghiệp thuê đất trên địa bàn huyện; diện tích đất ở thu hồi trong kỳ quy hoạch là 1 ha. Do đó, Phương án quy hoạch sử dụng đất tác động không lớn đến đời sống, chuyển đổi nghề nghiệp của người có đất bị thu hồi. Khi thu hồi đất người có đất bị thu hồi sẽ được bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật.

### 3.4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Phát triển cơ sở hạ tầng hợp lý có vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững. Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai thực hiện quy hoạch các khu vực đầu tư cở sở hạ tầng có khả năng thích ứng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của trên địa bàn huyện và môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư. Nâng cao đời sống nhân dân về mặt cung cấp điện, nước sạch, vệ sinh môi trường, chất lượng cuộc sống.

Quy hoạch sử dụng đất xác định hệ thống đường giao thông được đầu tư đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương, trao đồi hàng hóa giữa các vùng; cơ sở vật chất cho các hệ thống y tế, giáo dục, thủy lợi, năng lượng, thể thao được quan tâm đầu tư góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện ngày càng hoàn thiện, phát triển bền vững.

Việc bố trí quỹ đất phục vụ phát triển trung tâm huyện, các xã theo chương trình NTM thúc đẩy quá trình đầu tư phát triển sản xuất, tập trung dân cư mật độ cao, hình thành cơ cấu sản xuất hiện đại, cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại góp phần cụ thể thực hiện chủ trương đô thị hóa, hiện đại hóa, công nghiệp hóa trên địa bàn huyện Ia H’Drai.

### 3.5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc

Phương án tạo quỹ đất 4,6 ha để xây dựng đất xây dựng cơ sở văn hóa phát huy các giá trị truyền thống, mang đậm bản sắc dân tộc và đưa vào nghiên cứu, phát triển du lịch.

Quy hoạch tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà nước, phục hồi lại rừng, chú trọng trồng các loại cây bản địa, bảo đảm tạo dấu ấn sâu sắc đối với du khách. Đồng thời, chú trọng bảo vệ môi trường, thu gom xử lý rác thải tại các điểm du lịch; xây dựng các tua, tuyến du lịch trong khoảng thời gian hợp lý nhất tạo điều kiện tốt cho du khách tham quan...

### 3.6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ

Phương án đã thự hiện quy hoạch các điểm mỏ phục vụ nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện đưa các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn huyện vào quản lý, khai thác hợp lý, hiệu quả.

Trong kỳ quy hoạch, chú trọng việc khoanh nuôi thực hiện trồng rừng phục hồi, sử dụng tán rừng để trồng cây dược liệu, nguyên liệu có giá trị kinh tế cao, giải quyết sinh kế cho người dân kết hợp bảo vệ rừng, bảo tồn các loại động thực vật bản địa.

Diện tích quy hoạch bố trí cơ bản đáp ứng nhu cầu xây dựng các khu xử lý, bãi chôn lấp chất thải; quy hoạch các nghĩa trang, nghĩa địa tập của từng xã; dành quỹ đất để xây dựng hệ thống kênh mương, rãnh thoát nước trong khu dân cư; khai thác triệt để đất chưa sử dụng vào sử dụng; đảm bảo được diện tích cây xanh, đảm bảo ngưỡng an toàn về môi trường sinh thái,... Việc quy hoạch được thực hiện trên nguyên tắc khai thác tiết kiệm, hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Phương án quy hoạch sẽ tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường, từng bước tạo thói quen, nếp sống vì môi trường xanh, sạch đẹp. Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường. Bảo vệ và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường và cân bằng sinh thái.

**PHẦN V**

# GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

## I. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

Sử dụng đất tiết kiệm, khai thác triệt để không gian, phát triển kết cấu hạ tầng. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất, khai hoang, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp nhằm sử dụng triệt để, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đấp ứng nhu cầu đất sản xuất ngày càng cao.

Trong quá trình sử dụng đất phải thường xuyên cải tạo để nâng cao độ phì nhiêu của đất, sử dụng đất một cách tiết kiệm, hiệu quả. Hạn chế việc cày, xới bề mặt đất tại những vùng đất dốc *(nhất là trong thời gian mùa mưa).* Khuyến khích đầu tư, thâm canh tăng năng suất và chất lượng cây trồng phù hợp với điều kiện thời tiết, khía hậu, thổ nhưỡng; chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ môi trường.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc bảo vệ môi trường, xây dựng và thực hiện chương trình hành động cụ thể để bảo vệ môi trường, xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp và đảm bảo phát triển bền vững trên địa bàn huyện.

Tuyên truyền vận động người dân trong việc sử dụng nước sạch và giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng chuồn trại chăn nuôi xa khu vực nhà ở, khu dân cư. Xử lý rác thải sinh hoạt đúng nơi quy định.

Khuyến khích người dân, doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nhằm đem lại năng suất cây trồng, hiệu quả kinh tế.

Việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu trong quá trình sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn chủng loại cho phép nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước, hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu trên địa bàn huyện. Các trai, lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng phải được sử lý đúng quy định, kỹ thuật, không xả thải bừa bãi ra môi trường.

Đẩy mạnh việc khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, nâng cao hệ số che phủ, rừng, trồng cây xanh trong các khu vực phát triển dân cư, trụ sở cơ quan, công viên,...

Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm, kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác quản lý môi trường, triển khai đồng bộ, kịp thời việc đầu tư công trình xử lý rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện.

## II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện Quy hoạch sử dụng đất

Thực hiện quy hoạch và đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng, công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, giáo dục, ý tế, thủy lợi... Nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động qua đào tạo và sức khoẻ người lao động trên địa bàn huyện.

Cần có các chính sách đãi ngộ để thu hút cán bộ có trình độ, năng lực đến làm việc trên bần huyện. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn liên kết và vốn tự có, ngày công lao động trong nhân dân.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tích cực đầu tư phát triển, thực hiện đổi mới cơ cấu đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp tư nhân. Huy động vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chủ yếu từ thu tiền sử dụng đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, đấu thầu sử dụng đất đối với cá nhân, doanh nghiệp với vốn tự có, vốn cổ phần và vốn vay ngân hàng.

Về đầu tư thiết bị công nghệ: Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp về thông tin thiết bị công nghệ, triển khai các đề tài khoa học công nghệ, tiến độ khoa học, kỹ thuật phục vụ sản xuất, hỗ trợ kinh phí đầu tư thiết bị công nghệ và có chính sách ưu đãi.

## III. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện Quy hoạch sử dụng đất

**a. Ủy ban nhân dân huyện**

Chỉ đạo thực hiện công bố, công khai rộng rãi phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên Trang thông tin điện tử của huyện, trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại trụ sở UBND các xã, phòng Kinh tế - Hạ tầng, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch sử dụng đất được duyệt; phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật đất đai.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt; thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**b. Phòng Kinh tế - Hạ tầng**

Tổ chức thực hiện công bố công khai quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai theo đúng quy định.

Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

Phối hợp với các ngành liên quan rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện đã được duyệt, đảm bảo sự thống nhất giữa các quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

**c. Trung tâm Văn hóa – Thể thao – Du lịch và Truyền thông huyện**

Phối hợp với phòng Kinh tế - Hạ tầng đăng tải hồ sơ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 đã được phê duyệt của huyện Ia H’Drai lên Trang thông tin điện tử của huyện để các tổ chức, cá nhân và nhân dân được biết.

**d. Ủy ban nhân dân các xã**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai nhất là quy định về việc sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cấp giáy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thu đất, chuyển mục đích sử dụng đất để nâng cao nhận thức trong các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân.

Phối hợp với phòng Kinh tế - Hạ tầng thực hiện công khai quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân, trên hệ thống loa, đài… của xã.

Phối hợp với phòng Kinh tế - Hạ tầng kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm.

## IV. Giải pháp khác

### 5.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; đồng thời xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; đảm bảo việc sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, các địa phương phải dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng cần bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn huyện.

Xây dựng chính sách đất đai và cụ thể hoá các điều khoản của Luật đất đai và các văn bản dưới Luật, đảm bảo kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Xây dựng các chính sach kêu gọi, khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện; khuyến khích phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, thương mại, du lịch. Khuyến khích đầu tư thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Tăng cường đầu tư để đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên môn ở tất cả các ngành, các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Quan tâm và giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời có chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, bố trí việc làm để ổn định đời sống cho các hộ khi bị thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Giải quyết tranh chấp đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

Đẩy nhanh tiến độ đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đất lần đầu cho người dân trên địa bàn huyện.

### 5.2. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

Bố trí đủ điều kiện vật chất, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quản lý đất đai, xây dựng cở sở dữ liệu đất đai trên địa bàn huyện.

Tăng cường công tác điều tra cơ bản, nâng cao chất lượng công tác dự báo, sự tham gia đóng góp ý kiến của người dân, các ngành nghề, lĩnh vực sử dụng đất nhằm nâng cao tính khả thi của phương án quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện Ia H’Drai.

# 

# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. **Kết luận**

Phương án quy hoạch sử dụng đất đến thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai được xây dựng dựa trên sơ sở tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ trước; kết quả tổng hợp nhu cầu sử dụng đất từ các sở, ngành, các phòng, ban và Ủy ban nhân dân các xã; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng của huyện Ia H’Drai, quy hoạch và định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực; nhu cầu sử dụng đất các sở, ban ngành, địa phương xác định; tiềm năng và quỹ đất hiện có trên địa bàn huyện. Trong đó, từng chỉ tiêu sử dụng đất đã được cân nhắc, tính toán, cân đối kỹ lưỡng để đảm bảo nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, địa phương.

Phương án quy hoạch đất được xây dựng cho từng chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh có xét đến tính khả thi, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững và đảm bảo môi trường sinh thái.

Phương án có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện, là căn cứ, cơ sở để thực hiện việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch của các ngành, triển khai lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhằm đảm bảo sự thống nhất trong quản lý và sử dụng đất trên địa bàn. Đất chưa sử dụng được khai thác triệt để, đảm bảo tính tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái... và sự hài hoà trong sử dụng đất cũng như cân bằng tự nhiên.

Các chỉ tiêu sử dụng đất trong phương án là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng theo đúng pháp luật hiện hành, giúp cho các ngành có cơ sở pháp lý đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

Trình tự, nội dung các bước trong phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai được thực hiện tuân thủ theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

## 2. Kiến nghị

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của huyện cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, UBND huyện Ia H’Drai có một số kiến nghị sau:

- Đề nghị sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt phương án Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Ia H’Drai để Ủy ban nhân dân huyện có cơ sở thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương./.